APCI 2017

Báo cáo

Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2017

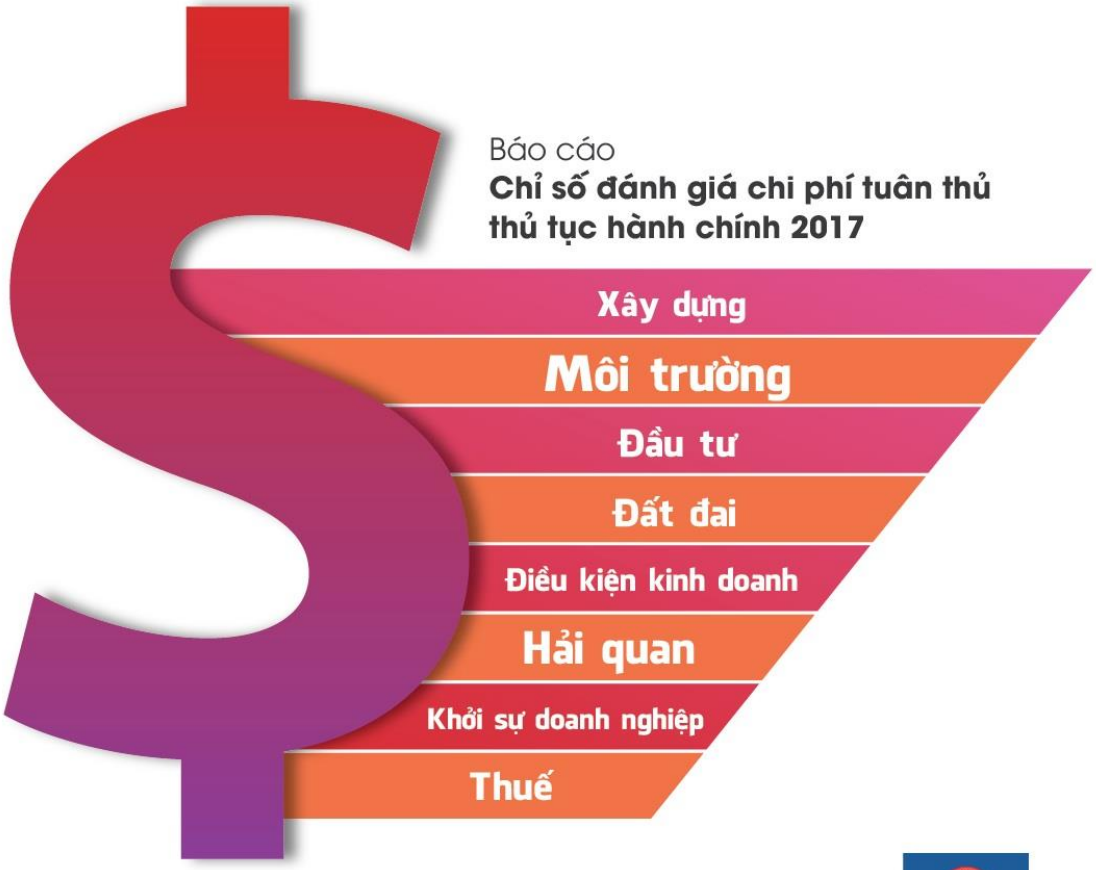

CHUNG TAY
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 7
TÓM TẮT TỔNG QUAN 8
Kết quả APCI 2017 9
Thông điệp của APCI 2017 9
Khuyến nghị việc sử dụng ACPI 2017 11
1. CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 12
1.1. Giới thiệu 12
1.2. Kết quả Xếp hạng APCI theo nhóm thủ tục hành chính 15
1.3. Kết quả theo Chỉ số thành phần APCI 21
1.4. Xu hướng cải cách thủ tục hành chính 23
1.5. Ý nghĩa của APCI 25
1.6. Khuyến nghị cải cách 30
1.7. Kết luận 33
2. HỒ SƠ CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 35
2.1. Nhóm TTHC liên quan đến Thuế 36
2.1.1. Thứ hạng trong 8 nhóm TTHC 36
2.1.2. Sự khác biệt ở các địa phương 36
2.1.3. Các chỉ số thành phần 37
2.1.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 39
2.2. Nhóm TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh 41
2.2.1. Thứ hạng trong 8 nhóm TTHC 41
2.2.2. Sự khác biệt ở các địa phương 42
2.2.3. Các chỉ số thành phần 42
2.2.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 45
2.3. Nhóm TTHC liên quan đến Hải quan 46
2.3.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 46
2.3.2. Sự khác biệt ở các địa phương 48
2.3.3. Các chỉ số thành phần 48
2.3.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 50
2.4. Nhóm TTHC liên quan đến Đất đai 52
2.4.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 52
2.4.2. Sự khác biệt ở các địa phương 54
2.4.3. Các chỉ số thành phần 54

2.4.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 58
2.5. Nhóm TTHC liên quan đến Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh 60
2.5.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 60
2.5.2. Sự khác biệt ở các địa phương và giữa các thủ tục 60
2.5.3. Các chỉ số thành phần 61
2.5.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 64
2.6. Nhóm TTHC liên quan đến Đầu tư 66
2.6.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 66
2.6.2. Sự khác biệt ở các địa phương 67
2.6.3. Các chỉ số thành phần 67
2.6.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 72
2.7. Nhóm TTHC liên quan đến Môi trường 74
2.7.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 74
2.7.2. Sự khác biệt ở các địa phương 75
2.7.3. Các chỉ số thành phần 75
2.7.4. Chi phí trực tiếp 77
2.7.5. Bài học cải cách và khuyến nghị 78
2.8. Nhóm TTHC liên quan đến Xây dựng 80
2.8.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính 80
2.8.2. Sự khác biệt ở các địa phương 81
2.8.3. Các chỉ số thành phần 81
2.8.4. Bài học cải cách và khuyến nghị 83
Phụ lục 1: Cách thức thực hiện và tính toán chỉ số APCI 85
Phụ lục 2: Danh mục các nhóm TTHC được định hướng cho chỉ số APCI 2017 92
Phụ lục 3: Danh sách các TTHC được đánh giá cho chỉ số APCI 2017 93
Phụ lục 4: Tài liệu tham khảo 96

Mục lục bảng

Bảng 1: Thực tiễn tốt nhất theo nhóm TTHC 25

Mục lục hộp

Hộp 1: Lý do địa phương có CPTT thấp nhất 38
Hộp 2: Những vấn đề thường gặp/câu chuyện điển hình khi thực hiện TTHC Thuế 39
Hộp 3: Địa phương có thời gian thực hiện TTHC cao nhất (Hà Nội) 42
Hộp 4: Nhận hồ sơ trực tiếp làm gia tăng chi phí trực tiếp 44
Hộp 5: Một số bất cập về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng 53
Hộp 6: Ví dụ về Phí và lệ phí ở một địa phương 57
Hộp 7: Ví dụ về Phí và lệ phí ở một địa phương 58
Hộp 8: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 62
Hộp 9: Trải nghiệm của một số doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội) 63
Hộp 10: Thành phần hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư 2014 bao gồm: 69
Hộp 11: Chi phí trực tiếp của một doanh nghiệp khảo sát 72

Mục lục hình

Hình 1: APCI 2017 theo nhóm TTHC 15
Hình 2: Tương quan chi phí tuân thủ giữa các nhóm TTHC 16
Hình 3: Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất (thang điểm 100) 21
Hình 4: Tỷ trọng các chỉ số thành phần trong tổng chi phí tuân thủ của từng nhóm TTHC 22
Hình 5: Thời gian thực hiện theo nhóm TTHC 23
Hình 6: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng 24
Hình 7: Chi phí tuân thủ trung bình của một TTHC nhóm Thuế theo vùng KTTĐ 37
Hình 8: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện một TTHC nhóm Thuế 37
Hình 9: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Thuế theo vùng KTTĐ và địa phương 38
Hình 10: Tỷ lệ thời gian thực hiện của từng bước theo quy mô doanh nghiệp 39
Hình 11: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh theo vùng KTTĐ và địa phương 42
Hình 12: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh 43
Hình 13: Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất 43
Hình 14: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp theo vùng KTTĐ và địa phương 44
Hình 15: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp theo vùng KTTĐ và địa phương 45

Hình 16: CPTT trung bình của một TTHC nhóm TTHC Hải quan..... 48
Hình 17: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Hải quan..... 48
Hình 18: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Hải quan 49
Hình 19: Nhóm TTHC Hải quan – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất..... 49
Hình 20: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Hải quan 50
Hình 21: CPTT của một TTHC nhóm Đất đai theo vùng KTTĐ và địa phương..... 54
Hình 22: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đất đai..... 55
Hình 23: Tỷ trọng thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đất đai 55
Hình 24: Nhóm TTHC Đất đai – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất..... 56
Hình 25: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đất đai theo vùng KTTĐ và địa phương 57
Hình 26: CPTT của từng TTHC cấu thành nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh 61
Hình 27: Tỷ lệ các chi phí thành phần của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh 61
Hình 28: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC theo bước của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh..... 62
Hình 29: Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh – Khoảng cách đến thực tiễn tốt 63
Hình 30: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng KTTĐ và địa phương..... 64
Hình 31: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương 67
Hình 32: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương 68
Hình 33: Tỷ trọng thời gian theo các bước thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư 69
Hình 34: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương..... 71
Hình 35: Nhóm TTHC đầu tư – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất..... 71
Hình 36: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng, địa phương..... 72
Hình 37: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương 75
Hình 38: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm TTHC Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương 76
Hình 39: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Môi trường 76
Hình 40: Nhóm TTHC Môi trường – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất 77
Hình 41: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm TTHC Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương..... 78
Hình 42: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Xây dựng 81
Hình 43: Tỷ trọng giữa chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Xây dựng 81
Hình 44: Thời gian thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng theo các bước tại vùng KTTĐ và địa phương..... 82
Hình 45: Nhóm TTHC Xây dựng – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất..... 82
Hình 46: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Xây dựng theo các vùng KTTĐ và địa phương 83

Các từ viết tắt và khái niệm

APCI	Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính
CPTT	Chi phí tuân thủ. Chi phí tuân thủ của một thủ tục hành chính là tổng của chi phí thời gian và chi phí trực tiếp cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính đó
Chi phí thời gian	Đo lường thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về thủ tục hành chính (tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định hiện hành (nhận kết quả thủ tục hành chính)
Chi phí trực tiếp	Chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện thủ tục hành chính để nhận được kết quả của thủ tục hành chính
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
KCN	Khu công nghiệp
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam.
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TTHC	Thủ tục hành chính
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là những trọng tâm ưu tiên của Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành. Để đạt được mục tiêu cải cách, Chính phủ đã và đang nỗ lực thực hiện bằng nhiều giải pháp từ việc ban hành các văn bản chỉ đạo đến việc kiểm soát chặt chẽ quá trình thực thi của các bộ, ngành, địa phương. Một trong những giải pháp đang phát huy hiệu quả là việc phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn cải cách TTHC trong việc tư vấn, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân; và đánh giá việc thực hiện TTHC tại các bộ, ngành, địa phương.

Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ được thành lập và ra mắt lần đầu tiên vào năm 2007 trong khuôn khổ Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Đề án 30). Trải qua hơn 10 năm, đến nay, Hội đồng có 32 thành viên là đại diện của các bộ, cơ quan, hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, trong thời gian qua, Hội đồng đã và đang hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử.

Trong năm 2017-2018, thực hiện nhiệm vụ được phân công, Hội đồng đã xây dựng Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC (Chỉ số APCI). Với phương pháp luận dựa trên mô hình chi phí chuẩn (Standard Cost Model - SCM) và được xây dựng dựa trên kết quả phân tích các phiếu khảo sát doanh nghiệp của 63 tỉnh/thành phố, Báo cáo cho thấy một bức tranh chân thực và sinh động về chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện TTHC theo quy định của pháp luật hiện hành. Các doanh nghiệp được mời tham gia vào quá trình khảo sát là những doanh nghiệp đã thực hiện TTHC trong sáu tháng cuối năm 2017; những TTHC được lựa chọn khảo sát và đánh giá là những TTHC tương đồng với các tiêu chí đánh giá tại Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới.

Báo cáo được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp về nội dung của TS. Mai Tiến Dũng - Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách TTHC; TS. Ngô Hải Phan - Cục trưởng Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ - Phó Chủ tịch thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng tư vấn cải cách TTHC. Nhóm thực hiện khảo sát, phân tích và xây dựng Báo cáo gồm: Thạc sĩ Phạm Ngọc Linh, Giám đốc Công ty tư vấn MCG -Trưởng nhóm; Luật sư Nguyễn Hưng Quang, Giám đốc Văn phòng Luật NHQuang và Cộng sự; Thạc sĩ Phùng Thị Thanh Xuân, Cán bộ Công ty Tư vấn MCG; Luật sư Nguyễn Thùy Dương và Luật sư Vũ Diệu Thảo, Văn phòng Luật NHQuang và Cộng sự, cùng một số cá nhân khác. Báo cáo có sự tham gia hoàn thiện của Bà Chu Thị Thảo - Chánh Văn phòng Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ; Ông Nguyễn Việt Anh - Chuyên gia Ngân hàng Thế giới; Bà Phan Thị Thái Hà - Chuyên gia về cải cách thể chế; Bà Phạm Thị Ngọc Thủy - Phó Chánh Văn phòng Ban nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC; và TS. Lê Duy Bình - Giám đốc Công ty tư vấn Economica.

Báo cáo Chỉ số APCI 2017 là báo cáo mang tính cơ sở và sẽ được sử dụng làm căn cứ cho Báo cáo Chỉ số APCI của các năm tiếp theo để so sánh chi phí tuân thủ TTHC từ góc độ doanh nghiệp, giúp cho Chính phủ có một cái nhìn tổng quan về gánh nặng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và từ đó đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm tiếp tục đơn giản hóa TTHC và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2017 (APCI 2017) của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là báo cáo đánh giá chi phí thực tế mà doanh nghiệp và tổ chức phải chi trả để thực hiện TTHC theo quy định hiện hành. ACPI 2017 ra đời đánh dấu hai năm điều hành của Chính phủ đương nhiệm với quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế cũng như thúc đẩy đầu tư trong nước, thu hút tốt hơn dòng vốn đầu tư nước ngoài. Thông điệp "Chính phủ kiến tạo" của Chính phủ đương nhiệm có thể hiểu là việc hướng tới các hành động cụ thể nhằm: *tập trung hoàn thiện thể chế; rà soát toàn bộ cơ chế chính sách, hành lang pháp lý theo hướng xóa bỏ rào cản, tháo gỡ khó khăn cho người dân, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phải chuyển mạnh hơn từ quản lý sang phục vụ người dân, doanh nghiệp và cán bộ phải gương mẫu trong lời nói và hành động, nói đi đôi với làm dù trong bất cứ trường hợp nào*[1]. Với thông điệp này, bộ máy hành chính phải hoạt động hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, sáng tạo để bảo đảm hoạt động phải phục vụ lợi ích của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; các TTHC phải được quy định rõ ràng, minh bạch, đơn giản để bảo đảm rằng chi phí tuân thủ cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở mức thấp.

Báo cáo dựa trên nền tảng là thông điệp của Chính phủ để phân tích những thành tựu cải cách TTHC của Chính phủ trong năm vừa qua và xác định dư địa cải cách cho tám nhóm TTHC quan trọng cho doanh nghiệp gồm ***i) Khởi sự doanh nghiệp/Đăng ký kinh doanh; ii) Thuế; iii) Đầu tư; iv) Giấy phép, chứng chỉ hành nghề; v) Hải quan; vi) Đất đai; vii) Môi trường; và viii) Xây dựng***. Những nhóm TTHC được APCI 2017 ưu tiên lựa chọn đã và đang được các tổ chức quốc tế lựa chọn để đánh giá môi trường kinh doanh quốc gia (Chỉ số Doing Business của Ngân hàng Thế giới) và năng lực cạnh tranh quốc gia (Chỉ số về năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn Kinh tế thế giới - World Economic Forum).

Việc thu thập thông tin về gánh nặng chi phí của doanh nghiệp được thực hiện trực tiếp với những doanh nghiệp đã thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2017 (nhằm đảm bảo mức độ chính xác và cập nhật của thông tin thu thập), dựa trên danh sách doanh nghiệp, tổ chức đã từng thực hiện TTHC thuộc một trong tám nhóm TTHC tại 63 tỉnh/ thành phố. Bức tranh tổng thể về các TTHC với gánh nặng chi phí tuân thủ trên phạm vi cả nước và các khuyến nghị cải cách TTHC được trình bày tại Phần 1 của báo cáo này. Những thông tin liên quan đến gánh nặng về thời gian và chi phí tài chính của từng nhóm TTHC tại từng vùng, miền và bài học cải cách liên quan được phân tích tại Phần 2. Các Phụ lục của Báo cáo mô tả cụ thể phương pháp thực hiện chỉ số, danh mục các nhóm TTHC và các TTHC được đánh giá.

---

[1] Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng: Chính phủ kiến tạo chuyển mạnh từ quản lý sang phục vụ. Vnexpress.net, 01/01/2017

Kết quả APCI 2017

Thứ hạng của 8 nhóm TTHC theo kết quả điều tra APCI 2017 phản ánh gánh nặng chi phí của doanh nghiệp và qua đó, cho thấy hiệu quả về chính sách của từng ngành, lĩnh vực.

Thông điệp của APCI 2017

Nhằm hỗ trợ Chính phủ trong việc xác định hiệu quả cải cách trong thời gian qua, kết quả APCI 2017 được phân tích dựa trên ba nội dung chính của Chính phủ kiến tạo mà Thủ tướng Chính phủ đã định hướng cho nhiệm kỳ này của Chính phủ[2].

Thứ nhất, đó phải là một Chính phủ chủ động thiết kế một hệ thống văn bản pháp quy tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, chứ không phải bị động đối phó với những diễn biến trên thực tế. Kết quả ACPI 2017 cho thấy sự chủ động của Chính phủ trong việc cải cách các chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh qua loạt Nghị quyết 19 với định hướng cải cách cụ thể ở một số lĩnh vực ưu tiên theo kết quả thực hiện cải cách của năm trước đó cũng như việc ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. APCI 2017 đã ghi nhận kết quả tích cực của nỗ lực cải cách từ các bộ, ngành như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi những nhóm TTHC ở ngành thuế, hải quan và khởi sự doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh) có những kết quả vượt trội. Từ những chỉ đạo cụ thể của Chính phủ đối với việc cải cách qua chuỗi Nghị quyết số 01/NQ-CP[3], Nghị quyết số 19/NQ-CP[4], Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 35/NQ-CP năm 2016… ACPI 2017 cũng ghi nhận dư địa cải cách ở các ngành khác như Đất đai, Đầu tư, Môi trường và Xây dựng khi mà những bộ, ngành tương ứng, mặc dù đã có những biến chuyển tích cực trong thời gian qua, nhưng vẫn cần phải nỗ lực

---

[2]http://vneconomy.vn/chinh-phu-kien-tao-tai-viet-nam-qua-dinh-nghia-cua-thu-tuong-2017111816395712.htm
[3] Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước
[4] Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

hơn nữa để xây dựng và thực thi những cải cách TTHC có ý nghĩa thiết thực cho doanh nghiệp. Có thể nói rằng, những nhóm TTHC được ghi nhận có CPTT thấp là nhờ vào chất lượng của các quy định pháp luật và quyết tâm cải cách, kiểm soát TTHC của cơ quan quản lý ở trung ương – theo đúng tinh thần chỉ đạo và định hướng của Chính phủ trong nhiệm kỳ này.

Thứ hai, Chính phủ phải kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi, không chỉ đứng đầu trong nhóm các nước ASEAN, mà còn phấn đấu vươn lên tiêu chí của các nước nhóm OECD. Việc Chính phủ tiếp tục sử dụng thước đo môi trường kinh doanh mang tính quốc tế[5] làm công cụ định hướng chính sách và đo lường kết quả cải cách cho thấy cam kết của Chính phủ trong việc đưa Việt Nam tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế về môi trường kinh doanh. APCI 2017 xác nhận mức độ cải cách của từng nhóm thủ tục, liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, để đưa ra những kiến nghị về cải cách phù hợp. Từ góc độ chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, APCI ghi nhận rằng một môi trường kinh doanh được cho là thuận lợi khi mà doanh nghiệp chỉ phải dành ít thời gian và nguồn lực tài chính nhất để thực hiện TTHC có liên quan. Để làm được điều này, doanh nghiệp cần hiểu về TTHC và có thể dễ dàng thực hiện các TTHC này. Kết quả APCI 2017 phản ánh việc giảm chi phí tuân thủ cần tập trung vào việc giảm chi phí trực tiếp, thông qua minh bạch hóa yêu cầu thực hiện TTHC và chi phí thời gian, thông qua việc giảm thiểu và đơn giản hóa hồ sơ cũng như cung cấp thông tin và hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, rõ ràng và minh bạch.

Thứ ba là Chính phủ cũng phải nói đi đôi với làm, siết chặt kỷ cương, đặc biệt phải thay ngay cán bộ không đáp ứng yêu cầu công việc. Cần xây dựng chính quyền điện tử, thương mại điện tử đến tòa án điện tử… Đây là yếu tố quan trọng để xây dựng Chính phủ kiến tạo. Thông điệp về Chính phủ hành động, phục vụ và liêm chính toát ra từ nội dung này đã được kiểm chứng qua kết quả APCI 2017.

> *ACPI 2017 cho thấy hiệu quả về chi phí tuân thủ TTHC giữa các vùng miền, địa phương và tỉnh thành chủ yếu là do cách chính quyền địa phương đã hành động và tổ chức thực thi pháp luật theo định hướng phục vụ, thể hiện ở tính linh hoạt và sáng tạo của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh và địa phương*. Nói cách khác, ngoài yêu cầu cần cải cách các quy định về pháp luật vốn nằm trong trách nhiệm của cơ quan bộ, ngành trung ương, các tỉnh có thể tạo sự khác biệt và có tác động tức thời tới cộng đồng doanh nghiệp và người dân thông qua cách thức tổ chức công việc, thông qua việc thực thi nhiệm vụ một cách có trách nhiệm, với tinh thần phục vụ hơn là mang tính quản lý nhà nước tại các địa phương.
>
> *ACPI 2017 xác định yếu tố con người, cụ thể là năng lực và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức nhà nước là rất quan trọng trong việc giảm gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp.* Yếu tố con người được thể hiện xuyên suốt từ cấp trung ương đến cấp địa phương trong việc giải quyết TTHC và xây dựng các chính sách, quy định pháp luật tốt, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời. APCI 2017 cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ, bồi dưỡng năng lực và thái độ làm việc của cán bộ trực tiếp giải quyết TTHC nhằm hướng tới một nền hành chính *phục vụ*. Những hướng dẫn ban đầu của các cán bộ tiếp nhận hoặc giải quyết TTHC sẽ góp phần quyết định cách thức thực

[5] Chỉ số Doing Business của Ngân hàng Thế giới và Chỉ số về năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn Kinh tế thế giới - World Economic Forum

hiện TTHC một cách thuận lợi, hiệu quả và xây dựng niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào các cơ quan nhà nước.

ACPI 2017 cho thấy cần tăng cường đánh giá tác động, kiểm soát gánh nặng về chi phí tuân thủ trong các hoạt động hành chính để có giải pháp đơn giản hóa, giảm thiểu các tiêu cực phát sinh trong quá trình thực hiện TTHC của người dân, doanh nghiệp và đồng thời thúc đẩy minh bạch về quá trình giải quyết TTHC. Ngoài ra, sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp vào quá trình xây dựng pháp luật, TTHC và giám sát quá trình giải quyết TTHC góp phần đáng kể trong việc giảm thiểu chi phí tuân thủ nói riêng và xây dựng Chính phủ *liêm chính* nói chung.

APCI chỉ ra rằng chi phí tuân thủ TTHC thấp có liên quan mật thiết tới việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước. Kết quả khảo sát cho thấy những lĩnh vực có mức chi phí tuân thủ thấp nhất nằm ở ba lĩnh vực có ứng dụng công nghệ thông tin tốt là Thuế, Hải quan và Khởi sự doanh nghiệp. Hơn thế nữa, kết quả APCI 2017 cho thấy định hướng của Chính phủ thể hiện ở Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử và Chỉ thị số 16/CT-TTg năm 2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cần phải được kiên trì theo đuổi.

Khuyến nghị việc sử dụng ACPI 2017

APCI 2017 cung cấp dữ liệu thực chứng với phương pháp đo lường trải nghiệm của doanh nghiệp nhằm xác định nguyên nhân gây nên gánh nặng thực thi TTHC của doanh nghiệp nói riêng và người dân nói chung.

- APCI 2017 là dữ liệu cơ sở ban đầu cho việc đánh giá hiệu quả của các nỗ lực cải cách theo từng nhóm TTHC và theo vùng miền, địa phương trong các năm tiếp theo.
- APCI 2017 giúp cho các cơ quan nhà nước ở Trung ương có thể đề ra các phương án kiểm soát TTHC, cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ tại các văn bản quy phạm pháp luật cũng như các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý.
- Các địa phương cần tận dụng kết quả APCI để tập trung cải cách TTHC đang tạo ra gánh nặng lớn tại địa phương để có thể mang lại tác động ngay và trực tiếp hoặc đề ra các phương án đơn giản hoá TTHC phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế ở từng địa phương và vùng kinh tế trọng điểm.
- APCI 2017 ghi nhận tác động tích cực trong việc triển khai phương thức Chính phủ điện tử thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ hành chính công.

ACPI 2017 là năm đầu tiên đánh giá chi phí tuân thủ tám nhóm TTHC của các lĩnh vực tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Từ năm 2018, APCI sẽ thực hiện so sánh mức độ cải cách mà các lĩnh vực, địa phương đã thực hiện trong năm qua nhằm giúp các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương xem xét được mức độ cải cách của ngành, lĩnh vực địa phương mình và xác định được những vấn đề cần tiếp tục cải cách cho những năm tiếp theo.

1. CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Giới thiệu

Về chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI)

Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2017 của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là báo cáo đánh giá chi phí thực tế mà doanh nghiệp và tổ chức phải chi trả để thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên cả nước theo quy định hiện hành trong khuôn khổ của Đề án xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Hội đồng tư vấn cải cách TTHC (Đề án 383)[6]. Là năm đầu tiên thực hiện điều tra trên cả nước để xây dựng chỉ số, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC đã nhận được ý kiến và chia sẻ thông tin của hơn 3.000 doanh nghiệp đã thực hiện các TTHC này trên cả nước trong sáu tháng cuối năm 2017 (từ tháng 06 đến tháng 12 năm 2017) về thời gian và chi phí cần thiết để hoàn thành thủ tục hành chính đó.

Theo Đề án 383, Báo cáo Chỉ số APCI 2017 được xây dựng nhằm đánh giá chi phí tuân thủ (CPTT) của doanh nghiệp để thực hiện các TTHC tại các cơ quan quản lý nhà nước, qua đó xác định những nhóm TTHC đã và đang là gánh nặng về chi phí của doanh nghiệp. Chỉ số APCI 2017 có thể được sử dụng như một trong những thước đo về hiệu quả của những nỗ lực cải cách TTHC ở cấp trung ương (cấp ban hành chính sách) và làm cơ sở để thực hiện cải cách TTHC ở cấp địa phương (cấp thực thi) nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Nghiên cứu đầu tiên này được ghi nhận là điểm số cơ sở (baseline) để so sánh với những năm tiếp theo, nhằm đánh giá hiệu quả cải cách TTHC với cách tiếp cận từ CPTT.

Chỉ số APCI gồm hai chỉ số thành phần, phản ánh hai loại chi phí chủ yếu mà doanh nghiệp sẽ phải chi trả khi thực hiện thủ tục hành chính là:

i) Chi phí thời gian thông qua đo lường về thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về TTHC (tìm hiểu thông tin về TTHC) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện TTHC theo quy định hiện hành (nhận kết quả TTHC); và

ii) Chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện TTHC để nhận được kết quả của TTHC.

Theo giả định của APCI, một TTHC hoặc một nhóm TTHC có chi phí tuân thủ thấp được coi là TTHC có chất lượng tốt.

Phương pháp luận

Chi tiết về cách thức thực hiện và tính toán chỉ số APCI được trình bày trong Phụ lục 1 của báo cáo này. APCI được xây dựng theo quy trình ba bước:

---

[6] Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

i) Lựa chọn và phân tích TTHC dựa trên các quy định hiện hành và bao gồm cả việc xác minh thông tin về TTHC với các cơ quan ban hành và cơ quan thực thi TTHC;

ii) Lựa chọn ngẫu nhiên doanh nghiệp từ danh sách doanh nghiệp được các cơ quan thực thi TTHC cung cấp để thực hiện khảo sát trực tiếp (để đảm bảo mức độ chuẩn xác của thông tin do doanh nghiệp cung cấp, chỉ những doanh nghiệp đã thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2017 được lựa chọn và phỏng vấn);

iii) Tính toán hai chỉ số thành phần (thời gian và chi phí trực tiếp) và quy đổi ra tổng CPTT (chi phí thời gian sẽ được quy đổi theo chi phí ngày công theo quy định hiện hành tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 24 tháng 02 năm 2014 hướng dẫn đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC).

Việc phân tích được thực hiện đối với từng nhóm TTHC được lựa chọn điều tra. Do một số địa phương không có hoặc có rất ít doanh nghiệp thực hiện các TTHC trong các nhóm thủ tục được lựa chọn, việc so sánh được thực hiện đối với các vùng kinh tế trọng điểm[7] bao gồm nhiều tỉnh thay vì giữa 63 tỉnh thành. Trong mỗi nhóm TTHC, việc so sánh CPTT của nhóm với các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) và địa phương có kết quả thấp nhất/ cao nhất sẽ giúp có cái nhìn về việc thực hiện TTHC ở từng vùng KTTĐ và khoảng cách tới điểm tốt nhất. Trong bối cảnh Chính phủ kiên định thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, việc đánh giá CPTT ở mỗi vùng KTTĐ sẽ giúp các địa phương trong từng vùng KTTĐ xác định được điểm cần cải thiện và nhanh chóng có những quyết sách cải cách TTHC nhằm thu hút và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh và đầu tư trên địa bàn mình.

Phạm vi APCI

Việc xác định các TTHC thuộc phạm vi đánh giá của chỉ số APCI 2017 bám sát theo sự phân loại các nhóm lĩnh vực cần được cải cách theo các Nghị quyết 19 hàng năm về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ[8] mà Đề án 383 đã đặt ra. Những nhóm lĩnh vực này hiện đang được các bộ ngành và địa phương ưu tiên cải cách phù hợp với các nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Chính phủ điện tử, phát triển doanh nghiệp và kinh tế tư nhân, hệ sinh thái khởi nghiệp... Danh sách các TTHC được xác định theo định hướng này (xem chi tiết ở Phụ lục 2) sau khi đã tham vấn với các bộ ngành và địa phương trước khi thực hiện điều tra khảo sát với doanh nghiệp, phù hợp với phương pháp luận mà Đề án 383 đặt ra.

Dựa vào thông tin cung cấp của cơ quan nhà nước địa phương và doanh nghiệp trong khoảng thời gian ấn định, các TTHC có đầy đủ thông tin được phân loại thành 8 nhóm lĩnh vực gồm: i) Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh, ii) Thuế, iii) Đầu tư, iv) Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, v) Hải quan, vi) Đất đai, vii) Môi trường, và viii) Xây dựng (chi tiết các TTHC trong mỗi nhóm xem ở Phụ lục 3). Thông tin về các TTHC do doanh nghiệp phản ánh trong chỉ số ACPI bảo đảm được xảy ra trong khoảng thời gian khảo sát ở các địa phương để phù hợp về thời

---

[7] http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungvungkinhtetrongdiemquocgia?articleId=10000721

[8] Nghị quyết 19 hàng năm của Chính phủ về về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã tham khảo các chỉ số đánh giá về môi trường kinh doanh (Doing Business) của Nhóm Ngân hàng Thế giới (World Bank Group) và các chỉ số về năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum).

điểm có hiệu lực của các chính sách, quy định pháp luật và chương trình hành động của các cơ quan nhà nước.

1.2. Kết quả Xếp hạng APCI theo nhóm thủ tục hành chính

Kết quả khảo sát về chi phí tuân thủ và xếp hạng về chi phí tuân thủ 8 nhóm Thủ tục hành chính của chỉ số APCI 2017 được trình bày ở hình 1 dưới đây.

Hình 1: APCI 2017 theo nhóm TTHC

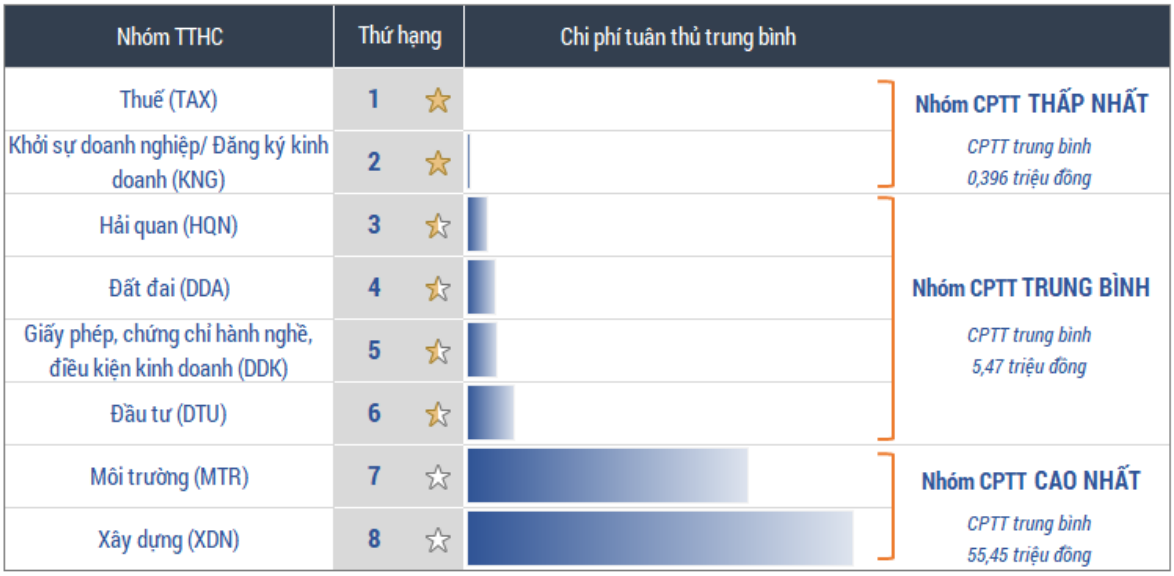

Hai trong số ba nhóm thủ tục dẫn đầu với mức chi phí tuân thủ thấp nhất là nhóm Thuế và nhóm Hải quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, cơ quan đã và đang rất tích cực trong việc cải cách các TTHC thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước theo loạt Nghị quyết số 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Là cơ quan chủ trì xây dựng Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết số 19, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang có nhóm thủ tục đứng thứ hai trong bảng xếp hạng, nhóm thủ tục Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh. Kết quả ghi nhận sự thay đổi tích cực, tuy nhiên, vẫn còn cách nhóm đứng đầu một khoảng cách khá dài tính theo CPTT.

Bốn nhóm TTHC Đất đai, Đầu tư, Môi trường và Xây dựng có quan hệ mật thiết với nhau trong việc đầu tư xây dựng dự án có sử dụng đất của một doanh nghiệp và trong APCI 2017, bốn nhóm thủ tục này đứng ở nửa cuối của bảng xếp hạng, trong đó nhóm TTHC Môi trường và nhóm thủ tục Xây dựng có mức chi phí tuân thủ TTHC ở mức cao cách biệt so với các nhóm thủ tục khác. Khi một doanh nghiệp đã thành lập và sẵn sàng hoạt động, doanh nghiệp đó có thể thực hiện một dự án đầu tư có sử dụng đất và xây dựng. Trong trường hợp này, doanh nghiệp sẽ phải trải qua những thủ tục liên quan đến bốn nhóm thủ tục nêu trên. Ngay từ khi thực hiện Đề án 30 của Chính phủ, đã có nhiều khuyến nghị cân nhắc kết nối những TTHC cần thiết trong bốn nhóm thủ tục này thành một chu trình thủ tục xuyên suốt giữa các cơ quan nhà nước thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất và xây dựng. Đến Nghị quyết số 43/NQ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2014 về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh, những khuyến nghị tương tự một lần nữa lại được đưa ra. Tuy nhiên, cho đến nay khuyến nghị này chưa được cân nhắc thể chế hóa. Khi các TTHC đứng riêng lẻ, doanh nghiệp có thể sẽ phải chuẩn bị những loại hồ sơ giấy tờ giống nhau cho từng cơ quan, cũng như phải mất thêm nhiều thời gian tìm hiểu về thứ tự thực

hiện các TTHC, và kết quả là làm tăng đáng kể CPTT của doanh nghiệp một cách không cần thiết. Do vậy, có cơ hội cắt giảm CPTT của một số TTHC trong bốn nhóm thủ tục này đối với từng TTHC riêng lẻ và cho cả một quy trình xuyên suốt.

Hình 2 dưới đây biểu thị vị trí của 8 nhóm thủ tục trong cùng một hệ tọa độ chi phí. Kích thước của mỗi hình tròn thể hiện mức chi phí tuân thủ của mỗi nhóm. Tám nhóm thủ tục được phân chia làm 3 phân nhóm khác biệt như Hình 1:

Hình 2: Tương quan chi phí tuân thủ giữa các nhóm TTHC

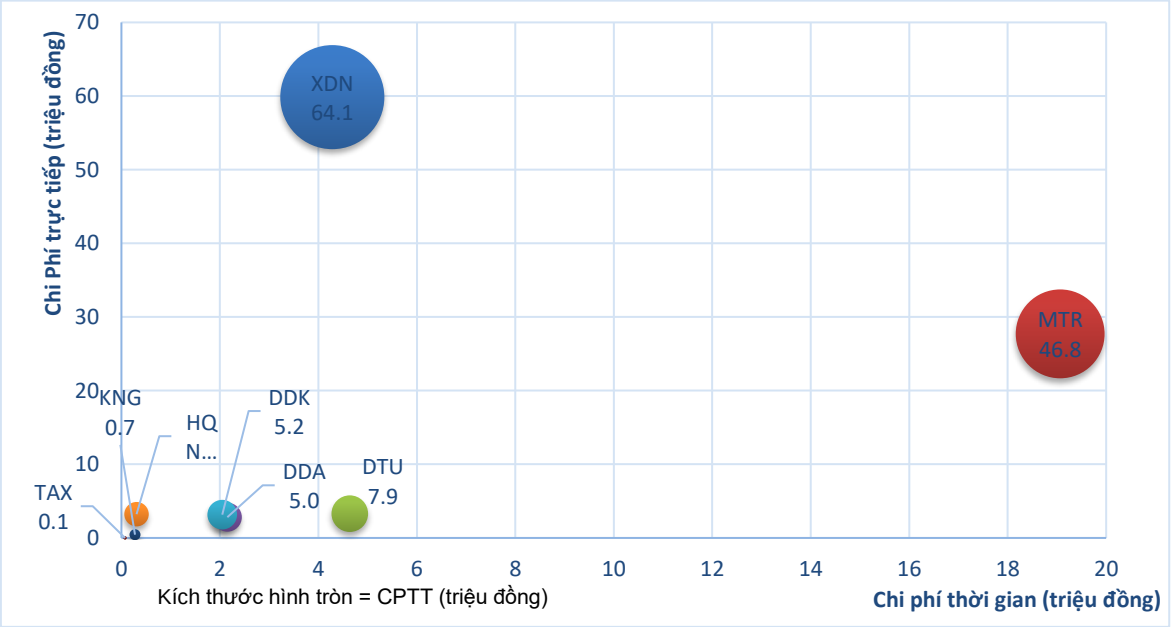

Các nhóm thủ tục thuộc phân nhóm có chi phí tuân thủ cao, gấp từ 3 đến 5 lần chi phí tuân thủ trung bình của 8 nhóm thủ tục được khảo sát (12,69 triệu đồng), và gấp rất nhiều lần nhóm thủ tục có CPTT thấp nhất. Hình tròn đại diện nhóm thủ tục Xây dựng có kích thước lớn nhất, biểu thị mức chi phí tuân thủ của nhóm thủ tục hành chính Xây dựng là cao nhất theo APCI 2017, cụ thể là chi phí tuân thủ của riêng nhóm thủ tục Xây dựng (64,1 triệu đồng) gấp 1,5 lần tổng chi phí tuân thủ của 7 nhóm thủ tục còn lại.

Khi nhìn theo trục Y biểu thị chi phí trực tiếp, có sự tách biệt giữa nhóm thủ tục Xây dựng với 7 nhóm thủ tục khác do mức chi phí trực tiếp của nhóm Xây dựng cao vượt trội. Tương tự như vậy, khi nhìn theo trục X biểu thị chi phí thời gian, nhóm TTHC Môi trường vượt xa các nhóm thủ tục khác. Sự khác biệt về vị trí của hai nhóm này trên cùng một hệ tọa độ chi phí đã giúp lý giải tại sao hai nhóm này có CPTT cao vượt trội. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng có những TTHC trong hai nhóm thủ tục này yêu cầu doanh nghiệp phải thuê một bên thứ ba có đủ trình độ và bằng cấp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành như chuẩn bị và thẩm tra hồ sơ thiết kế hoặc chuẩn bị hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Đối với hai nhóm thủ tục này, Phần II của báo cáo sẽ có phân tích về cấu trúc chi phí để tìm giải pháp cải cách phù hợp.

Kết quả chỉ số APCI 2017 thể hiện sự nhất quán với kết quả từ nỗ lực cải cách của Chính phủ và các bộ ngành đã được ghi nhận trong thời gian qua. Điển hình như các thủ tục hành chính về Nộp thuế (Paying Taxes) được Ngân hàng Thế giới ghi nhận tăng 87 bậc tại Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 (Doing Business 2018). Ở APCI 2017, nhóm thủ tục Thuế cũng là nhóm có mức chi phí tuân thủ thấp nhất. Bên cạnh đó, nhóm Khởi sự kinh doanh và Hải quan

là những nhóm thủ tục trọng tâm được Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch Đầu tư liên tục có những cải cách thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật liên quan. Kết quả APCI của hai nhóm thủ tục Khởi sự kinh doanh và Hải quan cũng cho thấy chi phí tuân thủ ở mức thấp so với các nhóm thủ tục còn lại. Tại Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018, cả hai nhóm thủ tục Khởi sự kinh doanh (Starting a Business) và Hải quan (Trading across Borders) đều tăng điểm so với năm 2017, tuy không nhiều như chỉ số Nộp thuế[9]. Trong PCI 2017, Thành lập doanh nghiệp là lĩnh vực được doanh nghiệp đánh giá là có có mức độ cải cách lớn nhất, cao hơn cả lĩnh vực Thuế và Hải quan[10].

Một đặc điểm dễ nhận thấy là 3 nhóm thủ tục có mức chi phí tuân thủ thấp nhất theo kết quả APCI 2017 (Thuế, Khởi sự kinh doanh và Hải quan) cũng chính là những nhóm thủ tục có các thủ tục hành chính đang được ứng dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức cao hơn so với các thủ tục hành chính của các nhóm thủ tục còn lại. Kết quả này càng khẳng định việc các bộ ngành tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước là một biện pháp cải cách hiệu quả phù hợp với định hướng thúc đẩy chính phủ điện tử của Chính phủ khi cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra.

Quán quân của bảng xếp hạng chỉ số APCI 2017 là nhóm TTHC Thuế với chi phí tuân thủ là 73,75 nghìn đồng. Trong đó, thời gian thực hiện trung bình của doanh nghiệp cho một thủ tục trong nhóm thủ tục này chỉ là 2,9 giờ làm việc. Đây là một trong những nhóm thủ tục được Ngân hàng Thế giới vinh danh trong Báo cáo Đánh giá Môi trường Kinh doanh 2018 (Doing Business 2018)[11] khi tăng gần 15/100 điểm so với năm 2017, từ 57,99 lên 72,77 điểm. Khoảng cách khác biệt giữa nhóm thủ tục Thuế với các nhóm thủ tục khác có thể lý giải bởi những nỗ lực cải cách của ngành thuế dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ. Với những cam kết và nỗ lực hiện đại hóa ngành thuế, Tổng cục Thuế đã bắt kịp ngay với những giải pháp cải cách được Chính phủ đưa ra ngay từ Nghị quyết số 19 về cải thiện môi trường kinh doanh đầu tiên vào năm 2014. Những năm sau đó, làn sóng cải cách đã lan tỏa khắp ngành thuế thông qua những chỉ đạo của Tổng cục thuế và thực thi của ngành thuế địa phương. Với mong muốn lắng nghe ý kiến của Doanh nghiệp để thực hiện tốt nhất cam kết cải cách và hiện đại hóa ngành thuế, trong 3 năm gần đây, Tổng cục thuế đã chủ động phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện khảo sát về sự hài lòng của doanh nghiệp hàng năm. Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính thuế đã đem lại những hiệu ứng tích cực cho ngành Thuế, nhờ đó cắt giảm thời gian cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, xóa bỏ tiếp xúc giữa doanh nghiệp và cán bộ thuế… tiết kiệm được thời gian và chi phí cho cả nhà nước và doanh nghiệp. Doanh nghiệp được yêu cầu sử dụng hệ thống phần mềm cung cấp bởi ngành Thuế cho phần lớn các thủ tục hành chính có tần suất cao, thay vì nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan thuế.

Với APCI 2017, thành tựu cải cách của ngành Thuế đã phần nào được ghi nhận bằng những con số thực tế, đó chính là chi phí mà doanh nghiệp đã phải thực sự bỏ ra để thực hiện một số thủ tục hành chính của ngành. Những chi phí đó đang ở mức thấp nhất so với các ngành trong APCI 2017 khảo sát. Mặc dù vẫn còn có những phản hồi từ doanh nghiệp với mong muốn

---

[9] http://www.doingbusiness.org/data/exploreeconomies/vietnam

[10] Có sự khác biệt giữa APCI và PCI ở việc lựa chọn doanh nghiệp để thực hiện điều tra. APCI chỉ điều tra những doanh nghiệp vừa thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2017 để đảm bảo thông tin được cập nhật nhất thay vì lựa chọn trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

[11] http://www.doingbusiness.org/Reforms/Overview/Economy/vietnam

ngành Thuế tiếp tục cải cách, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ tốt nhất pháp luật về thuế, những cải cách của ngành Thuế ở những thủ tục hành chính được khảo sát trong nhóm thủ tục Thuế là đáng được ghi nhận ở cách thức cải cách thủ tục và triển khai thực hiện trên toàn quốc. Những bài học cải cách mà ngành Thuế đã làm được là bài học thực tiễn tốt để ngành Thuế tiếp tục cải cách các thủ tục hành chínhkhác, cũng như để các ngành khác tham chiếu khi thực hiện cải cách, đặc biệt ở cách thức cải cách và thực thi các thủ tục hành chính.

Đứng thứ hai trong bảng xếp hạng chỉ số APCI 2017 là nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh với chi phí tuân thủ là 720,7 nghìn đồng. Trong đó, thời gian thực hiện được ghi nhận là 10,5 giờ làm việc của doanh nghiệp. Cải cách TTHC trong lĩnh vực Khởi sự doanh nghiệp đã được Chính phủ chỉ đạo trong những năm vừa qua nhằm tạo điều kiện thông thoáng cho việc gia nhập thị trường của các doanh nghiệp và thu hút đầu tư trong nước. Mức chi phí được ghi nhận cho nhóm thủ tục này ở APCI 2017 dường như đang thấp hơn mức chi phí thuê tư vấn trọn gói phổ biến trên thị trường. Điều này cho thấy các thủ tục hành chính trong nhóm thủ tục này đang dần dễ hơn cho doanh nghiệp tự tìm hiểu và tự thực hiện với chi phí hợp lý hơn. Thực chất, đây là nhóm thủ tục có định hướng cải cách từ nhiều năm trước, bắt đầu từ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT/BKH-BTC-BCA của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Công an ngày 27/02/2007 Hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp giấy phép khắc dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Đến nay, với những tiến bộ về đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, các doanh nghiệp khi khởi sự cần thực hiện những thủ tục như: (i) đăng ký thành lập doanh nghiệp, (ii) đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp, (iii) chuyển đổi công ty… và đều có thể thực hiện trực tuyến.

Những cải cách này đã đem lại những kết quả đáng khích lệ với số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường ngày càng gia tăng. Năm 2016 đã đi vào lịch sử kinh tế Việt Nam như là năm đầu tiên xác lập kỷ lục thành lập mới doanh nghiệp vượt ngưỡng 100.000, và trong quý đầu tiên của năm 2018, số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động là 35.200[12] tương đương với mức gần 400 doanh nghiệp mới thành lập và quay lại hoạt động một ngày. Một lần nữa, những tiến bộ mà nhóm thủ tục này có được là nhờ nỗ lực cải cách của Chính phủ trong các năm gần đây với mục tiêu hướng đến xây dựng Chính phủ điện tử và đẩy mạnh việc cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, dư địa cải cách về thời gian thực hiện nhóm TTHC này vẫn còn khi so sánh với nhóm thủ tục Thuế và khi còn xếp hạng thấp trong Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 của Ngân hàng thế giới (123/190). Rõ ràng là với tinh thần *"Chính phủ kiến tạo – Nhân dân khởi nghiệp"*, việc tiếp tục cải cách nhóm thủ tục này là rất cần thiết, góp phần thúc đẩy và khuyến khích nhiều hơn nữa doanh nghiệp khởi nghiệp gia nhập thương trường, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Đứng thứ ba trong bảng xếp hạng chỉ số APCI 2017 là nhóm TTHC Hải quan. Kết quả này phần nào phản ánh những nỗ lực cải cách của ngành Hải quan khi thực hiện triển khai Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020, Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016- 2020 và việc ngành Hải quan thực hiện những chỉ đạo của Chính phủ theo loạt Nghị quyết 19 của Chính phủ qua các năm 2014-2017, và Nghị quyết số 36a/NQ-

---

[12] http://thoibaonganhang.vn/hon-35200-dn-thanh-lap-moi-va-quay-lai-hoat-dong-trong-quy-dau-nam-74143.html

CP về Chính phủ điện tử ngày 14/10/2015. Cùng với ngành Thuế, ngành Hải quan là ngành tích cực đưa hệ thống công nghệ thông tin vào áp dụng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đứng thứ tư trong bảng xếp hạng chỉ số APCI 2017 là nhóm TTHC Đất đai. Thứ hạng của nhóm phần nào phản ánh những nỗ lực cải cách của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) từ năm 2010 đến nay về chuỗi các thủ tục đầu tư, đất đai và xây dựng. Kết quả này cũng phần nào cho thấy định hướng đúng đắn về cải cách theo hướng lồng ghép và đơn giản hóa chuỗi thủ tục đầu tư, kinh doanh, tạo sự liên thông giữa các thủ tục đầu tư với các thủ tục về đất đai, xây dựng, đấu thầu, môi trường. Để tiếp tục cải thiện vị trí xếp hạng, Bộ TNMT cần tiếp tục nghiên cứu và áp dụng rộng rãi kết quả thành công của thí điểm liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, và đẩy nhanh việc kết nối điện tử của chuỗi thủ tục nói trên theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực canh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Đứng thứ năm trong bảng xếp hạng là nhóm thủ tục trọng tâm của cải cách từ 2017 - nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đã đề ra mục tiêu đơn giản hóa 50% các điều kiện kinh doanh hiện hành và Chính phủ cũng đã đưa ra hạn chót ngày 31/10/2018 để các bộ ngành phải có phương án cắt giảm của cơ quan mình. Theo Bộ Tư pháp, tương ứng với 243 ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh hiện khoảng 4.284[13]. Theo đánh giá, các điều kiện đầu tư kinh doanh còn bất hợp lý, làm hạn chế gia nhập thị trường, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh, năng suất lao động của doanh nghiệp, tạo kẽ hở cho hành vi nhũng nhiễu. Với quyết tâm của Chính phủ trong việc cắt giảm điều kiện kinh doanh, có thể kỳ vọng rằng CPTT của nhóm thủ tục này trong chỉ số APCI 2017 sẽ có những thay đổi lớn trong những năm tiếp theo.

Từ thứ hạng 6 đến thứ hạng 8 là ba nhóm TTHC Đầu tư, Môi trường và Xây dựng, cùng với nhóm thủ tục Đất đai, đây là những nhóm thủ tục có quan hệ mật thiết trong việc đầu tư xây dựng dự án có sử dụng đất của một doanh nghiệp. Đứng sau cùng trong bảng xếp hạng chỉ số APCI 2017 là nhóm thủ tục Xây dựng với chi phí tuân thủ là 64,1 triệu đồng, gấp rất nhiều lần nhóm thủ tục quán quân của APCI 2017. Mặc dù về chi phí thời gian, nhóm thủ tục này không nằm ở mức cao nhất (103,9 giờ làm việc và 2,15 triệu đồng) nhưng chi phí trực tiếp cao vượt trội đã làm nhóm thủ tục này trở nên đắt đỏ bậc nhất. Chỉ số thành phần (chi phí trực tiếp) đã trở thành yếu tố quyết định tới mức chi phí tuân thủ của nhóm thủ tục này. Với mỗi 1 triệu đồng doanh nghiệp chi trả cho bất kỳ một thủ tục nào trong nhóm này, 0,93 triệu đồng là chi phí trực tiếp doanh nghiệp cần để hoàn thành hồ sơ và 0,07 triệu đồng là chi phí thời gian mà doanh nghiệp phải bỏ ra. Trong nhóm thủ tục này, chỉ có một thủ tục hành chính trùng với 1 trong 7 thủ tục được Ngân hàng Thế giới đo lường cho chỉ số Giấy phép Xây dựng trong Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018. Do đó, thứ hạng cao của chỉ số Giấy phép Xây dựng trong

[13]https://baomoi.com/nam-2018-tiep-tuc-cat-bo-50-cac-dieu-kien-kinh-doanh-kho-may-cung-phai-lam/c/24492093.epi

Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 (20/190) không tương thích với kết quả chi phí tuân thủ của nhóm thủ tục Xây dựng được ghi nhận ở APCI 2017.

Là một trong những ngành đóng vai trò then chốt của sự nghiệp hiện đại hóa của Việt Nam, ngành xây dựng đóng góp 6% vào GDP của cả nước, sau ba ngành chính của Việt Nam là dịch vụ, sản xuất và nông nghiệp và được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong 10 năm tới. Với điều kiện kinh tế vĩ mô tốt và Chính phủ cải cách mạnh mẽ, môi trường đầu tư trở nên hấp dẫn hơn sẽ là một trong những yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành xây dựng (ước tính khoảng 5,9%) trong những năm tới, với những dự án trọng tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng bất động sản. Để đóng góp vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành, việc cải cách các TTHC trong lĩnh vực xây dựng đã không nằm ngoài trọng tâm cải cách của Chính phủ đương nhiệm, thể hiện ở những chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19.

Thực chất, nhiều bất cập trong văn bản hiện hành quy định các thủ tục hành chính trong chuỗi thủ tục đầu tư, đất đai và xây dựng đã được Chính phủ quan tâm nghiên cứu từ khi triển khai Đề án 30, cho đến khi ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 2 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính với yêu cầu sửa đổi nhiều nội dung nhằm đơn giản hóa và hài hòa hóa các thủ tục, trong đó có các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, và gần đây là loạt Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, những cải cách của chuỗi thủ tục này mới chỉ dừng lại ở từng ngành thay vì nhìn nhận cả chuỗi thủ tục này như một quy trình trọn vẹn để thực hiện một dự án đầu tư có sử dụng đất và có xây dựng; và những bất cập khi doanh nghiệp thực hiện cả chuỗi thủ tục vẫn tiếp tục tồn tại. Đối với lĩnh vực xây dựng, những ưu tiên cải cách được xác định là xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc cấp giấy phép xây dựng; giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng); kết hợp thực hiện lồng ghép thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy với thủ tục thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng. Đây cũng chính là những thủ tục được đo lường trong APCI 2017 và kết quả đã cho thấy rằng, ngành xây dựng vẫn cần phải tiếp tục nỗ lực để thực hiện những định hướng cải cách cần thiết này.

Hình 3 dưới đây so sánh CPTT trung bình của mỗi nhóm thủ tục được điều tra với CPTT trung bình của một địa phương giả định theo thang điểm 100. Địa phương giả định là địa phương sẽ có mức CPTT của tất cả các nhóm thủ tục theo mức CPTT của <u>một địa phương tốt nhất</u> trên cả nước. Để đạt được mức tốt nhất của một địa phương giả định này, tất cả các nhóm thủ tục còn một khoảng cách rất dài. Hiện tại, tất cả các nhóm thủ tục vẫn chưa đạt được mức trung bình khá của địa phương giả định. Nhóm thủ tục tốt nhất còn ¾ (ba phần tư) quãng đường trong khi nhóm thấp nhất mới chỉ đi được 5% quãng đường. Điều thú vị là có sự đổi ngôi giữa các nhóm thủ tục ở hình này, mặc dù khoảng cách giữa hai nhóm này không xa.

Hình 3: Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất (thang điểm 100)

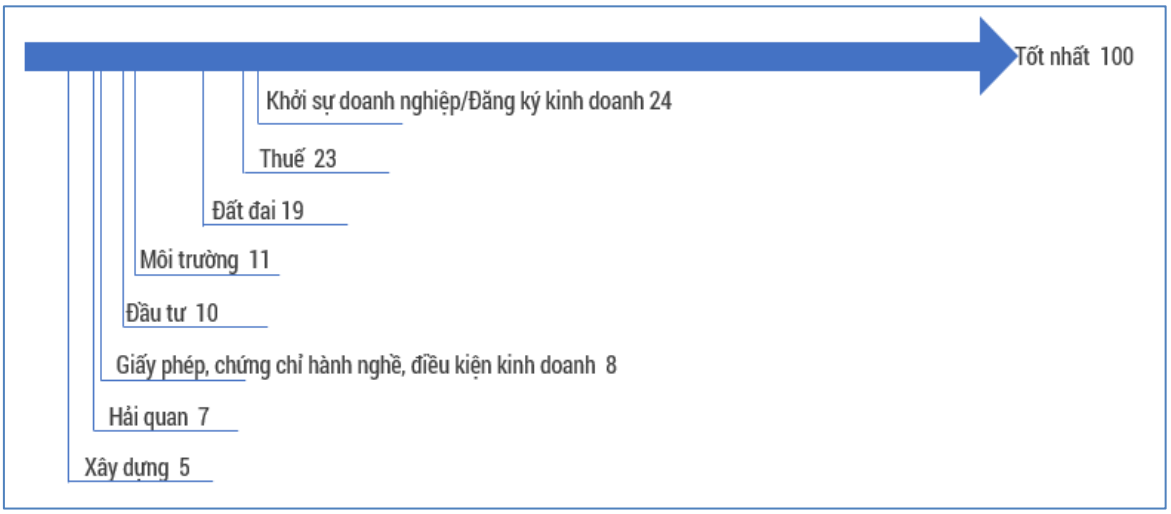

1.3. Kết quả theo Chỉ số thành phần APCI

Việc phân tích các chỉ số thành phần trong từng nhóm thủ tục sẽ giúp có cái nhìn sâu sắc về những điểm mạnh và điểm yếu của từng nhóm thủ tục được điều tra. Hình 4 dưới đây mô tả tỷ trọng của hai chỉ số thành phần trong từng nhóm thủ tục. Có thể thấy rằng xu hướng chung là chỉ số chi phí trực tiếp chiếm phần lớn hơn trong chi phí tuân thủ. Hai nhóm thủ tục là Xây dựng và Hải quan ghi nhận chỉ số chi phí trực tiếp chiếm tới hơn 90% chi phí tuân thủ. Trong khi nhóm thủ tục Xây dựng ghi nhận chi phí trực tiếp gồm cả phí tư vấn thiết kế chuẩn bị các bộ hồ sơ theo yêu cầu của pháp luật về xây dựng, nhóm thủ tục Hải quan không ghi nhận việc phải thuê tư vấn bên ngoài trợ giúp chuẩn bị hồ sơ. Do đó, chi phí trực tiếp phát sinh cho nhóm thủ tục Hải quan chủ yếu là nhiều loại chi phí không chính thức phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục. Ghi nhận này có tính tương đồng với vấn đề chi phí không chính thức được PCI 2017 báo cáo đối với nhóm doanh nghiệp FDI. PCI 2017 báo cáo rằng mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, vẫn có một tỷ lệ lớn các doanh nghiệp FDI được khảo sát (53%) cho biết đã có hành vi chi trả phí không chính thức để thúc đẩy việc thông quan, và gánh nặng về các khoản chi phí không chính thức được PCI 2017 ghi nhận có chiều hướng giảm đi. Mặc dù tỷ trọng của chỉ số chi phí trực tiếp của nhóm thủ tục Hải quan trong chi phí tuân thủ là lớn, song chi phí tuân thủ của nhóm thủ tục Hải quan đang được ghi nhận là thấp so với các nhóm thủ tục khác, đặc biệt là nhóm thủ tục Xây dựng.

Hình 4: Tỷ trọng các chỉ số thành phần trong tổng chi phí tuân thủ của từng nhóm TTHC

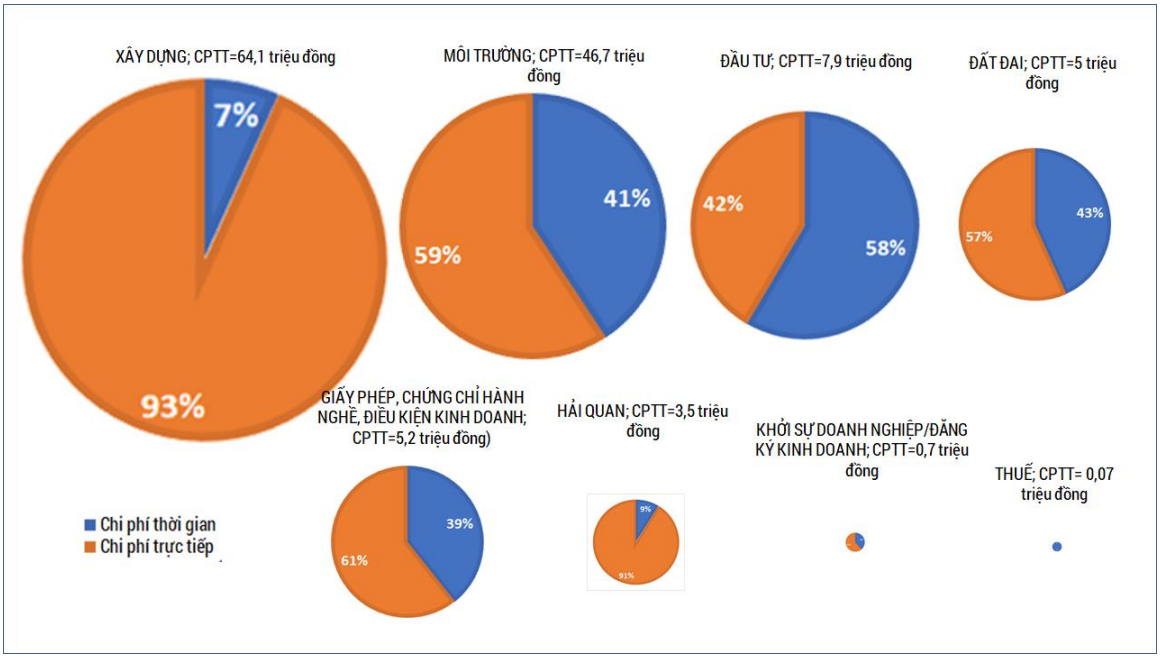

Trong số 8 nhóm thủ tục, chỉ có hai nhóm thủ tục là Đầu tư và Thuế có tỷ trọng chỉ số chi phí thời gian lớn hơn chỉ số chi phí trực tiếp. Như vậy, để cải thiện hơn nữa chi phí tuân thủ, hai nhóm thủ tục này cần được phân tích theo hướng các bước thực hiện để xác định cơ hội giảm thời gian thực hiện các bước này.

Hình 5 dưới đây cho thấy phần lớn thời gian đang được doanh nghiệp dành ra để thực hiện việc Chuẩn bị hồ sơ và Chính sửa bổ sung hồ sơ. Trung bình, doanh nghiệp dành hơn 55% thời gian cần thiết thực hiện một thủ tục hành chính để chuẩn bị hồ sơ. Cần lưu ý rằng chỉ khi hồ sơ được chuẩn bị một cách hợp lệ và đầy đủ thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới chấp nhận hồ sơ để giải quyết TTHC, và tỷ lệ này đang cho thấy doanh nghiệp cần nhiều thời gian để chuẩn bị hồ sơ. Tiếp sau đó, doanh nghiệp dành hơn 17% thời gian để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Như vậy, ba bước tìm hiểu thông tin, nộp hồ sơ và nhận kết quả đang chiếm khoảng gần 30% quỹ thời gian mà doanh nghiệp dành cho một thủ tục hành chính.

Hình 5: Thời gian thực hiện theo nhóm TTHC

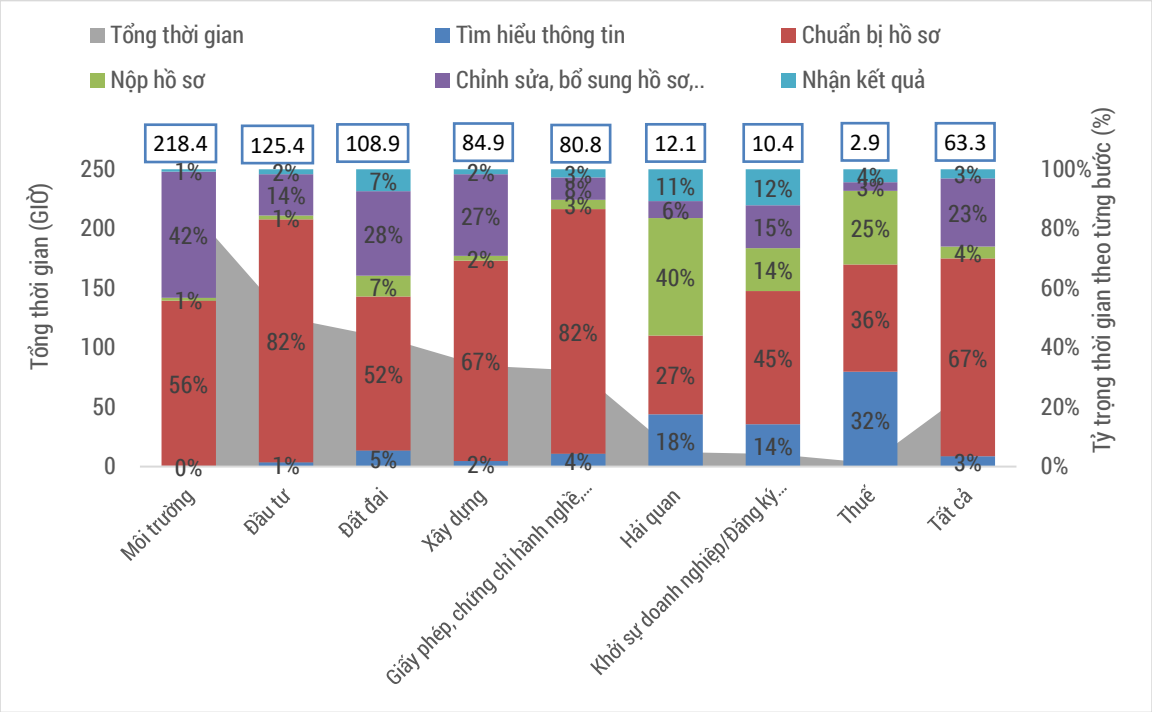

Kết quả này phản ánh việc giảm chi phí thời gian cần tập trung vào hai bước liên quan tới hồ sơ thông qua việc *giảm thiểu và đơn giản hóa hồ sơ* cũng *như cung cấp thông tin và hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ* đầy đủ, rõ ràng và minh bạch tạo điều kiện cho doanh nghiệp chuẩn bị được một bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong thời gian ngắn nhất. Bên cạnh đó, thời gian dành cho các bước nộp hồ sơ và nhận kết quả đang ở mức từ 5-11% và sẽ có thể giảm hơn nữa nếu các thủ tục được áp dụng dịch vụ công trực tuyến nhiều hơn nữa. Đối với hai nhóm thủ tục Đầu tư và Thuế nêu ở trên, bước thực hiện cần chú trọng cải cách là Chuẩn bị hồ sơ ở nhóm thủ tục Đầu tư và Tìm hiểu thông tin ở nhóm thủ tục Thuế. Chi tiết về đề xuất cải cách hai nhóm thủ tục này được phân tích ở Phần II của báo cáo này.

1.4. Xu hướng cải cách thủ tục hành chính

Kết quả đánh giá CPTT của từng địa phương được khảo sát được định vị thành bốn nhóm theo tương quan hai chỉ số thành phần (trục X biểu thị chi phí thời gian và trục Y biểu thị chi phí trực tiếp), phân chia bởi hai đường tỉnh trung vị. Xu hướng cho thấy nhiều tỉnh tập trung hoặc ở góc trái dưới cùng của đồ thị (góc ***Hiệu quả*** với chi phí trực tiếp thấp và thời gian ngắn) hoặc ở góc phải trên cùng của đồ thị (góc ***Cần cải thiện*** với cả hai chỉ số thành phần đều cao). Đối với góc phải dưới cùng của đồ thị (góc ***Việt dã***), các tỉnh tập trung ở đây có mức chi phí trực tiếp thấp tương ứng với các tỉnh ở góc hiệu quả song thời gian lại cần được cải thiện để được kéo về góc hiệu quả. Tương tự như vậy, các tỉnh ở góc trái trên cùng của đồ thị (góc ***Tốn kém*)** lại cần tiết kiệm chi phí trực tiếp hơn nữa để tiệm cận với các tỉnh ở góc hiệu quả.

Hình 6: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng

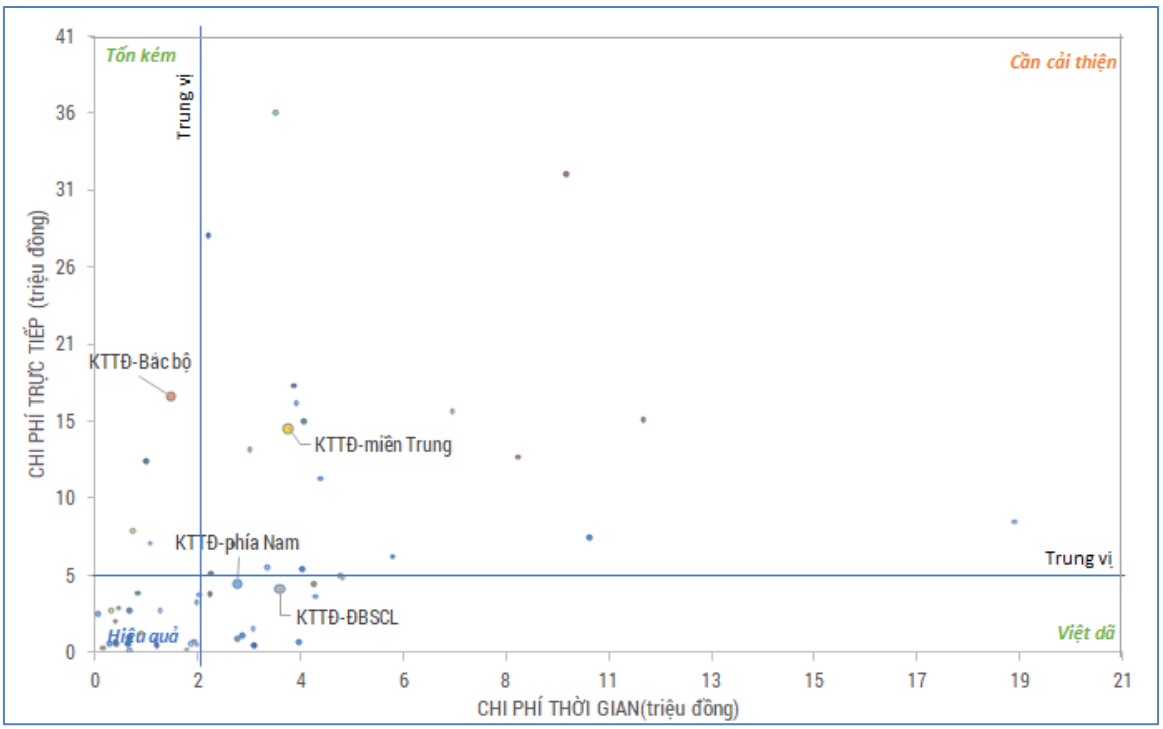

Biểu đồ cho thấy các tỉnh đang tập trung nhiều vào điểm giao trung vị, với số lượng nhiều các tỉnh đang ở góc *Hiệu quả* và góc *Cần cải thiện*. Góc *Cần cải thiện* ghi nhận một vài tỉnh tách rời khỏi xu hướng tập trung của các tỉnh trong góc đó, là những tỉnh đang có chi phí trực tiếp và chi phí thời gian cao hơn nhiều so với các tỉnh khác. Rõ ràng là, với một nhóm các thủ tục hành chính tương đồng, được quy định bởi cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, sự khác biệt về chi phí tuân thủ giữa các địa phương chính là kết quả của chất lượng thực thi TTHC ở cấp địa phương. Các địa phương có sự bứt phá về chi phí tuân thủ thường có chi phí thời gian chuẩn bị hồ sơ và sửa đổi hồ sơ ngắn hơn, và doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí trực tiếp do hiểu rõ thủ tục để thực hiện mà không cần phải thuê một bên thứ ba. Điều này nhấn mạnh vào sự cần thiết của những hướng dẫn thực hiện TTHC ở cấp địa phương để các đối tượng thực hiện TTHC hiểu rõ nhằm thực hiện thông suốt và thuận lợi.

Trên hình cũng biểu thị vị trí của nhóm các tỉnh thuộc các vùng KTTĐ Bắc bộ, ĐBSCL, phía Nam và miền Trung. Bốn vùng KTTĐ phân bổ ở ba trên bốn góc của đồ thị. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-phía Nam còn khoảng cách rất gần để có thể vượt qua hàng rào trung vị tiến vào góc *Hiệu quả*. Vùng KTTĐ-phía Nam là nơi có nhiều tỉnh nằm ở góc *Hiệu quả* nhưng không đủ hiệu quả để tạo hiệu ứng hiệu ứng tích cực cho vùng KTTĐ này. Ở những vùng KTTĐ khác, khi mỗi vùng đều đang có một số tỉnh nằm ở góc *Hiệu quả* thì những tỉnh này có thể là hạt nhân giúp các tỉnh khác trong vùng dịch chuyển nhanh và hiệu quả hơn tới góc *Hiệu quả* này. Vùng KTTĐ – Miền Trung được định vị ở góc *Cần cải thiện* thể hiện sự cần thiết phải cải cách để cắt giảm tối đa CPTT của những nhóm TTHC được điều tra. Vị trí của vùng KTTĐ-Bắc Bộ trên đồ thị cho thấy chi phí thời gian ở mức thấp nhưng chỉ số chi phí trực tiếp của các tỉnh trong vùng đang ở mức cao, và đó chính là lĩnh vực cần chú trọng cải cách.

Tính riêng cho mỗi nhóm thủ tục được rà soát, các tỉnh và vùng KTTĐ được ghi nhận có CPTT hiệu quả nhất được thể hiện ở bảng sau. Kết quả cho thấy không có mối tương quan giữa địa

phương có CPTT tốt nhất và vùng KTTĐ có CPTT tốt nhất. Mỗi địa phương làm thật tốt chưa đủ để đưa cả vùng KTTĐ bứt phá nhưng có thể làm hạt nhân và truyền cảm hứng cải cách cho các địa phương trong vùng. Mỗi vùng KTTĐ Phía Nam và Bắc Bộ có mức CPTT tốt nhất ở 3/8 nhóm thủ tục, nhưng vẫn chưa đủ để đưa hai vùng KTTĐ vào góc *Hiệu quả* như ở hình trên.

Bảng 1: Thực tiễn tốt nhất theo nhóm TTHC

Nhóm TTHC	Thứ hạng APCI 2017	Địa phương có CPTT tốt nhất	CPTT tồi nhất gấp bao nhiêu lần CPTT tốt nhất	Vùng KTTĐ có CPTT tốt nhất
Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh	2	Bắc Ninh	11 lần	KTTĐ Miền Trung
Đất đai	5	Trà Vinh	11,6 lần	KTTĐ Bắc bộ
Thuế	1	Hà Nam	15 lần	KTTĐ Bắc bộ
Đầu tư	6	Nam Định	21 lần	KTTĐ - ĐBSCL
Môi trường	7	Bến Tre	20,6 lần	KTTĐ Bắc bộ
Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	3	Gia Lai	36 lần	KTTĐ Phía Nam
Hải quan[14]	4	Vĩnh Phúc	60 lần	KTTĐ Phía Nam
Xây dựng	8	Lâm Đồng	83,5 lần	KTTĐ Phía Nam

So sánh sự khác biệt giữa hai địa phương có CPTT thấp nhất và cao nhất cho thấy khoảng cách về chi phí dài nhất lại ở chính nhóm thủ tục có CPTT cao nhất. Như vậy, cơ hội để nhóm thủ tục Xây dựng giảm chi phí là cao khi đã có nơi có mức CPTT thấp hơn 80 lần mức phí CPTT cao nhất. Tương tự như vậy, nhóm thủ tục Hải quan cũng là nhóm có thể giảm mức CPTT đi nhiều để nhóm này trở nên hiệu quả hơn khi sự cách biệt đang ở mức 60 lần. Hai nhóm thủ tục Đầu tư và Môi trường có mức cách biệt CPTT giữa hai mức cao-thấp khoảng 21 lần đều có cơ hội cắt giảm nhiều để thay đổi thứ hạng trong APCI. Nhóm thủ tục Thuế, mặc dù là nhóm hiệu quả nhất, nhưng cơ hội để cắt giảm CPTT vẫn còn nhiều khi khoảng cách chi phí đang là 15 lần.

1.5. Ý nghĩa của APCI

ACPI 2017 ra đời đánh dấu hai năm điều hành của Chính phủ đương nhiệm với quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế cũng như thu hút tốt hơn dòng vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Việc đánh giá chi phí tuân thủ của nhóm thủ tục hành chính trọng tâm là một thước đo độc lập giúp Chính phủ có cái nhìn khách quan từ phía doanh nghiệp về những thủ tục hành chính mà họ vừa trải qua. Từ góc độ chi phí, mỗi bên đều có thể dễ dàng xác định mức độ "đắt đỏ" của mỗi loại thủ tục hành chính để

[14] Đối với nhóm thủ tục Hải quan, các doanh nghiệp ở một địa phương có thể thực hiện TTHC ở địa phương khác. Do vậy, tỉnh có CPTT tốt nhất trong nhóm có nghĩa rằng các doanh nghiệp đóng tại địa phương đó đang có CPTT thấp nhất.

làm cơ sở cho việc xác định giải pháp cải cách theo những dư địa cải cách được xác định và theo những thực tiễn thực thi TTHC tốt ở một số địa phương. Những lĩnh vực có dư địa để cải cách hứa hẹn sẽ đem lại lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp (do giảm chi phí tuân thủ) giúp xây dựng môi trường kinh doanh của Việt Nam cạnh tranh hơn nữa. Đồng thời, đánh giá chi phí tuân thủ TTHC cũng giúp cho việc đo lường hiệu quả của các văn pháp luật và chính sách đối với việc kiểm soát TTHC và đánh giá tác động của TTHC hiện hành. Với kỳ vọng này, kết quả APCI có một số ý nghĩa nhất định đối với *kinh tế Việt Nam* và đối với *việc thiết kế, xây dựng và thực thi TTHC*.

Việt Nam đang đặt mục tiêu tăng trưởng cao và bền vững trong thời gian tới[15]. Việc cải cách hệ thống pháp luật, cải cách thể chế, cắt giảm thủ tục hành chính có ý nghĩa đóng góp trực tiếp cho mục tiêu này. Kinh nghiệm quốc tế cũng khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa việc cải cách pháp luật, cắt giảm chi phí tuân thủ với quá trình tăng trưởng kinh tế. Gorgens (2003) trong một nghiên cứu của mình đã chứng minh rằng các quốc gia có chi phí tuân thủ cao có mức độ tăng trưởng thấp hơn từ 2-3% so với các quốc gia có mức độ thông thoáng về quy định pháp luật và có chi phí tuân thủ TTHC thấp. Một số nghiên cứu khác chỉ ra rằng nếu cắt giảm được 25% chi phí tuân thủ TTHC thì có thể tăng trưởng GDP từ 1,1 đến 1,7%[16]. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc cắt giảm thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC sẽ có tác động trực tiếp tới đầu tư, tới thành lập doanh nghiệp và gián tiếp tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của các thể chế thị trường. Cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt chi phí tuân thủ sẽ góp phần tháo gỡ được các nút thắt của quá trình tăng trưởng kinh tế. Các thủ tục có liên quan trực tiếp tới gia nhập thị trường chính là các nhóm thủ tục được khảo sát trong khuôn khổ APCI 2017 như khởi sự doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, đất đai, môi trường, và xây dựng. Các thủ tục có liên quan trực tiếp với việc đưa sản phẩm hàng hóa gia nhập thị trường, là những thủ tục nằm trong nhóm thủ tục Hải quan. Những thủ tục hành chính trong nhóm các thủ tục được khảo sát là những thủ tục được doanh nghiệp sử dụng nhiều và có khả năng gây hạn chế tới việc gia nhập thị trường và đưa sản phẩm hàng hóa ra thị trường của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Các thủ tục hành chính này có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế do có liên quan tới chi phí mà doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tính cạnh tranh của doanh nghiệp khi gia nhập thị trường trong và ngoài nước. Tầm quan trọng của cải cách TTHC cũng được các chủ doanh nghiệp nhấn mạnh. Báo cáo kết quả chỉ số Niềm tin doanh nhân 2017 (CEO.CI 2017) của Diễn đàn kinh tế tư nhân (VPSF) kết luận rằng một trong những rào cản làm các chủ doanh nghiệp bỏ lỡ cơ hội kinh doanh chính là thủ tục hành chính rườm rà (nhiều giấy phép con; giấy phép xuất nhập khẩu phức tạp, chồng chéo; khó khăn khi xin giấy phép cho khu vực khởi nghiệp sáng tạo cho nhiều ngành nghề chưa có trong danh mục quy định).

Chi phí tuân thủ TTHC của một ngành, lĩnh vực có mối tương quan tỷ lệ thuận với quyết tâm cải cách chính sách và quy định của Chính phủ, mỗi bộ, ngành trung ương về kiểm

---

[15] Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

[16] David Packer and Colin Kirkpatrick, Measuring Regulatory Performance: the economic impact of regulatory policy: A literature review of quantitative evidence, OECD, trang 21 -22, 2012; Kevin Poel và các tác giả khác, Administrative Simplification and Economic Growth: A Cross Country Empirical Study, Journal of Business Administration Research, Vol. 3, No. 1; 2014

soát TTHC của ngành đó. Chỉ số ACPI 2017 phản ánh khách quan việc thực thi chính sách và pháp luật tại mỗi ngành, lĩnh vực. Khi so sánh CPTT của 8 nhóm TTHC, những nhóm TTHC có CPTT thấp (bao gồm cả thời gian và chi phí trực tiếp) có xu hướng bao gồm những TTHC có quy định rõ ràng, và có những chỉ đạo, biện pháp quyết liệt về mục tiêu và chỉ tiêu thực hiện cải cách từ Chính phủ và bộ, ngành liên quan. Đơn cử như nhóm thủ tục Thuế có CPTT thấp nhất, Chính phủ đã có nhiều nghị quyết chỉ đạo cụ thể đối với việc cải cách TTHC Thuế, như chuỗi Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, chuỗi Nghị quyết số 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử, và Quyết định số 225/QĐ-TTg năm 2016 Phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 – 2020… Bên cạnh đó, Bộ Tài chính (trong đó có Tổng cục Thuế) đã quyết tâm hiện đại hoá ngành thuế thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế và cải cách các TTHC. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng tăng cường việc đơn giản hoá và bãi bỏ một số các TTHC Thuế, như Quyết định số 509/QĐ-BTC phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế. Tương tự như ngành Thuế, các TTHC Hải quan, Khởi sự doanh nghiệp (Đăng ký kinh doanh) cũng là những nhóm TTHC có CPTT thấp nhờ vào chất lượng của các quy định pháp luật và quyết tâm cải cách, kiểm soát TTHC của cơ quan quản lý ở trung ương.

Sự khác biệt về chi phí tuân thủ TTHC giữa các vùng miền, địa phương và tỉnh thành chủ yếu là do cách thức tổ chức thực hiện và hành vi của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh và địa phương. Nói cách khác, ngoài yêu cầu cần cải cách các quy định về pháp luật vốn nằm trong trách nhiệm của cơ quan bộ, ngành trung ương, các tỉnh có thể tạo sự khác biệt và có tác động tức thời tới cộng đồng doanh nghiệp và người dân thông qua cách thức tổ chức công việc, thông qua việc thực thi bổn phận một cách có trách nhiệm, với tinh thần phục vụ hơn là mang tính quản lý nhà nước tại các địa phương. Do đặc điểm về yêu cầu áp dụng thống nhất các quy định pháp luật tại Việt Nam, những cải tiến trong quy trình, cách thức thực hiện thủ tục ở các cơ quan thực hiện TTHC sẽ có tác động ngay tới việc cắt giảm chi phí TTHC tại các địa phương. Ví dụ, cùng một quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh nhưng chi phí tuân thủ của một doanh nghiệp ở Bắc Ninh khi thực hiện những thủ tục này lại có thể chỉ bằng 1/11 CPTT ở một tỉnh khác (xem Bảng 1). Kết quả APCI 2017 đưa ra chỉ dấu rằng dư địa để tất cả các nhóm thủ tục cải thiện thông qua việc tổ chức thức hiện thủ tục hành chính ở cấp địa phương, từ đó giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp (và của cả cơ quan nhà nước) là rất lớn. Ở một góc nhìn khác, nhóm thủ tục Khởi sự doanh nghiệp gồm những thủ tục đã được liên thông theo hướng dẫn của các cơ quan ban hành có tín hiệu tich cực trong bảng xếp hạng ACPI 2017. Nhóm thủ tục Đầu tư gồm những thủ tục đã từng được đề xuất thực hiện liên thông, như đã trình bày ở trên, chưa có được kết quả tích cực trong bảng xếp hạng APCI. Liệu cơ chế thực hiện liên thông có là giải pháp tốt trong thực thi TTHC hay không chưa đủ dữ liệu để được khẳng định trong APCI 2017. Tuy nhiên, việc tham khảo những mô hình về quy trình thực thi TTHC tốt như trong nhóm thủ tục Khởi sự doanh nghiệp có thể là giải pháp mà các địa phương nên cân nhắc để thực hiện cải cách.

Chi phí tuân thủ TTHC thấp có liên quan mật thiết tới việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước. Kết quả khảo sát cho thấy những lĩnh vực có mức chi phí tuân thủ thấp nhất nằm ở ba lĩnh vực có ứng dụng công nghệ thông tin tốt là Thuế, Hải quan và Khởi sự doanh nghiệp. Ở ba nhóm thủ tục này, doanh nghiệp đều đã và đang sử dụng ứng dụng của ngành để thực hiện hầu hết hoặc một số TTHC, trong đó có một số TTHC được khảo

sát trong APCI 2017. Rõ ràng là kết quả của giải pháp điện tử về khai và nộp thuế điện tử, hải quan điện tử, đăng ký kinh doanh đã tạo sự cách biệt về CPTT của ba nhóm thủ tục này với các nhóm thủ tục khác, và chứng minh rằng xu thế điện tử hóa việc thực hiện TTHC là tất yếu. Hơn thế nữa, kết quả APCI 2017 cho thấy định hướng của Chính phủ thể hiện ở Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử và Chỉ thị số 16/CT-Ttg năm 2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cần phải được kiên trì theo đuổi. Trong bối cảnh tất cả các bộ ngành đã và đang triển khai cổng thông tin điện tử theo những quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/06/2011 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, các cơ quan nhà nước quản lý những nhóm thủ tục có CPTT cao cần tích cực triển khai và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3[17] và 4[18]. Sự thay đổi về tư duy và cách thức cung cấp dịch vụ công nhằm giải quyết các TTHC, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin, sẽ giúp các cơ quan nhà nước hiệu quả hơn trong công tác quản lý nhà nước và các đối tượng thực hiện TTHC tiết kiệm được nguồn lực, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.

Cơ quan quy định về TTHC cần tăng cường kiểm soát gánh nặng về CPTT trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ để có giải pháp đơn giản hóa. Mối tương quan giữa gánh nặng hồ sơ và CPTT đã được đề cập từ nhiều năm nay và một lần nữa APCI 2017 xác nhận rằng những nhóm thủ tục có mức CPTT thấp thường là những nhóm thủ tục có bước chuẩn bị hồ sơ tốn ít thời gian của doanh nghiệp (Hải Quan, Thuế, và Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh). Trong quá trình thực hiện cải cách, các địa phương đều phản ảnh rằng yêu cầu về hồ sơ không xuất phát từ địa phương mà từ những văn bản được các cơ quan trung ương ban hành. Bên cạnh đó, còn nhiều quy định chưa thống nhất, không đồng bộ giữa các luật, dẫn đến chồng chéo về mục tiêu, nội dung quản lý giữa cơ quan thẩm định và phê duyệt, dẫn đến việc doanh nghiệp phải chuẩn bị cùng một loại hồ sơ nhiều lần để trình nộp theo yêu cầu. Việc cắt giảm hồ sơ của những TTHC do cơ quan trung ương ban hành từ phía địa phương là không đúng luật và không khả thi. Thực vậy, APCI 2017 đưa ra chỉ dấu rằng những thủ tục đang có chi phí tuân thủ ở bước chuẩn bị hồ sơ cao cần được các cơ quan ban hành chú trọng rà soát theo hướng đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, mà vẫn đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước. Một lần nữa, với nỗ lực thực hiện Chính phủ "không giấy tờ" việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ là cần thiết tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước tận dụng "tài nguyên" của nhau và góp phần giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Sự minh bạch về thông tin có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả thực hiện TTHC. APCI 2017 cho thấy có tỷ lệ nghịch giữa thời gian tìm hiểu hồ sơ với tổng thời gian thực hiện TTHC. Các TTHC có thời gian tìm hiểu hồ sơ thấp thì lại có thời gian thực hiện TTHC dài nhất. Điều này có thể được lý giải bởi thông tin để doanh nghiệp tìm hiểu không có, không chính xác hoặc không đầy đủ hoặc TTHC quá khó để doanh nghiệp tự thực hiện và việc tìm hiểu thông tin là không cần thiết khi doanh nghiệp không thể tự làm. Về nguyên tắc, việc có đầy đủ thông tin và

---

[17] Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ

[18] Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng

hiểu rõ về TTHC sẽ giúp doanh nghiệp tiên lượng được khối lượng công việc cần chuẩn bị và phân bổ đúng và đủ nguồn lực vào những công việc đó. Do vậy, khi không có đầy đủ thông tin để doanh nghiệp ra quyết định, doanh nghiệp sẽ cần tiêu tốn nhiều thời gian, tiền bạc để tìm hiểu hoặc thuê một bên thứ ba tìm hiểu. Trong nhiều trường hợp, bên thứ ba có thể chính là cán bộ cơ quan nhà nước thụ lý TTHC đó do đây là những người am hiểu về cách thức thực hiện TTHC nhất. Việc này xảy ra dẫn đến xung đột về lợi ích, làm xấu hình ảnh của cơ quan chính quyền và chính là tiền đề của tham nhũng khi người cán bộ thụ lý hồ sơ doanh nghiệp lại thụ lý chính hồ sơ được họ chuẩn bị. Một lần nữa, APCI 2017 khẳng định rằng sự minh bạch về thông tin thông qua các kênh thông tin truyền thống và hiện đại là cần thiết để không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thời gian và chi phí tuân thủ mà còn giảm nguy cơ tham nhũng, và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

Các bộ, ngành và địa phương có thể nhận diện những nhóm TTHC có thể ưu tiên cải cách theo kết quả ACPI, và phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế ở từng địa phương và vùng kinh tế trọng điểm. Kết quả APCI 2017 cho thấy sự phân tán về mức CPTT của 8 nhóm thủ tục được đánh giá ở cấp độ địa phương, bao gồm cấp tỉnh và vùng KTTĐ. Chưa có bất kỳ một địa phương nào có hơn một nhóm thủ tục có CPTT hiệu quả nhất trong APCI 2017. Có một vài địa phương có CPTT của một nhóm thủ tục tốt nhưng cũng là địa phương có CPTT ở các nhóm thủ tục khác ở mức cao hoặc rất cao. Câu hỏi đặt ra là trong bối cảnh các địa phương không ngừng cải cách và cạnh tranh lành mạnh để trở thành địa phương có môi trường kinh doanh tốt nhằm thu hút đầu tư và hoạt động kinh doanh thương mại, chính quyền địa phương nên lựa chọn cải cách lĩnh vực nào, theo cách nào để được nhà đầu tư lựa chọn? Trong nội bộ một địa phương, làm thế nào để rút ngắn khoảng cách về CPTT giữa các nhóm thủ tục? Thực chất, mỗi địa phương đều có những ngành ưu tiên phát triển trong mỗi thời kỳ và để thúc đẩy phát triển kinh tế. Do đó, chính quyền địa phương sẽ lựa chọn những giải pháp phù hợp với địa phương nhất để thực hiện mục tiêu phát triển. Bên cạnh sự chú trọng vào phát triển kinh tế xã hội ở mỗi tỉnh, chính quyền tỉnh cần ưu tiên cải cách những nhóm TTHC phù hợp với trọng tâm phát triển của từng vùng KTTĐ[19]. Ví dụ như, khi quy hoạch phát triển Vùng KTTĐ Bắc Bộ đến 2020 yêu cầu tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp – xây dựng 49,1%, dịch vụ 45,4% và nông lâm thuỷ sản 5,5%[20] thì các nhóm TTHC có liên quan cần tập trung cải cách là nhóm TTHC Xây dựng, Đầu tư, Đất đai, Hải Quan, Điều kiện kinh doanh. Thành công của cải cách đòi hỏi quyết tâm và giải pháp về chính trị của chính quyền địa phương, đặc biệt là những cam kết của chính quyền về cách nhìn nhận và giải quyết những thủ tục mà doanh nghiệp cần phải làm để thực hiện dự án đầu tư tại địa phương, như đã phân tích ở trên. Nếu địa phương nhận diện được những lĩnh vực cần làm cho mỗi giai đoạn phát triển thì cần ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách ở những lĩnh vực đó một cách triệt để và nhất quán. Bài học kinh nghiệm của địa phương này sẽ trở nên hữu ích cho các địa phương khác phòng tránh nhằm bứt phá trong cuộc đua phát triển kinh tế địa phương. Thật vậy, cải cách TTHC ở bất cứ quy mô nào đòi hỏi sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính quyền và đòi hỏi một quyết tâm chính trị cao, dựa trên chính những ưu tiên mà địa phương đã nhận diện.

---

[19] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Giới thiệu chung vùng kinh tế trọng điểm, http://www.mpi.gov.vn/Pages/gtvungkttd.aspx

[20] Quyết định số 198/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến 2020, định hướng đến 2030, ngày 25/01/2014.

Việc cắt giảm CPTT và cải cách TTHC ở một lĩnh vực có mối tương quan với động cơ cải cách, như việc đánh giá hoạt động điều hành của lãnh đạo và cán bộ của các cơ quan thực hiện TTHC. Trong một nghiên cứu năm 2004, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương CIEM và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP[21] đã đặt ra câu hỏi "tại sao các tỉnh phía bắc gần Hà Nội vốn cũng có cơ sở hạ tầng không thua kém các tỉnh phía Nam, gần thị trường tiêu thụ, có lực lượng lao động lành nghề... lại có tốc độ phát triển chậm hơn nhiều tỉnh phía Nam?". Sau 15 năm, câu hỏi này vẫn còn vẹn nguyên giá trị và phần nào được giải đáp thêm bởi kết quả thu thập được từ kết quả khảo sát APCI. APCI 2017 cho thấy nhiều tỉnh có chi phí tuân thủ TTHC lớn nằm ở miền Bắc. Chi phí tuân thủ TTHC có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả và tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiều tỉnh thành phía Bắc. Chi phí tuân thủ cao không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí hoạt động và lợi nhuận của các doanh nghiệp ở khu vực này, mà còn ảnh hưởng tới động lực và động cơ của các doanh nghiệp trước các quyết định đầu tư mới, hay đầu tư mở rộng. Việc nâng cao động lực, động cơ cải cách của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh do vậy là hết sức cần thiết và có tính cấp bách. Công tác cải cách TTHC cần được gắn với một kết quả được lượng hóa cụ thể, với trách nhiệm của người đứng đầu, và gắn với việc đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ lãnh đạo địa phương và của từng cá nhân trong bộ máy thực thi TTHC tại các tỉnh. Việc gắn chỉ tiêu cụ thể đã từng được thực hiện trong Đề án 30 của Chính phủ[22] khi mà các bộ ngành được giao chỉ tiêu cắt giảm 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tương đương khoảng 30.000 tỷ đồng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong một năm cho người dân và doanh nghiệp. Thành công của Đề án 30 không chỉ được công nhận ở Việt Nam mà còn được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD công nhận là kinh nghiệm tốt về cải cách thể chế cho nhiều quốc gia. Bài học này một lần nữa cần được cân nhắc để đưa ra những mục tiêu cụ thể cho việc cắt giảm chi phí tuân thủ không chỉ ở những nhóm thủ tục đã được khảo sát ở APCI 2017, mà còn ở TTHC ở các lĩnh vực khác.

1.6. Khuyến nghị cải cách

APCI có những tác động và ý nghĩa nhất định tới các bên liên quan, từ cơ quan soạn thảo và ban hành luật, cho đến cơ quan thực thi và đối tượng doanh nghiệp thực hiện TTHC. Những khuyến nghị sau đây dựa trên những kết quả thu thập được của APCI 2017 với định hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh theo tinh thần cải cách môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ và các cơ quan bộ ngành.

Đối với công tác hoàn thiện thể chế theo hướng xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ: ACPI 2017 chỉ ra rằng muốn xây dựng một Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ thì đòi hỏi các TTHC phải được quy định rõ ràng, minh bạch và CPTT cần được cắt giảm. Khi phần lớn chi phí tuân thủ đang cấu thành từ chi phí của công việc chuẩn bị hồ sơ, những yêu cầu về hồ sơ cần phải được đơn giản và tối ưu hóa mà vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin để phục vụ mục đích quản lý nhà nước. Đặc biệt khi Chính phủ đang gấp rút nghiên cứu và triển khai Chính phủ điện tử với mục tiêu giảm thiểu hồ sơ dạng giấy tờ, những cải cách về thành phần hồ sơ yêu cầu cho mỗi loại TTHC cần được cân nhắc để giảm thiểu trùng lặp và dễ dàng tích hợp với các ứng dụng điện tử mà từng bộ, ngành đã và đang xây dựng. Lấy ví dụ về thủ tục xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu ở Việt Nam, nếu trước kia mỗi

---

[21] "Lịch sử hay Chính sách: Tại sao các tỉnh phía Bắc không tăng trưởng nhanh hơn", CIEM và UNDP (2004).
[22] Quyết định 30/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 – 2010 ngày 10/01/2007

công dân (Việt Nam và nước ngoài) đều phải điền thông tin vào mẫu biểu để trình nộp cùng hộ chiếu khi xuất hoặc nhập cảnh thì hiện nay, mẫu biểu này đã được loại bỏ hoàn toàn. Việc loại bỏ bớt những yêu cầu khi đăng ký sẽ đi kèm với những yêu cầu khắt khe hơn về hậu kiểm. Phương pháp quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm và dựa trên quản lý rủi ro không phải là mới ở Việt Nam, song vẫn chưa phổ biến. Với cách thay đổi tư duy quản lý nhà nước như vậy, các cơ quan làm luật sẽ dễ dàng cân nhắc những yêu cầu thiết yếu của mỗi loại TTHC để từ đó đưa ra những yêu cầu về hồ sơ đúng và đủ, tạo thuận lợi cho cả cơ quan thụ lý TTHC và doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ cho TTHC. Từ đó, kết quả đạt được sẽ là chỉ dấu của một thể chế quản trị hiệu quả, một nền công vụ chuyên nghiệp, gọn nhẹ, minh bạch...

Đối với công tác lập pháp và lập quy: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/05/2016 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/06/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính đã yêu cầu rõ ràng về trách nhiệm đánh giá tác động đối với TTHC dự kiến ban hành. Kết quả của APCI 2017 giúp cho các cơ quan nhà nước có được dữ liệu tin cậy để đánh giá tác động về CPTT cho các đề xuất cải cách đã được thực hiện. APCI 2017 là cơ sở khẳng định việc xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến hoàn thiện thể chế nói chung và TTHC nói riêng cần cân nhắc tới gánh nặng chi phí tuân thủ mà người dân, doanh nghiệp phải gánh chịu. Trong thời gian tới, những nhóm TTHC có CPTT cao cần phải được rà soát và xây dựng chính sách để có biện pháp sửa đổi phù hợp.

Đối với công tác cải cách hành chính: Kết quả APCI 2017 gợi ý trọng tâm cải cách hành chính mà các cơ quan quản lý nhà nước cần tập trung trong thời gian tới là các nhóm thủ tục xây dựng, môi trường và đầu tư. Việc cải cách các nhóm thủ tục này trước hết sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và sau đó giảm thời gian, chi phí và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Các hoạt động cải cách trong những nhóm thủ tục này sẽ tập trung vào việc rà soát và loại bỏ yêu cầu không cần thiết đối với thành phần hồ sơ và gợi ý những mô hình xử lý thủ tục hành chính theo tập quán tốt, phù hợp với định hướng ứng dụng tối đa công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước. Những cơ chế phối hợp và mô hình giải quyết TTHC đã được thử nghiệm ở trong nước và quốc tế có thể được cân nhắc trong những quy định mới. Ví dụ như từ tháng 10/2017, UBND quận 7 đã được UBND TPHCM chấp thuận triển khai đề án thí điểm rút gọn quy trình cấp phép xây dựng qua mạng theo quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc ở 4 tuyến đường trên địa bàn quận. Qua đó, các đối tượng nộp hồ sơ cho thủ tục cấp phép xây dựng có thể nộp trực tuyến và thời gian thụ lý sẽ giảm xuống còn 3-5 này so với 15 ngày theo quy định hiện hành.

Đối với công tác thực thi pháp luật và TTHC: APCI 2017 cho thấy tác động của công tác triển khai thực hiện TTHC theo quy định của pháp luật tới CPTT. APCI 2017 đưa ra các gợi ý, khuyến nghị cho các cơ quan thực thi TTHC cải tiến quy trình thụ lý TTHC, cân nhắc những giải pháp thực hiện theo hướng đơn giản hóa quy trình và hồ sơ, nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ ở cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Khi nghiên cứu và cải cách quy trình, APCI 2017 khuyến nghị tập trung vào những bước thực hiện TTHC có tác động lớn tới CPTT ở từng nhóm thủ tục. Trên thực tế, đã có những địa phương chủ động triển khai những mô hình phối kết hợp nhằm tối ưu và đơn giản hóa quy trình thực hiện, tạo ấn tượng tốt về việc xử lý TTHC. Trong khuôn khổ những nhóm thủ tục được xem xét ở APCI, các cơ quan thực thi TTHC có thể cân nhắc đặc thù địa phương cho những mô hình phù hợp hoặc xây dựng và thí điểm thực hiện những mô hình mới theo nguyên tắc tập trung hậu kiểm và dựa trên rủi ro (như đã trình bày ở trên) cho những ưu tiên cải cách của mình. Ngoài các nhóm TTHC được APCI 2017 kiến nghị

cải cách trong ngắn hạn, các cơ quan thực thi TTHC cần cân nhắc các nhóm TTHC phổ biến khác để có định hướng rà soát và cải cách trong dài hạn. Ngoài ra, ACPI 2017 cho thấy trong các công đoạn và bước hoàn thành thủ tục hành chính, chi phí về thời gian tập trung nhiều nhất tại giai đoạn chuẩn bị hồ sơ và đòi hỏi cần được cải cách mạnh mẽ nhất. Trọng tâm của các hoạt động cải cách thủ tục hành chính tại các cơ quan thực thi TTHC được điều tra trong thời gian tới là công đoạn này.

Đối với công tác quản trị địa phương: APCI 2017 chỉ ra sự cấp thiết phải cải cách ở các địa phương thuộc hai vùng KTTĐ – ĐBSCL và Miền Trung, là nơi đang có CPTT ở mức cao so với các địa phương ở vùng KTTĐ – Phía Nam và Phía Bắc. Trong bối cảnh các địa phương đều nỗ lực cải cách để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và tận dụng tối đa những lợi thế cạnh tranh của mình để thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế địa phương, các địa phương cần cải cách phải nỗ lực nhiều hơn nữa để không bị tụt hậu. Các địa phương cần tận dụng kết quả APCI 2017 để tập trung cải cách các thủ tục có thể mang lại tác động ngay và trực tiếp cho doanh nghiệp. Từ năm 2018, APCI sẽ thực hiện so sánh mức độ cải cách mà các địa phương đã thực hiện trong năm qua cho các nhóm thủ tục mà APCI 2017 đã điều tra. Những so sánh đó sẽ giúp lãnh đạo địa phương xem xét được mức độ cải cách của địa phương mình và dư địa cải cách để địa phương tận dụng tối đa.

Đối với việc nâng cao trách nhiệm người đứng đầu: Sự thành công của cải cách TTHC phụ thuộc vào ý chí chính trị và kiên định trong thực hiện cải cách của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước. Hiệu ứng về cải cách sẽ dễ dàng được lan tỏa khắp địa phương hoặc cơ quan khi người lãnh đạo nêu rõ định hướng về cải cách của mình. Dựa trên kết quả APCI 2017, lãnh đạo ở mỗi ngành, địa phương có thể cân nhắc những ưu tiên cải cách và những giải pháp cải cách phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành và địa phương, và xây dựng kế hoạch hành động để triển khai triệt để. Kết quả APCI 2017 và những năm sau nữa sẽ giúp ghi nhận hiệu quả của những giải pháp cải cách ở các ngành và địa phương.

Đối với công tác phát triển cán bộ: APCI 2017 cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ, năng lực và thái độ làm việc của cán bộ trực tiếp thực hiện TTHC. Những hướng dẫn ban đầu của các cán bộ thực hiện TTHC hoặc tư vấn về việc thực hiện TTHC sẽ góp phần quyết định cách thức thực hiện TTHC của người dân, doanh nghiệp và niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào bộ máy nhà nước. Do vậy, trọng tâm trong thời gian tới cần hướng tới việc giải quyết những vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ công chức ở cấp thực hiện TTHC. Những giải pháp thực hiện sẽ hướng đến việc công chức phục vụ doanh nghiệp tốt hơn thông qua bồi dưỡng kiến thức ngành, cập nhật quy định chính sách mới thay đổi, qui tắc ứng xử, và kỹ năng truyền đạt thông tin và thái độ tiếp dân...

Đối với công tác gắn kết doanh nghiệp vào công cuộc hoàn thiện thể chế, phát triển đất nước*:* Sự thành công và hiệu quả của cải cách TTHC, trong đó có việc cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, cần có sự tham gia đông đảo của cộng đồng doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động lớn nhất của TTHC. Đại diện của các doanh nghiệp như các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, diễn đàn và phòng thương mại cũng cần tích cực tham gia vào quá trình cải cách TTHC thông qua việc góp ý, phản hồi cũng như đánh giá và giám sát chất lượng cải cách TTHC. Sự tham gia của nhiều đối tượng sẽ góp phần hiến kế và giám sát, nâng cao hiệu quả của các nỗ lực cải cách TTHC tại cấp Trung ương và địa phương. Ở Việt Nam, những sáng kiến đo lường sự hài lòng về chất lượng TTHC của ngành Hải quan và Thuế được Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thuế chủ động phối hợp với VCCI thực hiện là minh chứng cho sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp vào tiến trình cải cách của hai ngành này. Trong những ngành

khác, những sáng kiến tương tự có thể được cân nhắc và thực hiện. Cần lưu ý rằng những góp ý của doanh nghiệp thông qua kết quả của những sáng kiến điều tra đó cần được sử dụng như một cơ sở đo lường cải cách của ngành đó theo thời gian.

1.7. Kết luận

Khảo sát APCI 2017 cho thấy bức tranh thực tế về CPTT của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC ở nhiều lĩnh vực. Sự khác nhau về mức độ CPTT của từng nhóm TTHC cũng cho thấy những khác biệt về trọng tâm điều hành, chỉ đạo của Chính phủ tại từng nhóm TTHC. Sự khác biệt về CPTT không chỉ bắt nguồn từ việc điều hành ở cấp trung ương mà còn phản ánh rất lớn về năng lực quản trị, điều hành giữa các địa phương đối với cùng một nhóm thủ tục. Kết quả của APCI 2017 khá gần với kết quả của một số chỉ số thành phần của chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hay chỉ số Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới.

APCI 2017 cung cấp dữ liệu thực chứng với phương pháp đo lường cụ thể về hành vi nhằm xác định rõ lý do gây nên gánh nặng thực thi TTHC của doanh nghiệp nói riêng và người dân nói chung. Do vậy, APCI 2017 đã cho thấy để có thể cắt giảm được gánh nặng này thì cần phải có những quyết tâm, hành động cụ thể của chính quyền trung ương, địa phương, năng lực và đạo đức công vụ của cán bộ nhà nước, cụ thể ở một số khía cạnh như:

- APCI 2017 cũng ghi nhận rằng để giải quyết gốc rễ vấn đề về cải cách thủ tục hành chính, việc **cải cách thể chế ở cấp Trung ương** là hết sức cần thiết. Nói cách khác, về lâu dài, các vấn đề khó khăn, bất cập về thủ tục hành chính xuất phát từ bất cập của quy định pháp luật phải được giải quyết một cách đồng bộ và có hệ thống trên phạm vi cả nước bởi cơ quan Trung ương. APCI 2017 đã cho thấy những nhóm TTHC có CPTT thấp thường là những nhóm có quy định rõ ràng, cụ thể dễ hiểu cho những người thực thi, bao gồm cán bộ nhà nước và doanh nghiệp. Kết quả APCI đưa ra kiến nghị về việc rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật trong các lĩnh vực Xây dựng, Môi trường, Đầu tư và Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh để có thể đơn giản hoá các TTHC cũng như tăng cường năng lực thực hiện công tác hậu kiểm của các cơ quan nhà nước.

- APCI 2017 ghi nhận tác động tích cực trong việc áp dụng phương thức **Chính phủ điện tử thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin** trong dịch vụ hành chính công ở các cơ quan thực hiện TTHC. Kết quả ACPI 2017 đã cho thấy ba nhóm TTHC có CPTT thấp cũng nhờ vào việc ứng dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức cao. Kết quả này càng khẳng định việc các bộ ngành tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước là một biện pháp cải cách hiệu quả phù hợp với định hướng thúc đẩy chính phủ điện tử của Chính phủ khi cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra. Áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính công không chỉ làm thay đổi mối quan hệ giữa Chính phủ với người dân mà còn là "công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới và bảo vệ Tổ quốc; là động lực quan trọng phát triển kinh tế tri thức, xã hội thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế; góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững đất nước".

- APCI 2017 cho thấy **chính quyền địa phương** có vai trò quan trọng trong việc đưa chính sách và quy định pháp luật vào cuộc sống. Sự khác biệt về mức CPTT giữa các

địa phương, vùng miền là một minh chứng về quyết tâm, sự năng động và sáng tạo trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân đã giảm đi gánh nặng trong việc thực thi chính sách và pháp luật. Những yếu tố này được đánh giá trong chỉ số thành phần Chi phí thời gian mà doanh nghiệp cần bỏ ra để thực hiện thủ tục hành chính.

- ACPI 2017 cũng xác định **yếu tố con người**, cụ thể là năng lực và đạo đức công vụ của cán bộ nhà nước là rất quan trọng trong việc giảm gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí thời gian. Yếu tố cán bộ được thể hiện xuyên suốt từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Năng lực và đạo đức của cán bộ trung ương được thể hiện thông qua chất lượng xây dựng các chính sách, quy định pháp luật tốt, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời. Năng lực và đạo đức cán bộ ở địa phương được biểu hiện bằng những công việc hướng dẫn, xử lý TTHC cho doanh nghiệp một cách cụ thể, nhanh chóng. Những khác biệt CPTT của các ngành, lĩnh vực và địa phương là những gợi ý tốt cho công tác xây dựng và phát triển năng lực và đạo đức cán bộ của từng ngành, từng địa phương.

Dữ liệu của APCI 2017 là kết quả đo lường dựa trên trải nghiệm của doanh nghiệp đối với tính hợp lý của quy định pháp luật, thực tiễn thi hành và chất lượng thực thi thủ tục hành chính. APCI 2017 sẽ bổ sung cho các chỉ số hiện có đánh giá về môi trường kinh doanh, quản trị hành chính công của Việt Nam. APCI 2017 là dữ liệu cơ sở ban đầu cho việc đánh giá hiệu quả của các nỗ lực cải cách theo từng nhóm TTHC và theo vùng miền, địa phương trong các năm tiếp theo. Nghiên cứu này thực sự cần thiết để giúp cho các hoạt động xây dựng, theo dõi chính sách, pháp luật và quản trị công từ trung ương tới địa phương được tốt hơn.

2. HỒ SƠ CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

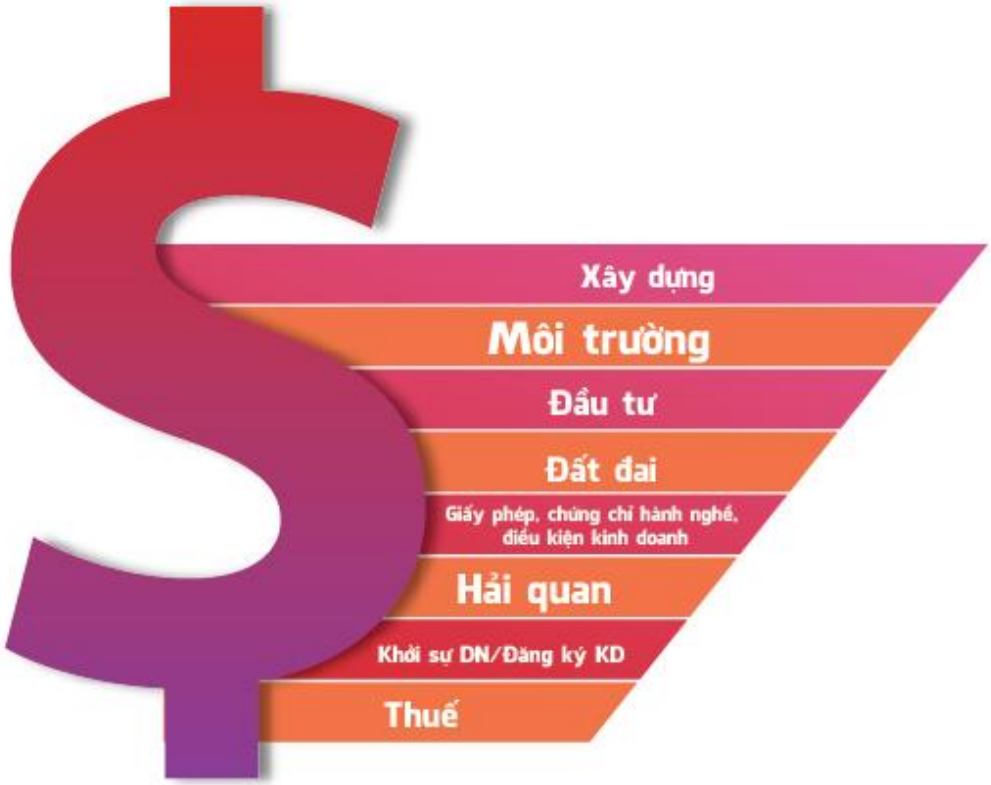

2.1. Nhóm TTHC liên quan đến Thuế

Thứ hạng về CPTT	0,07 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
1	2,9 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	68% Tổng thời gian	Dành cho Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ
23/100	100% Tổng chi phí	Là chi phí thời gian

2.1.1. Thứ hạng trong 8 nhóm TTHC

Nhóm TTHC Thuế là nhóm TTHC có thứ hạng cao nhất trong 8 nhóm TTHC được khảo sát. Kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy CPTT trung bình của TTHC Thuế thấp nhất (khoảng 73,7 nghìn đồng) và chỉ tương đương với 0,58% CPTT trung bình của 8 nhóm TTHC được khảo sát (khoảng 12,7 triệu đồng) và tương đương với 0,1% CPTT trung bình của nhóm có CPTT cao nhất là nhóm TTHC Xây dựng (khoảng 64,1 triệu đồng) (xem Hình 1).

Khoảng cách khác biệt giữa nhóm TTHC Thuế với các nhóm thủ tục khác là nhờ vào những chỉ đạo của Chính phủ và nỗ lực của ngành thuế trong việc hiện đại hoá ngành thuế cũng như cải cách TTHC để việc khai thuế và nộp thuế có thể thực hiện qua mạng thay vì phải thực hiện bằng phương pháp thủ công truyền thống. Ngành thuế đã và đang hợp tác với các doanh nghiệp để mở rộng khả năng thực hiện TTHC Thuế bằng nhiều giải pháp phần mềm và tại nhiều địa phương trên cả nước.

2.1.2. Sự khác biệt ở các địa phương

CPTT thực hiện TTHC Thuế ở nhiều địa phương vẫn có những khác biệt. Mức trung bình của cả nước về thời gian thực hiện TTHC Thuế là 2,9 giờ và CPTT trung bình cả nước là 73,7 nghìn đồng đối với trường hợp doanh nghiệp tự thực hiện. Vùng KTTĐ ĐBSCL là nơi đắt đỏ nhất trong việc thực hiện các TTHC thuế (274,6 nghìn đồng, gấp 3,7 lần so với trung bình cả nước). CPTT ở vùng KTTĐ phía Nam và ở vùng KTTĐ Bắc bộ không có sự khác biệt đáng kể (78,8 nghìn đồng so với 65,7 nghìn đồng). Địa phương có CPTT cao nhất là do thời gian thực hiện TTHC Thuế bình quân khá cao (11,3 giờ, tương đương với 286,2 nghìn đồng). Địa phương có CPTT cao nhất gấp khoảng 4 lần mức CPTT trung bình cả nước, gấp gần 15 lần so với địa phương có thực tiễn tốt nhất về CPTT trong lĩnh vực này.

Hình 7: Chi phí tuân thủ trung bình của một TTHC nhóm Thuế theo vùng KTTĐ và địa phương

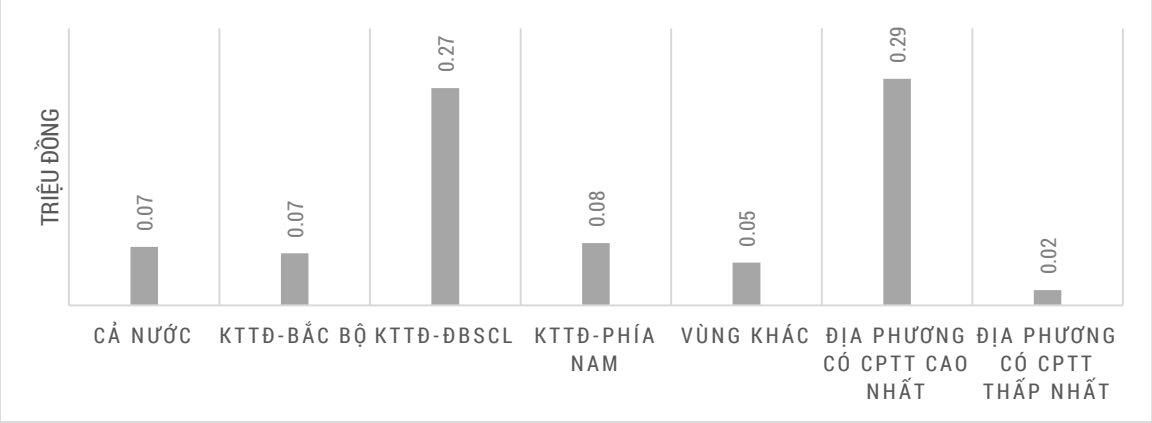

2.1.3. Các chỉ số thành phần

CPTT của nhóm TTHC Thuế chủ yếu là các chi phí về thời gian. Chi phí trực tiếp của TTHC Thuế được các doanh nghiệp đánh giá là không có hoặc không đáng kể nhờ việc thực hiện TTHC thực hiện trực tuyến qua mạng internet. Do đó, khi cải cách TTHC Thuế, việc cải cách sẽ chủ yếu tập trung vào cải thiện thời gian thực hiện TTHC, mà cụ thể là các bước thực hiện hồ sơ mà doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều thời gian nhất.

Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện TTHC Thuế trung bình là 2,9 giờ chỉ bằng 1,3% thời gian thực hiện TTHC Môi trường (218,4 giờ) và bằng 4,6% thời gian trung bình của các TTHC trong các lĩnh vực (63,3 giờ) (xem Hình 5).

Trong TTHC Thuế, bước Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ là 2 bước chiếm nhiều thời gian nhất trong 5 bước thực hiện TTHC Thuế trên cả nước (xem Hình 8).

Hình 8: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện một TTHC nhóm Thuế

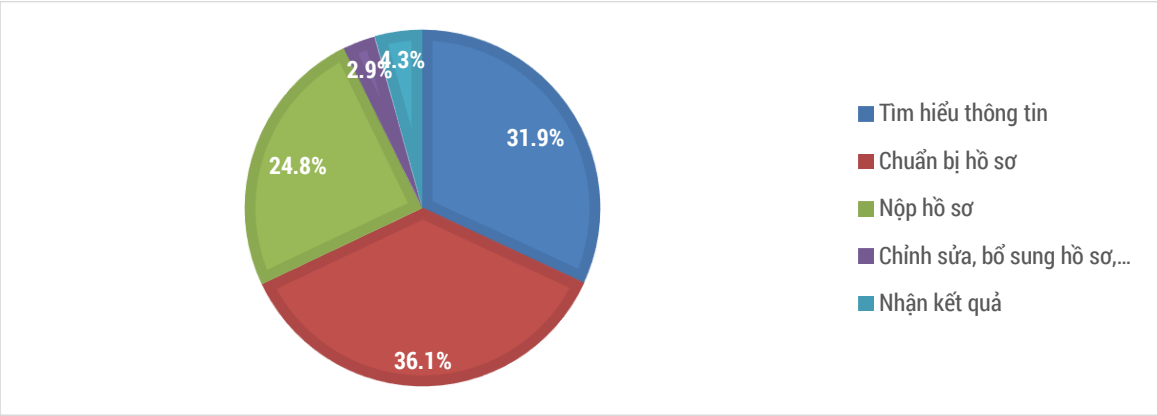

Địa phương có thực tiễn tốt nhất về CPTT thực hiện TTHC Thuế là nhờ thời gian tại bước Tìm hiểu thông tin ngắn nhất (xem Hình 9). Thời gian thực hiện các TTHC Thuế tại địa phương này chỉ bằng 28% thời gian trung bình của cả nước trong lĩnh vực này. Riêng đối với thời gian của bước Tìm hiểu thông tin chỉ bằng 1/3 so với thời gian trung bình của cả nước. Các doanh nghiệp ở tỉnh có CPTT cao nhất thì có thời gian tìm hiểu thông tin rất cao, chiếm đến 8,6 giờ - gấp hơn 28 lần so với thời gian của bước này tại tỉnh có CPTT thấp nhất. So với tỉnh có CPTT thấp nhất, các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-ĐBSCL có thời gian thực hiện TTHC Thuế gấp 14,3 lần; trong khi đó các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ gấp hơn 3 lần, và các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Nam Bộ gấp gần 4 lần.

Hộp 1: Lý do địa phương có CPTT thấp nhất

Tỉnh có thực tiễn tốt nhất về CPTT của TTHC Thuế là nhờ người trả lời phỏng vấn (người thực hiện TTHC) phần lớn là những kế toán có kinh nghiệm, hiểu biết về TTHC nên không mất nhiều thời gian cho việc tìm hiểu thông tin về TTHC. Đặc biệt, trong trường hợp gặp lỗi Java hoặc lỗi phần mềm, những kế toán này đều có thể khắc phục lỗi trong thời gian ngắn.

Hình 9: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Thuế theo vùng KTTĐ và địa phương

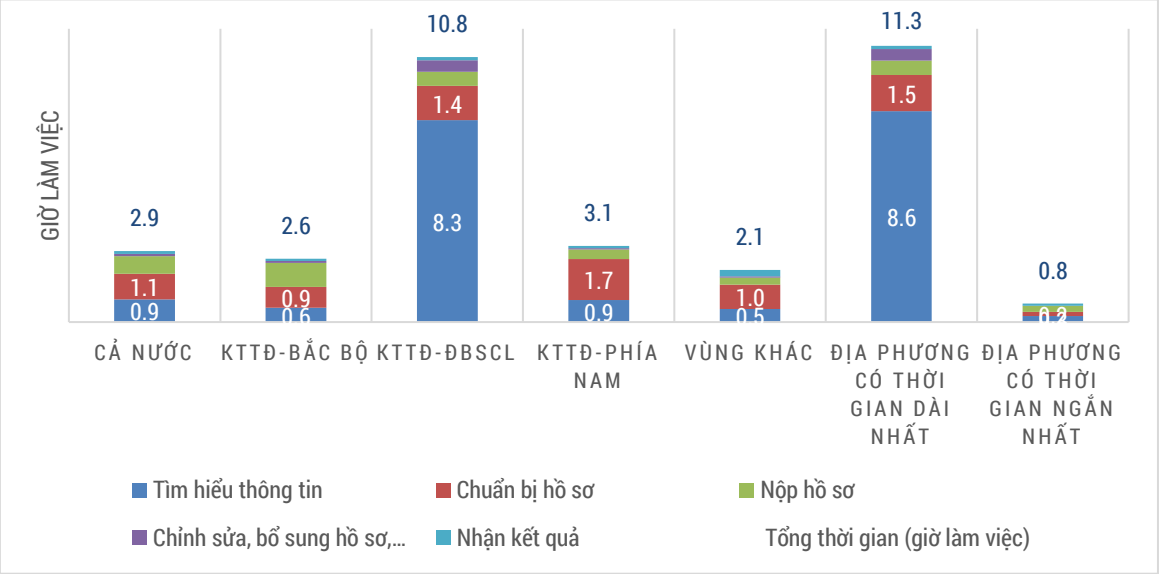

Thực tế, TTHC Thuế là thủ tục mang tính lặp lại thường xuyên và quy định pháp luật về TTHC không tạo ra sự thay đổi toàn diện trong nhiều năm qua. Trong giai đoạn gần đây, phương thức nộp hồ sơ thuế được chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến qua mạng Internet. Cho nên, CPTT sẽ giảm nếu người thực hiện hiểu rõ về cách thực hiện TTHC trực tuyến. Kinh nghiệm từ tỉnh có thực tiễn tốt nhất cũng đã minh chứng cho nhận định này.

Các doanh nghiệp phản ánh rằng thời gian thực hiện nộp hồ sơ thuế qua mạng Internet tuy ngắn nhưng nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc kết nối vào cơ sở dữ liệu của ngành thuế (xem Hộp 2). Việc không thể kết nối để nộp thuế ngay dẫn đến thực trạng rằng doanh nghiệp bị mất nhiều thời gian thực hiện TTHC hơn. Nhiều trường hợp do những sự cố phần mềm thuế mà các doanh nghiệp không thể nộp được các tờ khai thuế trực tuyến. Điều này đã khiến cho doanh nghiệp luôn có tâm lý lo âu về việc vi phạm nghĩa vụ nộp tờ khai thuế và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Các doanh nghiệp mong muốn những lỗi kỹ thuật này sớm được ngành thuế khắc phục.

Hộp 2: Những vấn đề thường gặp/câu chuyện điển hình khi thực hiện TTHC Thuế

Phần lớn người trả lời khảo sát về thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ đều gặp lỗi Java hoặc lỗi phần mềm khiến cho việc nộp hồ sơ mất thời gian, đặc biệt vào những ngày gần cuối hạn nộp hồ sơ. Hầu hết người trả lời khuyến nghị Tổng cục Thuế nên nâng cấp phần mềm khai thuế để việc thực hiện thủ tục được nhanh gọn và hiệu quả hơn.

Hai bước Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ vẫn là các bước chiếm nhiều thời gian nhất trong 5 bước thực hiện TTHC đối với bất kỳ quy mô doanh nghiệp nào (xem Hình 10). Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ phải chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với các doanh nghiệp có quy mô lớn do tỷ trọng giữa CPTT và thu nhập của nhóm doanh nghiệp này cao hơn.

Hình 10: Tỷ lệ thời gian thực hiện của từng bước theo quy mô doanh nghiệp

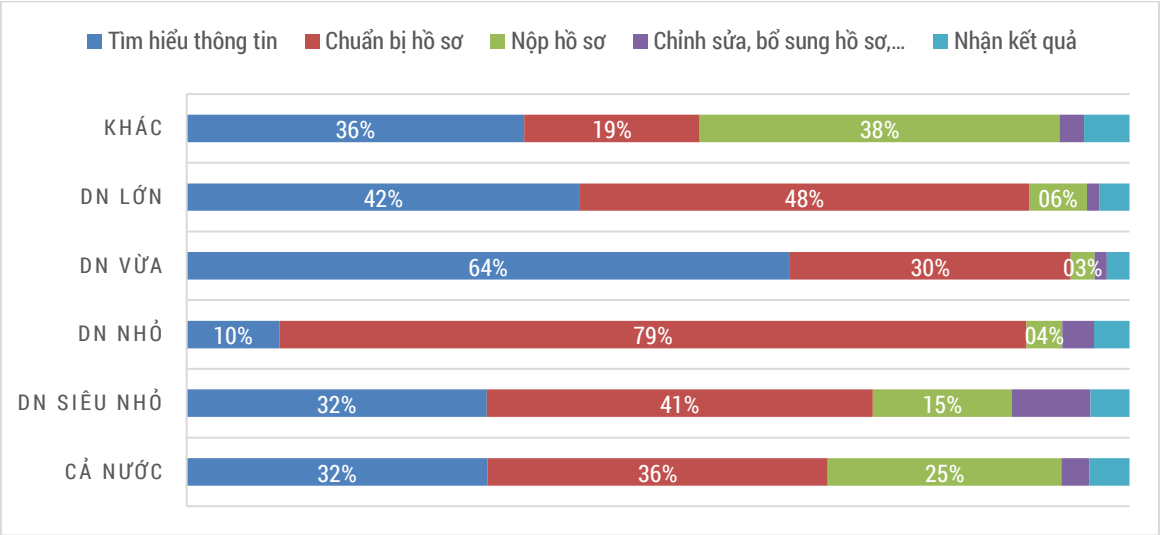

Chi phí trực tiếp

Như đã phân tích ở trên, chi phí trực tiếp của TTHC Thuế được các doanh nghiệp đánh giá là không có hoặc không đáng kể nhờ việc thực hiện TTHC thực hiện trực tuyến qua mạng internet.

2.1.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Mặc dù các TTHC Thuế có CPTT thấp nhất trong 8 nhóm TTHC được khảo sát nhưng kết quả nghiên cứu cũng phản ảnh thực tế là các doanh nghiệp vẫn còn mất khá nhiều thời gian trong việc tìm hiểu thông tin và chuẩn bị hồ sơ. Kết quả này phù hợp với đánh giá của Chỉ số cải

cách hành chính (PAR INDEX) 2017. Chỉ số cải cách hành chính 2017 đã không cho điểm đối với các tiêu chí "Công bố, công khai TTHC" nhưng đã chấm điểm cao đối với Thứ hạng Chỉ số thành phần Hiện đại hóa hành chính và Cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan[23].

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới tại Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) về chỉ số Nộp thuế (Paying tax), Việt Nam đã có nhiều cải thiện trong thời gian gần đây. Bên cạnh những cải thiện về thuế suất áp cho các doanh nghiệp, Việt Nam đã cải thiện thủ tục khai thuế GTGT, đơn giản hoá các thủ tục nộp thuế. Những nỗ lực này đã giúp cho Việt Nam cải thiện được chỉ số Nộp thuế trong những năm gần đây so với các nền kinh tế khác[24].

Kết quả CPTT của TTHC Thuế tốt như đã nêu là nhờ vào các hoạt động hiện đại hoá ngành thuế thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế. Đồng thời, kể từ năm 2011, ngành thuế đã có một chiến lược cải cách hệ thống thuế cho 10 năm (2011-2020) khá cụ thể và được Thủ tướng phê duyệt[25] cùng với các chỉ đạo kiên quyết, rõ ràng của Chính phủ đối với việc cải cách TTHC Thuế như 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng, xử lý hồ sơ trực tuyến tại mức độ 4 (Nghị quyết 19/NQ-CP, Quyết định 1819/QĐ-TTg, Quyết định 225/QĐ-TTg,…). Bên cạnh đó, ngành thuế cũng là một trong những ngành sớm chủ động thực hiện đánh giá mức động hài lòng của doanh nghiệp đối với cải cách TTHC để nắm bắt được những khó khăn, thách thức của TTHC Thuế đối với hoạt động doanh nghiệp[26].

Mặc dù TTHC Thuế có kết quả tốt nhưng qua phân tích về CPTT thì dư địa cải cách TTHC vẫn còn, cụ thể như:

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện TTHC Thuế, bao gồm cả việc hướng dẫn sử dụng và tư vấn xử lý tình huống khi thực hiện TTHC trực tuyến để có thể giảm được thời gian tại các bước Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ;

- Cần tiếp tục hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc thực hiện TTHC trực tuyến qua mạng Internet được nhanh chóng, thông suốt, từ đó cắt giảm được thời gian trong bước Nộp hồ sơ và Nhận kết quả.

---

[23] Bộ Nội Vụ, Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính 2017

[24] Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh 2017 (Vietnam), trang 77; Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 (Vietnam), trang 46-50.

[25] Quyết định 732/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 – 2020.

[26] VCCI, Doanh nghiệp ghi nhận lợi ích của hệ thống thuế điện tử, http://vcci.com.vn/doanh-nghiep-ghi-nhan-loi-ich-cua-he-thong-thue-dien-tu

2.2. Nhóm TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh

Thứ hạng về CPTT	0,7 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
2	10,4 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	45% tổng thời gian	Dành cho Chuẩn bị hồ sơ
24/100	62% tổng chi phí	Là những chi phí trực tiếp

2.2.1. Thứ hạng trong 8 nhóm TTHC

Các TTHC Khởi sự doanh nghiệp là nhóm TTHC đứng thứ hai trong 8 nhóm TTHC – xếp sau nhóm TTHC Thuế. Kết quả khảo sát các doanh nghiệp cho thấy CPTT trung bình của TTHC Khởi sự doanh nghiệp là khoảng 718 nghìn đồng, thấp thứ 2 sau nhóm TTHC Thuế. Mức CPTT trung bình này tương đương với 5,7% CPTT trung bình của 8 nhóm TTHC được khảo sát (khoảng 12,7 triệu đồng) (xem Hình 1)

Cải cách TTHC Khởi sự doanh nghiệp được Chính phủ chỉ đạo trong những năm vừa qua nhằm tạo điều kiện thông thoáng cho việc gia nhập thị trường của các doanh nghiệp. Hiện tại các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục như: (i) đăng ký thành lập doanh nghiệp, (ii) đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp, (iii) chuyển đổi công ty…[27] đều có thể thực hiện trực tuyến. Những cải cách này đã đem lại kết quả đáng khích lệ như số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường ngày càng gia tăng[28]. Tuy nhiên, doanh nghiệp thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp còn đặt ra nhiều băn khoăn liên quan đến quy trình thực hiện thủ tục – những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến CPTT và chi phí trực tiếp của nhóm thủ tục này. Những nội dung phân tích chi tiết sẽ được làm rõ như dưới đây.

---

[27] Số lượng bảng hỏi khảo sát các TTHC thuộc nhóm khởi sự doanh nghiệp được khảo sát bao gồm: thủ tục Đăng ký thành lập doanh nghiệp (130 bảng hỏi), thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (270 bảng hỏi), thủ tục chuyển đổi công ty (57 bảng hỏi), thủ tục Đề nghị sử dụng hóa đơn tự in, đặt in (34 bảng hỏi), thủ tục Khai thuế nộp thuế môn bài lần đầu (39 bảng hỏi)

[28] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp, http://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx

2.2.2. Sự khác biệt ở các địa phương

CPTT thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp không có sự khác biệt quá lớn ở các địa phương (xem Hình 11). Mức thời gian trung bình của cả nước khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực này là 10,4 giờ và CPTT trung bình cả nước là khoảng 718 nghìn đồng. Chi phí thực hiện TTHC này ở vùng KTTĐ ĐBSCL thấp hơn bằng 93% chi phí trung bình của cả nước. CPTT ở vùng KTTĐ Bắc bộ là 693,1 nghìn đồng và CPTT ở Vùng KTTĐ phía Nam là 859,1 nghìn đồng.

Địa phương có thời gian thực hiện TTHC cao nhất là 17,8 giờ nhưng địa phương này không phải là nơi có CPTT cao nhất (879,2 nghìn đồng). Đối với địa phương có CPTT cao nhất nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh, mức CPTT cao gấp khoảng 11 lần CPTT trung bình của địa phương có thực tiễn tốt nhất về CPTT (81,9 nghìn đồng).

Hộp 3: Địa phương có thời gian thực hiện TTHC cao nhất (Hà Nội)

Đối với địa phương có thời gian thực hiện TTHC cao nhất là do yêu cầu về hồ sơ sau khi đã nộp trực tuyến thì phải nộp bổ sung bản cứng/bản giấy khiến cho doanh nghiệp không chỉ mất thời gian scan hồ sơ (để nộp trực tuyến) mà còn mất thêm thời gian in ấn (để nộp bản giấy trực tiếp). Có doanh nghiệp phản ánh lại rằng họ đã mất nhiều thời gian để hiểu và điền chính xác các nội dung trong biểu mẫu cũng như thời gian đi lại để thu thập đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu của CQNN. Mặc dù chấp thuận cho việc nộp hồ sơ trực tuyến nhưng các thông tin yêu cầu về thời gian lại không được rõ ràng, dễ hiểu. Điều này dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bởi vì không nhận được yêu cầu rõ ràng từ CQNN ngay từ đầu.

Hình 11: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh theo vùng KTTĐ và địa phương

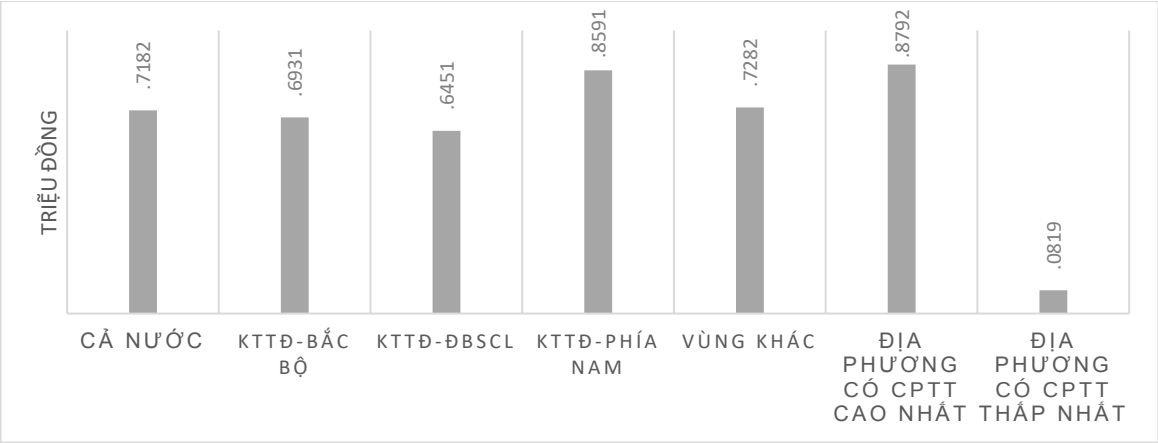

2.2.3. Các chỉ số thành phần

Khác với cơ cấu CPTT của TTHC Thuế, chi phí trực tiếp của TTHC Khởi sự doanh nghiệp chiếm hơn 1/3 tổng số CPTT mà doanh nghiệp phải bỏ ra. Chi phí về thời gian cũng chiếm tỷ trọng cao hơn – gần gấp đôi tỷ trọng của chi phí trực tiếp CPTT của nhóm thủ tục này (xem Hình 12). Để có thể cải cách các TTHC Khởi sự doanh nghiệp, cần có các chiến lược cải thiện cả về thời gian thực hiện TTHC lẫn chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện TTHC.

Hình 12: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh

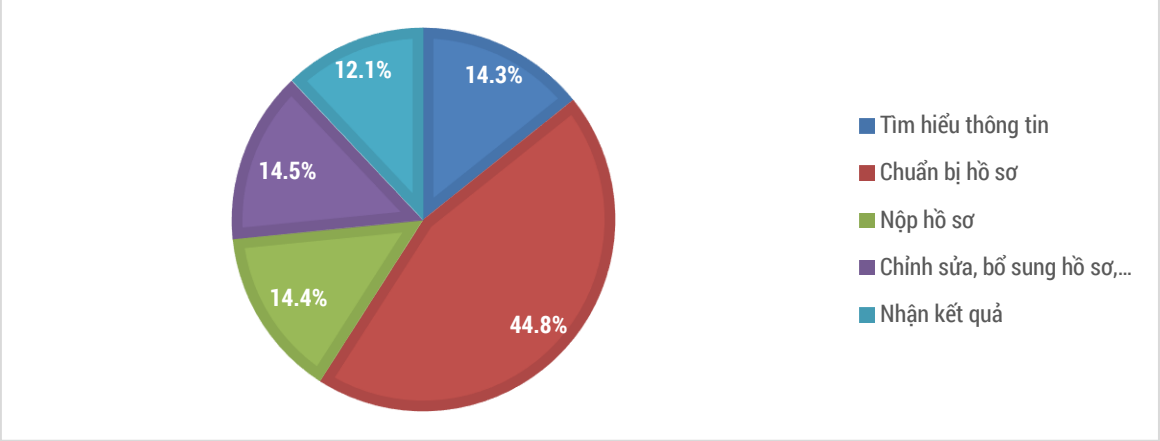

Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp đứng thứ hai trong 8 nhóm TTHC. Cụ thể, thời gian thực hiện của thủ tục này trung bình là 10,4 giờ bằng 4,8% thời gian thực hiện TTHC Môi trường (218,4 giờ) và bằng khoảng 16,4% thời gian trung bình để thực hiện các TTHC trong 8 lĩnh vực (63,3 giờ) (xem Hình 5)

Tại một số địa phương, doanh nghiệp phản ánh việc nộp hồ sơ trực tuyến thường xuyên gặp tình trạng quá tải của hệ thống hoặc giao diện khó thao tác. Bên cạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến thì doanh nghiệp vẫn phải nộp hồ sơ bản cứng/ bản giấy (xem Hộp 4). Yêu cầu này đã làm cho CPTT thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp của các địa phương đó cao lên.

Kết quả trên Hình 13 cho thấy thời gian thực hiện TTHC trung bình của cả nước mới chỉ đạt gần 30% điểm số của địa phương có thực tiễn tốt nhất về thời gian thực hiện TTHC. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ ĐBSCL có khoảng cách tới điểm tốt nhất là gần nhất cũng mới chỉ đạt được 37% quãng đường cải cách (xem Hình 13).

Hình 13: Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

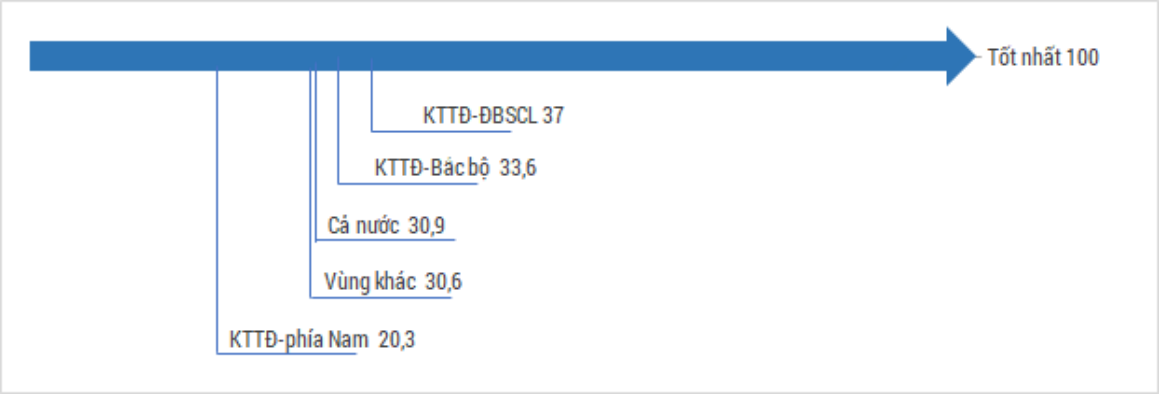

Bước Chuẩn bị hồ sơ và bước Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ là hai bước chiếm nhiều thời gian nhất trong 5 bước thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp trên cả nước (xem Hình 14). Địa phương có thực tiễn tốt nhất là địa phương có thời gian thực hiện các bước Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ ngắn nhất (xem Hình 14). Thời gian thực hiện TTHC Khởi sự doanh

nghiệp ở địa phương có thực tiễn tốt nhất chỉ xấp xỉ 30,1% thời gian trung bình thực hiện TTHC này của cả nước. Riêng đối với thời gian Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ ở địa phương tốt nhất thì chỉ bằng 1/15 so với thời gian trung bình của cả nước. Ngược lại, tại địa phương có thời gian thực hiện TTHC dài nhất, các doanh nghiệp chủ yếu mất thời gian ở bước Tìm hiểu thông tin, cụ thể mức thời gian này chiếm đến 2,4 giờ - gấp 4 lần so với thời gian được thực hiện tại địa phương có thực tiễn tốt nhất.

Hình 14: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp theo vùng KTTĐ và địa phương

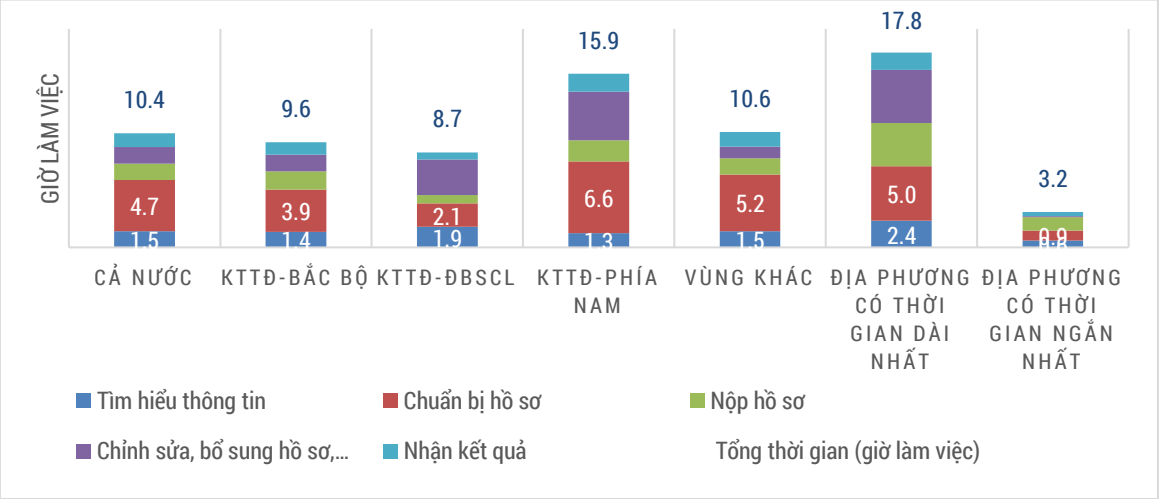

Chi phí trực tiếp

Tương tự như chi phí về thời gian, chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp đứng thứ hai trong 8 nhóm TTHC. Chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện TTHC là 442,7 nghìn đồng, xấp xỉ 4,4% chi phí trực tiếp bình quân của cả 8 nhóm TTHC (khoảng 10 triệu đồng). Chi phí trực tiếp khi thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp bao gồm lệ phí nộp hồ sơ và phí công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp (tổng cộng là 500 nghìn đồng) và một số chi phí in ấn hồ sơ, tài liệu. Địa phương có chi phí trực tiếp cao nhất là địa phương có một số doanh nghiệp mạnh dạn công khai các chi phí không chính thức để có thể nhận được kết quả TTHC. Nếu không có chi phí không chính thức, chi phí trực tiếp trong việc thực hiện TTHC Khởi sự doanh nghiệp chỉ bằng mức phí/ lệ phí theo quy định của pháp luật và không có sự khác biệt nhiều giữa các vùng miền (xem Hình 15).

Hộp 4: Nhận hồ sơ trực tiếp làm gia tăng chi phí trực tiếp

Ở địa phương có CPTT cao nhất, CPTT mà doanh nghiệp phải bỏ ra là tổng hòa của chi phí thời gian thực hiện TTHC cao và chi phí trực tiếp cao. Doanh nghiệp tại địa phương này phản ánh rằng đa phần doanh nghiệp phải chấp nhận chi trả chi phí không chính thức để có thể nhận được Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp và các loại kết quả TTHC khác. Trong quá trình khảo sát, doanh nghiệp tại địa phương này cũng nhận định rằng phương thức nộp hồ sơ trực tuyến đã được triển khai, tuy nhiên doanh nghiệp không lựa chọn thực hiện vì những yêu cầu thủ tục phức tạp. Ngoài ra, kết quả khảo sát tại một địa phương khác cho thấy, doanh nghiệp rất hài lòng và đánh giá cao sự linh hoạt của cơ quan quản lý nhà nước khi tạo điều kiện cho doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến mà không phải nộp lại hồ sơ bản cứng/ bản giấy.

Hình 15: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp theo vùng KTTĐ và địa phương

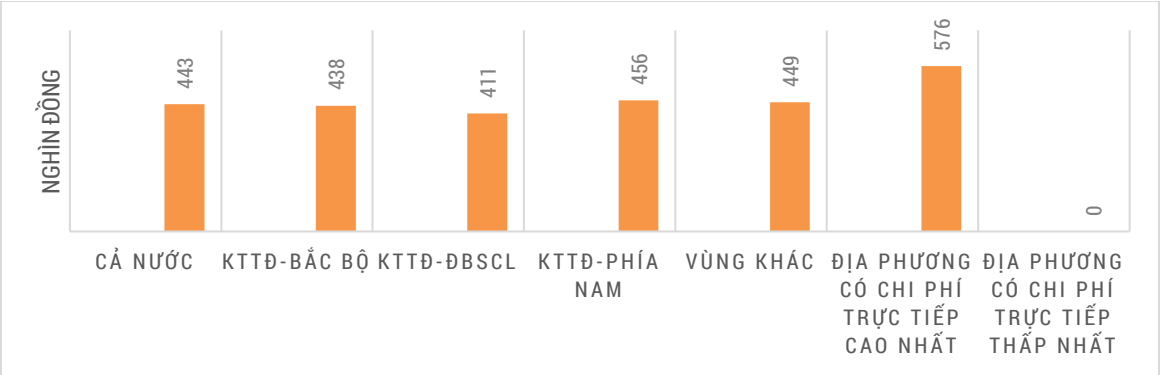

2.2.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Việc cải cách TTHC Khởi sự doanh nghiệp có những điểm tương đồng với cải cách TTHC Thuế. Yêu cầu cải cách đã được Chính phủ chỉ đạo trong nhiều năm qua như: Nghị quyết 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử; Nghị quyết 01/NQ-CP/2016 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Nghị quyết 19/2017 và Nghị quyết 19/2018 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia… Những quyết tâm này của Chính phủ đã giúp cho doanh nghiệp tin tưởng hơn để gia nhập thị trường, dẫn đến số lượng doanh nghiệp thành lập ngày một gia tăng[29].

Tuy nhiên, những cải cách của Việt Nam về khởi sự doanh nghiệp vẫn đòi hỏi phải được thực hiện triệt để và mạnh mẽ hơn nữa để có thể thu hút đầu tư và cạnh tranh với các quốc gia khác. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới năm 2017 và 2018, Việt Nam vẫn chỉ đứng ở thứ hạng dưới trung bình về chỉ số Khởi sự doanh nghiệp, thậm chí đang dần tụt hạng[30].

Từ kết quả khảo sát CPTT của TTHC Khởi sự doanh nghiệp, nhận thấy rằng việc cải cách TTHC nhóm này cần tiếp tục được đẩy mạnh thông qua những hoạt động sau:

- Áp dụng thực hiện TTHC trực tuyến trên khắp cả nước;
- Công khai và cập nhật các thông tin, yêu cầu về thành phần hồ sơ, thông tin trong hồ sơ và quy trình thực hiện TTHC trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;
- Loại bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải nộp hồ sơ giấy cùng với hồ sơ bằng dữ liệu sao chụp điện tử (scan). Đầu tư mạnh mẽ cho TTHC trực tuyến không chỉ giảm các chi phí về thời gian và chi phí trực tiếp, mà còn hạn chế tham nhũng và khuyến khích được người dân tham gia khởi nghiệp.

---

[29] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp, http://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx

[30] Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Việt Nam) 2017, trang 19-25; Báo cáo Môi trường kinh doanh (Việt Nam) 2018, trang 05-11.

2.3. Nhóm TTHC liên quan đến Hải quan

Thứ hạng về CPTT	3,5 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
3	12,1 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	40% tổng thời gian	Dành cho **Nộp hồ sơ**
7/100	91% tổng chi phí	Là những **chi phí trực tiếp**

2.3.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

Nhóm TTHC Hải quan[31] nằm trong nhóm CPTT thấp (xếp hạng ba trên 8 nhóm TTHC), bằng 28% (3,53 triệu đồng) CPTT của cả 8 nhóm TTHC (xấp xỉ 12,7 triệu đồng). Chi phí trực tiếp là yếu tố quyết định CPTT của nhóm TTHC này (chiếm 91%), và chi phí thời gian chỉ chiếm một phần rất nhỏ là 9%. Kết quả về chi phí thời gian 12,1 giờ làm việc của doanh nghiệp để hoàn thành hồ sơ của TTHC Hải quan là tương đối thấp nhưng vẫn xếp sau hai TTHC Thuế và TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Kết quả này phần nào phản ánh những nỗ lực cải cách của ngành Hải quan khi thực hiện triển khai Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020[32], Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016- 2020[33] và việc ngành Hải quan thực hiện những chỉ đạo của Chính phủ theo loạt Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia các năm 2014-2017, và Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử ngày 14/10/2015. Bên cạnh việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển quốc tế, ngành Hải quan đã triển khai Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng hàng không quốc tế trên phạm vi cả nước theo Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 26/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến ngày 31/12/2017 đã có 54 hãng hàng không thực hiện việc gửi thông tin đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; 334 doanh nghiệp đăng ký tham gia; có 66.297 chuyến bay nhập cảnh, 73.813 chuyến bay xuất cảnh và 97 chuyến bay quá cảnh thực hiện các thủ tục liên quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia[34].

---

[31] Các thủ tục được khảo sát: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

[32] Quyết định số 448/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25/03/2011

[33] Quyết định số 1614/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 19/7/2016

[34] Năm 2017: Hơn 790.000 bộ hồ sơ xử lý qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/lvtc/hdhcntt/hdhcntt31/hdhcntt313356/hdhcntt_chitiet464330?dD

Với tinh thần cải cách và hiện đại hóa, từ ngày 01/3/2017, ngành Hải quan đã triển khai Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 cho 126/178 TTHC[35]. Theo đánh giá của Chính phủ, việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo Hệ thống thông quan tự động (VNACCS/VCIS) và Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển quốc tế đã giảm thời gian thông quan hàng hóa bình quân từ 21 ngày xuống còn 14 ngày đối với xuất khẩu, 13 ngày đối với nhập khẩu, giảm được 10 - 20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp.

Cùng với ngành Thuế, ngành Hải quan là ngành tích cực đưa hệ thống công nghệ thông tin vào áp dụng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngay khi Tổng cục Hải quan đưa hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS vào hoạt động vào năm 2014, ngành đã tự động hóa được 100% thủ tục hải quan và 100% cục Hải quan, chi cục Hải quan thực hiện thủ tục hải quan điện tử, với 99,65% doanh nghiệp tham gia. Tính đến 01/02/2018, trong tổng số 178 thủ tục hành chính của Tổng cục Hải quan, đã có 168/178 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 qua các hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan gồm: VNACCS/VCIS, Cổng thanh toán điện tử, Cơ chế một cửa quốc gia và Hệ thống dịch vụ công trực tuyến[36]. Để tạo thuận lợi thương mại, Tổng cục Hải quan đã triển khai Cơ chế một cửa quốc gia từ cuối năm 2014. Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối kỹ thuật thành công với 04 nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore) từ tháng 9/2015 và kết nối chính thức với 10 Bộ bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng từ tháng 08/2016.

Mặc dù hạ tầng kỹ thuật của ngành Hải quan đã được hiện đại hóa, dần bắt kịp với các nước trong khu vực, việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính của ngành vẫn còn một số bất cập. Ví dụ như khi sử dụng Cơ chế một cửa quốc gia, doanh nghiệp sau đó vẫn phải đến cơ quan hải quan để nộp hồ sơ giấy, biên lai nộp tiền và nhận kết quả. Nguyên tắc quản lý rủi ro, xếp loại doanh nghiệp nhập khẩu để được ưu tiên miễn/giảm kiểm dịch vẫn chưa được áp dụng trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi còn doanh nghiệp phản ánh chịu kiểm tra 100% các lô hàng nhập khẩu về không phân biệt xuất xứ và lịch sử chấp hành tốt của doanh nghiệp. Nếu phải thực hiện lấy mẫu kiểm tra, doanh nghiệp còn phải làm việc với cơ quan quản lý, kiểm tra chuyên ngành nhiều hơn một lần vì việc lấy mẫu kiểm tra được thực hiện nhiều lần.

---

ocName=MOFUCM119563&_afrLoop=9064621680387217#!%40%40%3F_afrLoop%3D9064621680387217%26dDocName%3DMOFUCM119563%26_adf.ctrl-state%3Dd225zm7fy_9

[35] Những dấu ấn qua công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/mthanhtra/r/m/pthtitoho/pthtitoho_chitiet?dDocName=MOFUCM119697&dID=61051&_afrLoop=9064128364527607#!%40%40%3F_afrLoop%3D9064128364527607%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DMOFUCM119697%26dID%3D61051%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dadv4peoyy_4

[36] Trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam, *Từ 01/2/2018, Tổng cục Hải quan triển khai thêm 42 TTHC trên Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến*, https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=26898&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt

Chính vì những lý do như vậy, CPTT của nhóm thủ tục Hải quan có chiều hướng cao hơn các nhóm thủ tục cũng đang hướng tới điện tử hóa như Thuế và Đăng ký kinh doanh.

2.3.2. Sự khác biệt ở các địa phương

Hình 16 so sánh CPTT của nhóm TTHC Hải quan giữa các vùng KTTĐ trên cả nước. CPTT của địa phương kém nhất vượt gấp 3,25 lần CPTT trung bình trên cả nước và gấp 38 lần CPTT của địa phương tốt nhất.

2.3.3. Các chỉ số thành phần

Hai chỉ số thành phần của chỉ số APCI của nhóm thủ tục Hải quan có tỷ trọng tương đối tương đồng với nhóm thủ tục Xây dựng. Trong khi chi phí thời gian chỉ chiếm 9% chỉ số APCI của nhóm thủ tục thì chi phí trực tiếp chiếm đến 91% (Hình 4). Do các doanh nghiệp ở một địa phương có thể thực hiện TTHC này ở nhiều địa phương khác nhau, nhóm TTHC Hải quan sẽ không so sánh sự khác biệt giữa các địa phương. Tuy nhiên, việc định vị một địa phương tốt nhất và một địa phương tệ nhất vẫn có ý nghĩa định hướng trong việc cải cách. Với địa phương có nhiều doanh nghiệp khai báo CPTT thấp, tỷ trọng giữa hai chỉ số thành phần này gần như cân bằng (58% và 42%). Điều này một lần nữa cho thấy việc cải cách TTHC cần được chú trọng ở cả thành phần hồ sơ và việc hướng dẫn để thực hiện hồ sơ, nhằm giảm chi phí cả chi phí trực tiếp và chi phí thời gian. Ngược lại, địa phương có có nhiều doanh nghiệp khai báo CPTT cao lại có cấu phần chi phí trực tiếp chiếm tỷ trọng rất cao: 98% và chi phí thời gian chỉ là 2% tổng CPTT của nhóm.

Hình 16: CPTT trung bình của một TTHC nhóm TTHC Hải quan

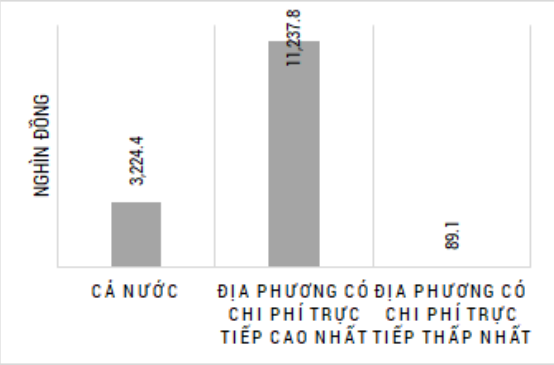

Hình 17: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Hải quan

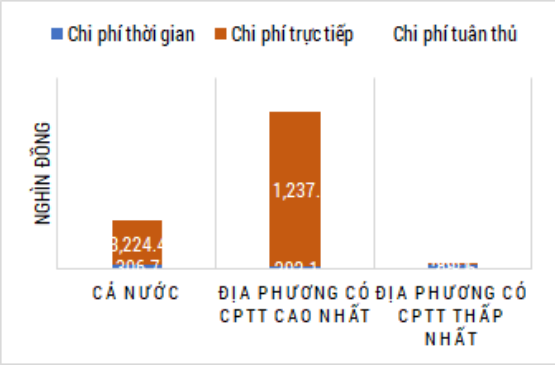

Thời gian thực hiện

TTHC Hải quan có thời gian thực hiện ngắn thứ ba trong 8 nhóm TTHC được điều tra, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 12,1 giờ, so với 63,3 giờ làm việc bình quân của tất cả 8 nhóm TTHC trên cả nước, nhưng vẫn gấp 4,2 lần thời gian của nhóm TTHC hiệu quả nhất.

Khác với 7 nhóm TTHC khác khi thời gian mà doanh nghiệp bỏ ra nhiều nhất là cho bước Chuẩn bị hồ sơ, doanh nghiệp thực hiện TTHC Hải quan cần nhiều thời gian nhất để tiến hành bước Nộp hồ sơ. Trong 12,1 giờ làm việc của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Hải quan, doanh nghiệp dành đến 39,5% thời gian để nộp hồ sơ (Hình 18). Dù đã điện tử hóa hầu hết các TTHC, việc TTHC Hải quan có thời gian nộp hồ sơ dài nhất đã phản ánh đúng thực trạng

mà doanh nghiệp đã đề cập khi thực hiện nộp hồ sơ qua mạng: ngoài việc nộp qua mạng Internet, doanh nghiệp vẫn phải nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan hải quan. Việc nộp hồ sơ hai lần như vậy là nguyên nhân làm tăng thời gian doanh nghiệp dành cho bước thực hiện này. Bên cạnh đó, có doanh nghiệp cũng đã phản ánh rằng cán bộ hải quan chưa nắm rõ quy trình cũng như thao tác trên thiết bị máy tính khiến doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để thực hiện TTHC.

Thời gian để tiến hành bước Chuẩn bị hồ sơ cho TTHC Hải quan chỉ chiếm 26,6% - tỷ lệ hiệu quả nhất cho bước này trong số 8 nhóm TTHC được khảo sát. Kết quả này có được là do trên thực tế doanh nghiệp đã quen với việc điền thông tin ở các tờ khai mỗi khi có giao dịch nhập/xuất khẩu và có sẵn các giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của pháp luật hiện hành. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với ngành hải quan năm 2016[37] khi mà có đến 86% số doanh nghiệp được khảo sát cho biết cơ quan hải quan cung cấp thông tin thống nhất, 87% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các biểu mẫu TTHC hải quan dễ điền. Các bước thực hiện khác đều không tốn nhiều thời gian thực hiện, tương đồng với các nhóm TTHC hiệu quả như Thuế và Đăng ký kinh doanh.

Hình 18: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Hải quan

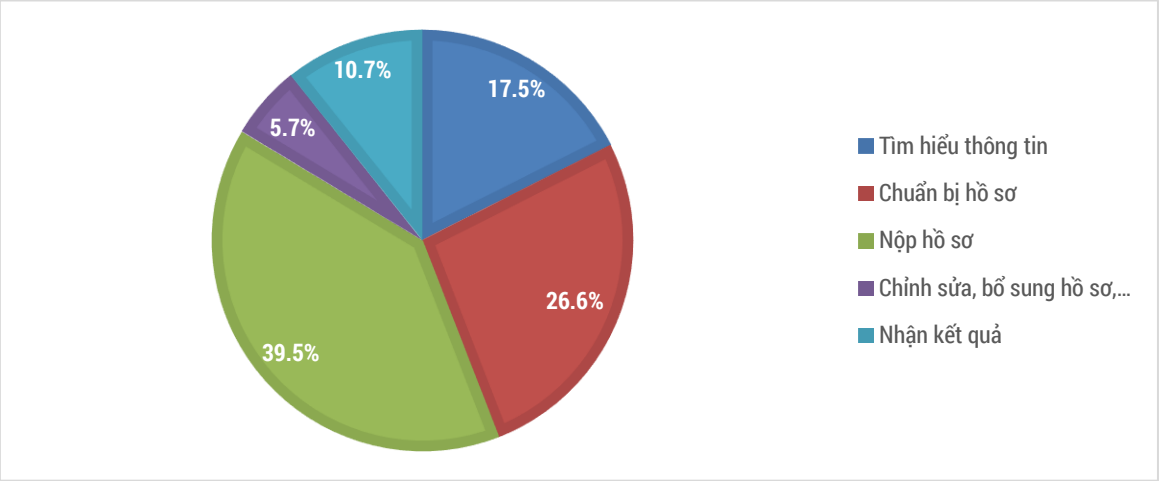

Nếu tính địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tối đa về thời gian thực hiện thủ tục hành chính (100 điểm), Hình 19 cho thấy khoảng cách để cả nước đạt được kết quả tốt nhất. Dư địa để cả nước cải cách những thủ tục trong nhóm thủ tục này là rất nhiều khi kết quả trên cả nước cho thấy mới chỉ đạt 30,8% điểm số của địa phương tốt nhất.

Hình 19: Nhóm TTHC Hải quan – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

Chi phí trực tiếp

[37] Đánh giá cải cách thủ tục hành chính Hải quan: Mức độ hài lòng của Doanh nghiệp năm 2016 (VCCI/Tổng cục Hải quan)

Nhóm TTHC Hải quan có chi phí trực tiếp cao thứ tư trong 8 nhóm TTHC được điều tra, với chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 3,2 triệu đồng, bằng 32% chi phí trực tiếp bình quân của tất cả 8 nhóm TTHC trên cả nước (khoảng 10 triệu đồng). Địa phương có chi phí trực tiếp thấp nhấp chỉ bằng 8,78% mức chi phí trung bình của cả nước và bằng 2,71% mức chi phí của địa phương kém nhất.

Hình 20: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Hải quan

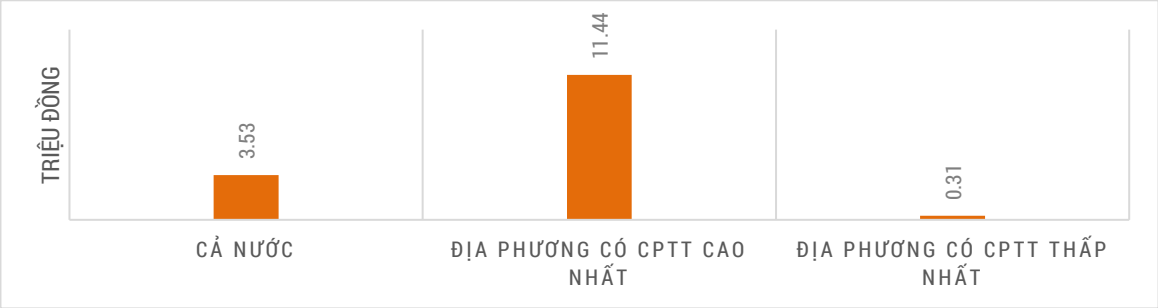

2.3.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Dựa trên tinh thần chỉ đạo của Chính phủ theo chuỗi Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia các năm 2014 - 2018, Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử ngày 14/10/2015 Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020[38], Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016 - 2020[39] và chuỗi các Nghị quyết 01 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, ngành Hải quan đã và đang thực hiện cải cách TTHC nhằm giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời bảo đảm kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu chính xác theo đúng chức trách của mình.

Hiện nay, ngành Hải quan đã đã từng bước hoàn thiện mô hình thủ tục hải quan điện tử và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân. Việc triển khai các hệ thống như: VNACCS/VCIS; Cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hoạt động nghiệp vụ đã góp phần tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động của doanh nghiệp[40].

Tuy nhiên, khảo sát CPTT cũng cho thấy dư địa cải cách về TTHC Hải quan vẫn còn nhiều. Dựa trên phương pháp phân tích CPTT, ngành Hải quan cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

---

[38] Quyết định số 448/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25/03/2011

[39] Quyết định số 1614/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 19/7/2016

[40] Trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam, *Những chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp*, https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=26895&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt

- Dư địa cải cách về thời gian thực hiện của nhóm TTHC Hải quan là rất nhiều, bao gồm từ bước Tìm hiểu thông tin cho đến bước Nhận kết quả TTHC. Những hoạt động như: công khai thông tin hướng dẫn về quy trình nghiệp vụ của TTHC Hải quan trực tuyến; hay thiết lập cơ chế đường dây nóng (hotline) hướng dẫn doanh nghiệp về TTHC Hải quan, để hỗ trợ doanhnghiệp trong các bước Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ... sẽ giúp cho CPTT của nhóm TTHC Hải quan sẽ được giảm đi;

- Khắc phục những lỗi kỹ thuật của hệ thống tiếp nhận hồ sơ điện tử của ngành Hải quan để bảo đảm hệ thống được thông suốt;

- Đội ngũ cán bộ hải quan cần luôn được bồi dưỡng về nghiệp vụ, thao tác trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin để thời gian trong bước Nộp hồ sơ của doanh nghiệp được thực hiện nhanh hơn;

- Từ kinh nghiệm của TTHC Thuế cho thấy, ngành Hải quan không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp đã nộp tài liệu bằng bản chụp chiếu (scan) vẫn phải tiếp tục nộp bản giấy. Việc yêu cầu hai loại tài liệu làm gia tăng về thời gian và chi phí cho doanh nghiệp cũng như không giảm tải được CPTT của doanh nghiệp;

Kinh nghiệm thành công của ngành Thuế về áp dụng mạnh mẽ TTHC trực tuyến có thể triển khai áp dụng trong ngành Hải quan để giảm thiểu về thời gian thực hiện, minh bạch hoá được việc thực hiện TTHC để hạn chế được nhũng nhiễu, tiêu cực.

2.4. Nhóm TTHC liên quan đến Đất đai

Thứ hạng về CPTT	4,9 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
4	84,9 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	52% tổng thời gian	Dành cho **Chuẩn bị hồ sơ**
19/100	57% tổng chi phí	Là những **chi phí trực tiếp**

2.4.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

Nhóm TTHC Đất đai[41], là một nhóm thủ tục tương đối phức tạp do liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp, CPTT của nhóm TTHC Đất đai đứng thứ tư trong 8 nhóm TTHC được khảo sát (xem Hình 1). Kết quả này đưa nhóm TTHC Đất đai nằm trong nhóm TTHC có CPTT trung bình, bằng 39% (4,9 triệu đồng) CPTT trung bình của cả 8 nhóm TTHC (khoảng 12,7 triệu đồng).

Những TTHC về đất đai nằm trong chuỗi các thủ tục đầu tư, đất đai và xây dựng vốn được các nhà cải cách TTHC thúc giục cải cách theo hướng lồng ghép và đơn giản hóa từ 2010, nhưng các quy định pháp luật về đất đai đến nay vẫn chưa thể hiện sự thay đổi theo hướng này. Tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ ngày 06/02/2017 về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yết cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư một lần nữa được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định nhằm giải quyết các vướng mắc về đầu tư, kinh doanh, tạo sự liên thông giữa các thủ tục đầu tư với các thủ tục về đất đai, xây dựng, đấu thầu, môi trường. Đến nay, Nghị định này vẫn đang trong quá trình soạn thảo. Cũng tại Nghị quyết này, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) đã được Chính phủ giao thực hiện liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết TTHC về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất,

---

[41] Các thủ tục được khảo sát: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thủ tục đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu; Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức; Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đồng thời Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

đăng ký đất đai, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Đến thời điểm khảo sát, việc liên thông đã được thí điểm và thực hiện, song việc kết nối điện tử chưa được hiện thực hóa. CPTT của nhóm TTHC Đất đai phần nào phản ánh được những chỉ đạo của Chính phủ và nỗ lực cải cách của Bộ TNMT trong thời gian vừa qua.

Hộp 5: Một số bất cập về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng

Thực tế và một số nghiên cứu gần đây chỉ ra khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư liên quan đến các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng. Hậu quả là trong nhiều trường hợp, thời gian hoàn tất thủ tục thường kéo dài, làm nản lòng các nhà đầu tư hoặc mất cơ hội kinh doanh. Những khó khăn, vướng mắc có thể tóm lược lại một số điểm chính sau:

Một là, quy trình TTHC phức tạp, có rất nhiều cơ quan có liên quan tham gia vào giải quyết các thủ tục. Tùy theo yêu cầu của từng thủ tục hoặc từng nhóm thủ tục, một thủ tục có thể cần sự tham gia (thụ lý, cho ý kiến, hoặc phê duyệt) của nhiều cơ quan ở các cấp khác nhau, từ Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, UBND cấp tỉnh, các sở ngành và UBND cấp huyện, xã. Nhiều trường hợp, nhà đầu tư phải trực tiếp liên hệ với những cơ quan này để xin chấp thuận, ý kiến, phê duyệt, v.v… dưới các hình thức khác nhau theo yêu cầu của cơ quan thụ lý hoặc của VBQPPL. Ngoài ra, nhà đầu tư còn có thể phải liên hệ với những đơn vị/phòng khác nhau của cùng một cơ quan để được cung cấp thông tin, hướng dẫn, giải trình thêm về hồ sơ đã nộp hoặc nhận kết quả. Nói cách khác, nhà đầu tư thường phải đi lại nhiều lần đến nhiều cơ quan khác nhau hoặc nhiều đơn vị của cùng một cơ quan để giải quyết các thủ tục khác nhau.

Hai là, còn có sự trùng lặp về yêu cầu thông tin, hồ sơ giữa các cơ quan đối với nhà đầu tư. Thông thường nhà đầu tư sẽ phải chuẩn bị nhiều hồ sơ hơn cần thiết để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan nhà nước. Về mặt nguyên tắc, nhà đầu tư thường cố gắng đáp ứng đầy đủ nhất yêu cầu của từng cơ quan nhà nước để hồ sơ không bị trả lại và có thể nhận kết quả nhanh nhất. Tuy nhiên, cách làm này sẽ không khuyến khích được sự chia sẻ thông tin cần thiết giữa các cơ quan nhà nước cũng như tạo điều kiện cho những yêu cầu tùy tiện của cán bộ thụ lý hồ sơ. Việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước là cần thiết và góp phần tạo một tập quán tốt phục vụ công tác thanh tra giám sát các dự án đầu tư của các cơ quan nhà nước liên quan.

Ba là, không thống nhất, thậm chí mâu thuẫn về thời điểm bắt đầu thực hiện thủ tục. Thực tế cho thấy cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đều lúng túng trong việc xác định trình tự và thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng có liên quan. Các luật điều chỉnh các loại thủ tục này không xác định rõ ràng khi nào bắt đầu thực hiện thủ tục có liên quan trong quá trình chuẩn bị dự án đầu tư, cũng như trình tự và trật tự thực hiện các TTHC có liên quan của cả quá trình đầu tư.

Cuối cùng là, hiện tượng phân tán, chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn giữa các hệ thống văn bản pháp luật. Các thủ tục tiếp cận đất đai và đầu tư xây dựng được quy định trong 5 hệ thống pháp luật chủ yếu: pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch xây dựng, pháp luật về đất đai, và pháp luật về môi trường v.v. Hệ thống pháp luật đó bao gồm các văn bản luật (như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch

Đô thị và Luật Bảo vệ môi trường) và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật do các cơ quan nhà nước trung ương có thẩm quyền ban hành (như nghị định, thông tư v.v.) và do các cấp chính quyền địa phương ban hành (như quyết định, văn bản hướng dẫn v.v.). Việc tuân thủ hệ thống pháp luật này không phải lúc nào cũng dễ dàng thực hiện do những bất cập, không tương thích giữa các văn bản pháp luật . Hiện tượng phân tán, chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn giữa các hướng dẫn có liên quan về cùng một vấn đề cũng là một thực tế cần tháo gỡ.

Nguồn: Cải cách quy trình và thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai và xây dựng: Sổ tay tham khảo về cải cách hành chính dành cho địa phương, CIEM/IFC (2012)

2.4.2. Sự khác biệt ở các địa phương

Hình dưới đây so sánh CPTT của nhóm TTHC Đất đai giữa các vùng KTTĐ trên cả nước. Vùng KTTĐ ĐBSCL là nơi mà các doanh nghiệp có thể thực hiện các TTHC Đất đai với chi phí thấp nhất trên cả nước, chỉ bằng 34% CPTT của nhóm thủ tục này trên cả nước. Tiếp theo là các vùng KTTĐ Bắc bộ và vùng KTTĐ miền Trung có CPTT lần lượt bằng 79% và 86% CPTT trung bình trên cả nước. Vùng KTTĐ phía Nam có CPTT cao hơn CPTT trung bình cả nước (tương ứng là 171%). CPTT của địa phương tốt nhất trên cả nước chỉ ở mức 23% CPTT trung bình trên cả nước. Trong khi đó, CPTT của địa phương cao nhất vượt xa mức chi phí của tất cả các vùng KTTĐ, gấp 2,7 lần CPTT trên cả nước và gấp 11,6 lần mức CPTT của địa phương tốt nhất. Sự khác biệt của nhóm thủ tục này so với các nhóm thủ tục khác là sự cách biệt giữa các vùng KTTĐ ít hơn và sự chênh lệch giữa hai địa phương cao và thấp nhất là nhỏ hơn. Điều này có nghĩa là các vùng có kết quả chưa tốt có thể tập trung cải cách để cắt giảm CPTT, đưa mức chi phí này tiệm cận với thực tiễn tốt.

Hình 21: CPTT của một TTHC nhóm Đất đai theo vùng KTTĐ và địa phương

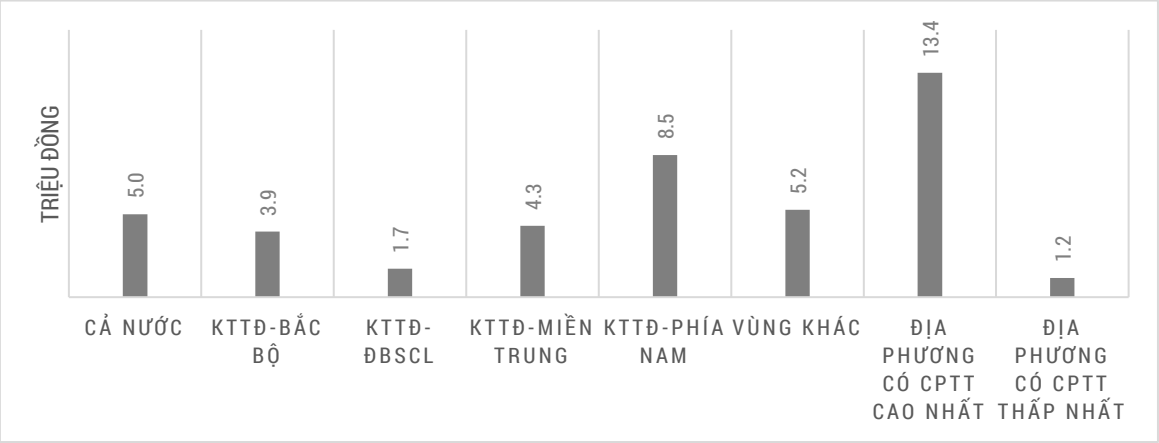

2.4.3. Các chỉ số thành phần

Hai chỉ số thành phần của chỉ số APCI của nhóm TTHC Đất đai là chi phí thời gian và chi phí trực tiếp có tỷ trọng bằng nhau, tương tự như tỷ trọng của nhóm TTHC Môi trường. Tỷ lệ này cũng tương đồng ở địa phương có chỉ số APCI của nhóm TTHC Đất đai tốt nhất, và ở vùng KTTĐ Bắc bộ, nơi có CPTT thấp nhất. Ở các vùng KTTĐ miền Trung và phía Nam, chi phí trực tiếp chiếm từ 71-76% CPTT. Điều này cho thấy việc giảm chi phí trực tiếp sẽ góp phần lớn vào việc giảm CPTT ở các vùng này. Đáng lưu ý là địa phương có chỉ số APCI của nhóm TTHC Đất đai thấp nhất, chi phí trực tiếp chỉ chiếm tỷ trọng 24% tổng CPTT của địa phương

này. Những cải cách về cách thức thực hiện những TTHC Đất đai, thông qua việc cung cấp thông tin và hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, sẽ giúp địa phương này giảm được CPTT.

Hình 22: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đất đai

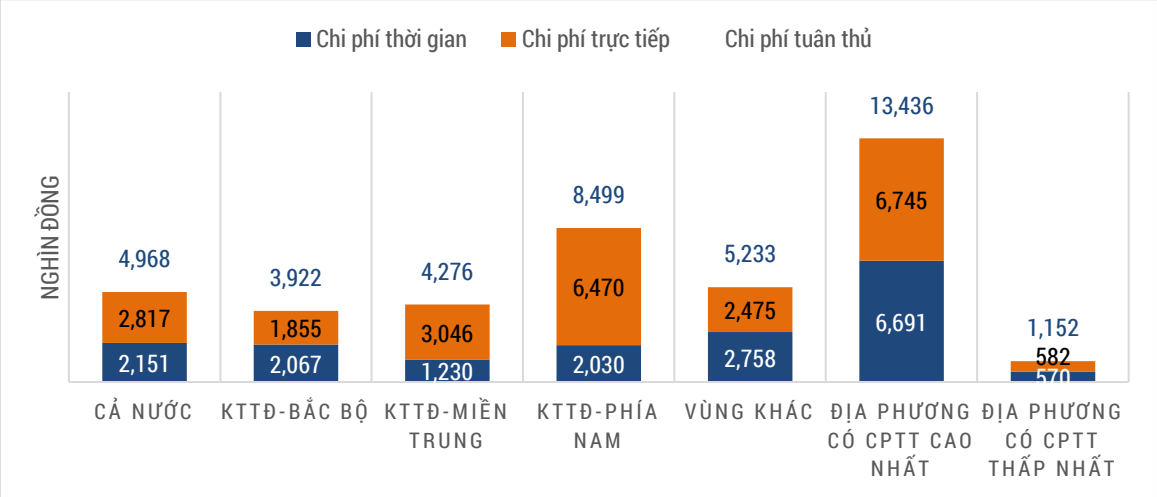

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Đất đai có thời gian thực hiện xếp thứ tư trong 8 nhóm TTHC được điều tra, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 84,9 giờ, gấp gần 1,3 lần số giờ làm việc bình quân của 8 nhóm TTHC trên cả nước (63,3 giờ làm việc), và gấp 29 lần thời gian của nhóm TTHC hiệu quả nhất. Cũng tương tự như các nhóm TTHC khác, Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ là các bước chiếm nhiều thời gian của doanh nghiệp nhất (80,3%). Trong 84,9 giờ làm việc của doanh nghiệp thực hiện nhóm TTHC Đất đai, doanh nghiệp dành 51,8% số giờ làm việc để chuẩn bị hồ sơ và 28,5% số giờ làm việc để chỉnh sửa bổ sung hồ sơ. Các bước khác như Tìm hiểu thông tin, Nộp hồ sơ, và Nhận kết quả chiếm tỷ lệ nhỏ, từ 5,4% đến 7,3% tổng thời gian, tương ứng khoảng từ 4,6 đến 6,2 giờ làm việc.

Hình 23: Tỷ trọng thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đất đai

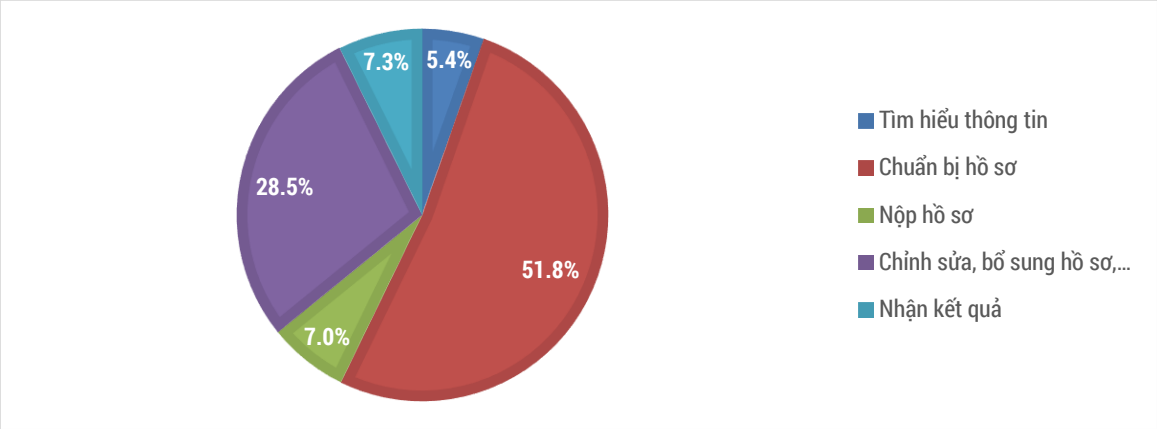

Chuẩn bị hồ sơ là bước có thời gian dài nhất và có nhiều vướng mắc nhất đối với nhóm TTHC Đất đai. Mặc dù pháp luật đất đai đã có quy định, thành phần hồ sơ của TTHC Đất đai vẫn có nhiều vướng mắc, đặc biệt là không có sự thống nhất giữa các cơ quan nhà nước về loại hồ sơ cần thiết cho từng loại thủ tục. Có những kết quả của hồ sơ được một cơ quan nhà nước

thực hiện nhưng không được cơ quan khác công nhận nên đã phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp khi phải thực hiện lại TTHC đó. Ngoài ra, trình tự thực hiện các TTHC liên quan không đồng nhất nên gây khó khăn và lúng túng cho doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC này.

Nếu tính địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tối đa về thời gian thực hiện TTHC (100 điểm), Hình 24 cho thấy khoảng cách để các vùng KTTĐ và cả nước đạt được kết quả tốt nhất. Dư địa để cả nước cải cách những thủ tục trong nhóm thủ tục này là rất nhiều khi kết quả trung bình cả nước mới chỉ đạt 23,4% điểm số của địa phương tốt nhất. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-ĐBSCL có khoảng cách tới điểm tốt nhất là gần nhất đạt 78%; trong khi các vùng khác đều đang ở cận dưới với một khoảng cách dài tới điểm tốt nhất.

Hình 24: Nhóm TTHC Đất đai – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

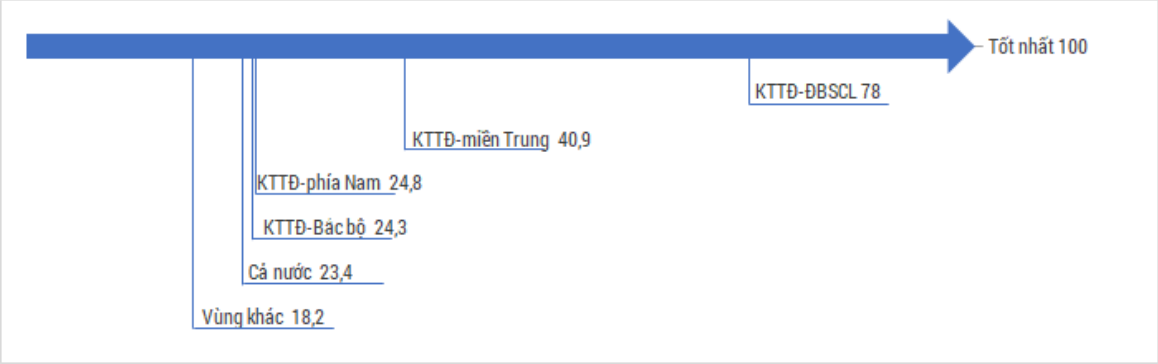

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Đất đai có chi phí trực tiếp đứng thứ sáu trong 8 nhóm thủ tục được điều tra. Chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 2,8 triệu đồng, bằng 28% chi phí trực tiếp bình quân của tất cả 8 nhóm thủ tục trên cả nước (khoảng 10 triệu đồng). Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ đang là khu vực có chi phí thấp nhất, gần bằng 66% chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai trên cả nước. Các tỉnh thuộc hai vùng KTTĐ miền Trung và phía Nam đều có chi phí trực tiếp cao hơn mức chi phí của cả nước, tương ứng ở mức 108% và 230%. Địa phương có mức chi phí trực tiếp thấp nhất chỉ bằng 21% mức chi phí của cả nước và 8,6% mức chi phí trực tiếp của tỉnh có mức chi phí cao nhất.

Hình 25: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đất đai theo vùng KTTĐ và địa phương

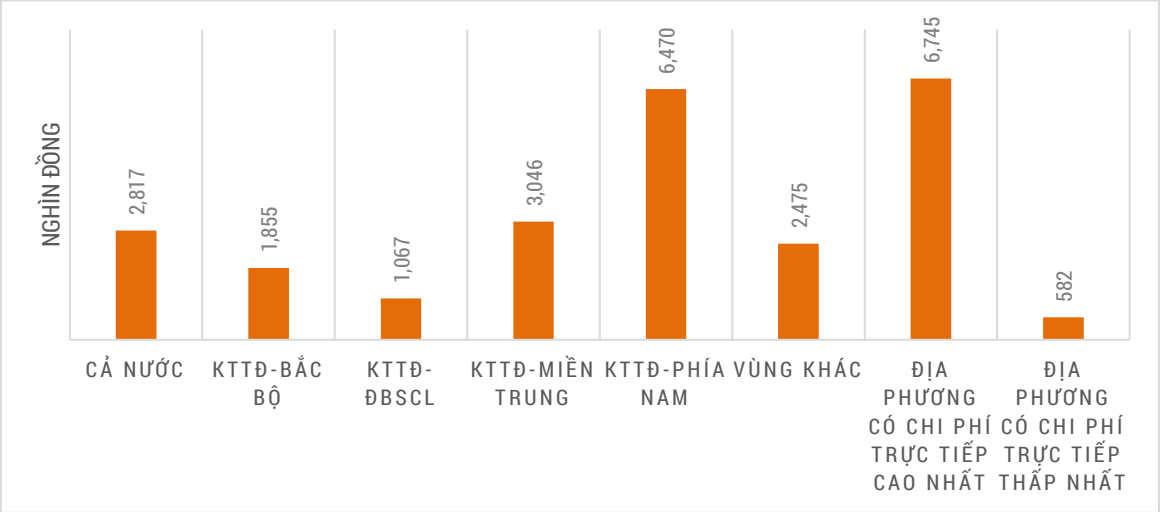

Chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp thường phải chi trả khi thực hiện các thủ tục thuộc nhóm TTHC Đất đai bao gồm lệ phí công chứng, chứng thực hồ sơ, thuê đơn vị tư vấn để đo lại bản đồ, phí thẩm định hồ sơ... Những khoản phí này được chi trả cho các bên thứ ba và có giá trị khác nhau giữa các địa phương và phụ thuộc vào diện tích khu đất, và giá trị chuyển nhượng khu đất. Khi nhìn vào bảng chi tiết các mức phí/ lệ phí theo quy định của một địa phương dưới đây, các mức phí mà CQNN thu còn thấp so với mức CPTT chung của nhóm TTHC Đất đai 2,8 triệu đồng. Tuy nhiên trên thực tế, phần chênh lệch hiện đang là những chi phí mà doanh nghiệp đang phải chi trả cho các bên thứ ba thực hiện dịch vụ.

Hộp 6: Ví dụ về Phí và lệ phí ở một địa phương

Lệ phí cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	*50,000 đồng/lần*
Phí thẩm định hồ sơ	*1,000 đồng/m2 đất*
Phí thẩm định hồ sơ với trường hợp có chuyển nhượng	*0,15% giá trị chuyển nhượng/ 1 hồ sơ*
Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính (ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ)	*500 đồng/m2 đất*
Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (trong trường hợp không được miễn): Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	*+ Đối với trường hợp chỉ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/GCN* *+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/GCN*
Lệ phí cấp trích lục bản đồ	*30,000 đồng/bản*

Hộp 7: Ví dụ về Phí và lệ phí ở một địa phương	
Lệ phí cấp Giấy chứng nhận lần đầu (đối với tổ chức)	*- GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000đ/hồ sơ.* *- GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:* *+ Diện tích dưới 300m2: 300.000đ/hồ sơ.* *+ Diện tích từ 300m2 đến dưới 700m2:400.000đ/hồ sơ.* *+ Diện tích trên 700m2: 500.000đ/hồ sơ.* *- GCN chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:* *+ Diện tích dưới 300m2: 200.000đ/hồ sơ.* *+ Diện tích từ 300m2 đến dưới 700m2:300.000đ/hồ sơ.* *+ Diện tích trên 700m2: 400.000đ/hồ sơ.*
Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính (ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ)	*Cách tính: 13.930 đồng/m2 đất*
Lệ phí cấp trích lục bản đồ	*Cách tính: 72.189 đồng/bản*

2.4.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Chính phủ đã có nhiều nghị quyết nhằm cải thiện TTHC Đất đai để thu hút đầu tư, bảo đảm quyền tài sản của công dân, tổ chức mà điển hình là chuỗi Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ ngày 16/05/2016 vễ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, chuỗi Nghị quyết số 19 về cải thiện môi trường kinh doanh. Các nghị quyết đã đặt những yêu cầu đối với việc hoàn thiện TTHC Đất đai, như:

- Xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ thực hiện các nghĩa vụ thuế;
- Rà soát sửa đổi các quy định nhằm đơn giản hóa và giảm bớt các thủ tục về đất đai;
- Rà soát các quy định pháp luật về đất đai theo hướng điều chỉnh giảm tiền thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các chi phí khác của doanh nghiệp;
- Thống nhất, đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, xây dựng bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính hiện đại, từ đó làm nền tảng cho việc tích hợp, liên thông TTHC;
- Thực hiện liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Mặc dù có những chỉ đạo rõ ràng và quyết liệt như vậy, nhưng qua khảo sát về CPTT trong TTHC Đất đai thì dư địa cải cách của nhóm TTHC này là rất lớn. Đơn cử như cải cách về hồ sơ của nhóm TTHC này chỉ cần thống nhất về loại hình và cách thức chuẩn bị hồ sơ là đã có thể đem đến những thuận lợi và giảm thời gian tuân thủ cho doanh nghiệp, góp phần đưa thủ tục đó trở nên hiệu quả về mặt CPTT rất nhiều. Việc chia sẻ thông tin giữa các CQNN tốt hơn

cũng sẽ giúp giảm thiểu CPTT đáng kể cho doanh nghiệp. Dựa trên kết quả phân tích CPTT, nhóm TTHC Đất đai cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Do bước Chuẩn bị hồ sơ chiếm 1/2 thời gian thực hiện và bước Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ chiếm 1/4 thời gian thực hiện nên việc cung cấp thông tin về yêu cầu đối với các loại hồ sơ của TTHC Đất đai cần được thúc đẩy theo hướng đa dạng hoá các loại hình thông tin, nâng cao chất lượng thông tin. Thông tin về hồ sơ cần được chi tiết, dễ hiểu để doanh nghiệp có thể tự xây dựng được hồ sơ theo đúng yêu cầu của TTHC;

- Tiếp tục đơn giản hoá các TTHC Đất đai, thực hiện liên thông và kết nối điện tử theo đúng tinh thần của các nghị quyết của Chính phủ, đặc biệt là phải áp dụng các biện pháp hạn chế sự đùn đẩy, nhũng nhiễu của các cơ quan hành chính thực hiện TTHC Đất đai;

- Công khai tiến độ thực hiện TTHC Đất đai trong nội bộ cơ quan nhà nước để người dân, doanh nghiệp có thể nắm bắt được thông tin và phối hợp khi cần thiết;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, trong đó có cơ sở dữ liệu về thực trạng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng trên toàn quốc để người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước thực hiện TTHC được nhanh hơn và có chất lượng hơn.

2.5. Nhóm TTHC liên quan đến Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Thứ hạng về CPTT	5,2 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
5	80,8 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	82% tổng thời gian	Dành cho Chuẩn bị hồ sơ
8/100	61% tổng chi phí	Là những chi phí trực tiếp

2.5.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

CPTT của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh hiện đứng thứ năm trong các nhóm TTHC (thấp hơn CPTT của các nhóm TTHC Xây dựng, Môi trường và Đầu tư). Kết quả khảo sát cho thấy CPTT trung bình để thực hiện một TTHC trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh là 5,2 triệu đồng, gần bằng 1/2 CPTT trung bình của 8 nhóm TTHC được khảo sát (khoảng 12,7 triệu đồng) và tương đương với khoảng 8% CPTT trung bình của nhóm TTHC Xây dựng (nhóm TTHC có CPTT cao nhất). Tuy nhiên, CPTT bình quân của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cao gấp 70,6 lần so với CPTT bình quân của nhóm TTHC Thuế (xem Hình 2)

2.5.2. Sự khác biệt ở các địa phương và giữa các thủ tục

CPTT thực hiện TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có sự khác biệt giữa các địa phương. Theo đó, CPTT ở vùng KTTĐ Bắc bộ là lớn nhất (khoảng 6,2 triệu), cao hơn so với vùng KTTĐ miền Trung (khoảng 5,5 triệu) và gấp rưỡi so với các tỉnh thuộc vùng KTTĐ phía Nam (khoảng 3,9 triệu).

CPTT của từng TTHC trong tổng số 6 TTHC cấu thành nhóm TTHC trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cũng có sự khác biệt đáng kể (xem Hình 26). Theo đó, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hiện là thủ tục có CPTT thấp nhất (652 nghìn đồng), chỉ bằng 2,7% CPTT của thủ tục có CPTT cao nhất – thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (23,98 triệu đồng).

Hình 26: CPTT của từng TTHC cấu thành nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

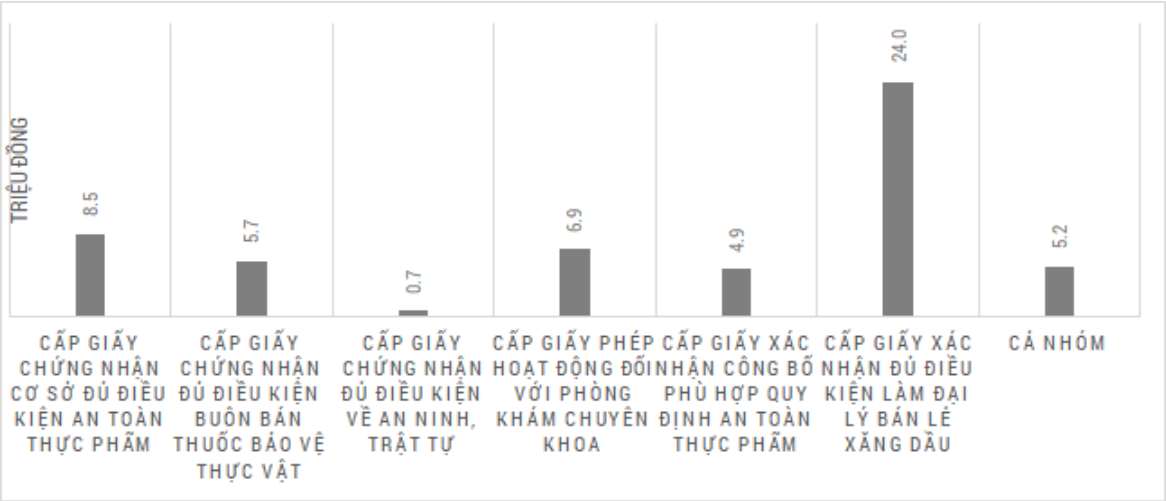

2.5.3. Các chỉ số thành phần

Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cao gấp 1,5 lần so với chi phí về thời gian (xem Hình 27). Để cải cách nhóm TTHC này cần tập trung giảm cả thời gian và chi phí trực tiếp đối với doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

Hình 27: Tỷ lệ các chi phí thành phần của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

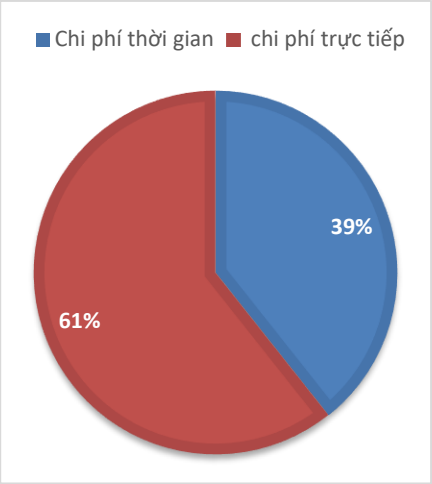

Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh trung bình là 80,8 giờ, bằng 37% chi phí thời gian thực hiện nhóm TTHC Môi trường (218,4 giờ) và cao hơn chi phí thời gian trung bình của 8 nhóm TTHC (63,3 giờ).

Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất trong 5 bước thực hiện TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Đây là thực trạng phổ biến trong cả nước, bao gồm cả tỉnh có thời gian thực hiện TTHC dài nhất và tỉnh có thời gian thực hiện ngắn nhất (xem Hình 28).

Hình 28: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC theo bước của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

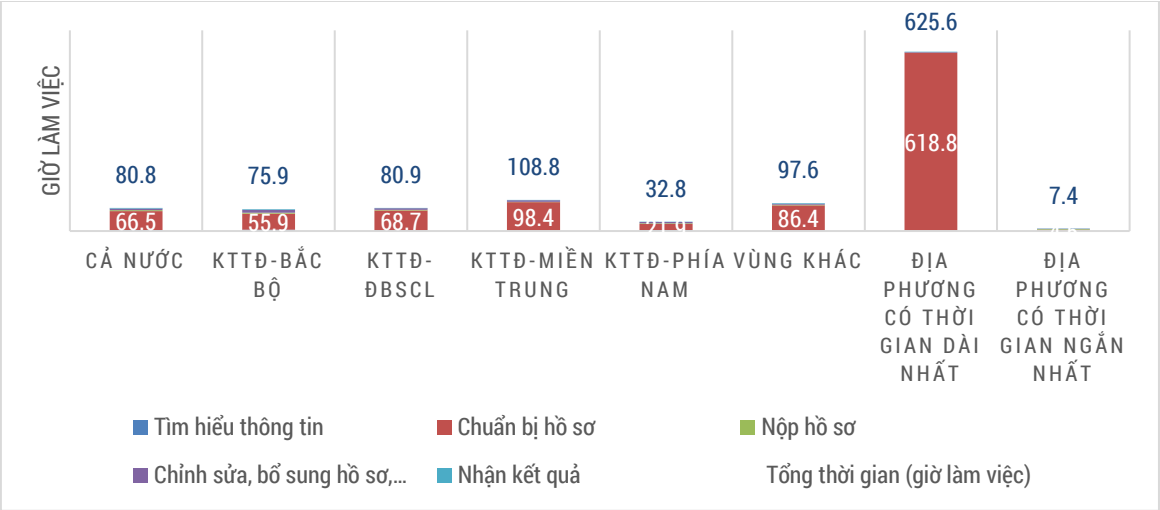

Yêu cầu về thành phần hồ sơ càng phức tạp thì chi phí về thời gian đối với doanh nghiệp càng lớn. Ví dụ như hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (TTHC có CPTT cao thứ 2 trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh), doanh nghiệp cho biết thường tốn nhiều thời gian cho việc cử nhân viên tham gia lớp học để được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Hộp 8 và Hộp 9).

Hộp 8: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm
3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất
4. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở)
5. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất, kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh (bản sao có xác nhận của cơ sở)
6. Giấy giới thiệu của doanh nghiệp
7. CMND của người nộp hồ sơ

Hộp 9: Trải nghiệm của một số doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội)

Qua khảo sát, có doanh nghiệp tại Hà Nội cho biết việc tham gia lớp học để được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm hoàn toàn phụ thuộc vào việc tổ chức lớp của Sở Công Thương, không có giới hạn thời gian khi nào mới có lớp. Có trường hợp doanh nghiệp phải có chi phí ngoài mới đảm bảo đạt bài kiểm tra và được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

So với địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tối đa về thời gian thực hiện nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh (100 điểm), khoảng cách từ các tỉnh tới tỉnh tốt nhất (xem Hình 29) là khá xa (điểm trung bình của cả nước mới chỉ đạt gần 10% điểm số của địa phương tốt nhất). Như vậy, dư địa để cải cách các TTHC trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh là rất nhiều. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-phía Nam có khoảng cách tới điểm tốt nhất là gần nhất, tuy nhiên cũng chỉ bằng 1/5 điểm số của địa phương tốt nhất.

Hình 29: Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh – Khoảng cách đến thực tiễn tốt

Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC cấp Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh xếp thứ 5 trong tổng số 8 nhóm TTHC được khảo sát, cao hơn so với nhóm TTHC Thuế, Khởi sự doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh và Đất đai. Trung bình trên cả nước, mỗi doanh nghiệp sẽ phải bỏ ra khoảng 3,1 triệu đồng để thực hiện một TTHC trong lĩnh vực này (xem Hình 30), bằng gần 1/3 chi phí trực tiếp bình quân của tất cả 8 nhóm thủ tục trên cả nước (khoảng 10 triệu đồng). Chi phí này thông thường bao gồm chi phí mua hồ sơ, chi phí thực hiện các yêu cầu trong hồ sơ (ví dụ như chi phí tham gia các lớp đào tạo, chi phí thuê dịch vụ để đáp ứng các yêu cầu đặc thù như đánh giá tác động môi trường, chi phí khám sức khỏe) và lệ phí nhà nước.

Vùng KTTĐ ĐBSCL đang là khu vực có chi phí trực tiếp thấp nhất, chỉ bằng 78% chi phí trực tiếp trung bình của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh trên cả nước. Hai vùng KTTĐ miền trung và phía Nam đều có chi phí trực tiếp xấp xỉ mức chi phí trung bình của cả nước, tương ứng ở mức 88% và 97%. Trong khi đó, các tỉnh thuộc vùng KTTĐ

Bắc bộ có chi phí trực tiếp cao gấp gần 1,4 lần chi phí trực tiếp trung bình của cả nước. Địa phương có mức chi phí trực tiếp thấp nhất chỉ bằng gần 10% mức chi phí trung bình của cả nước.

Hình 30: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng KTTĐ và địa phương

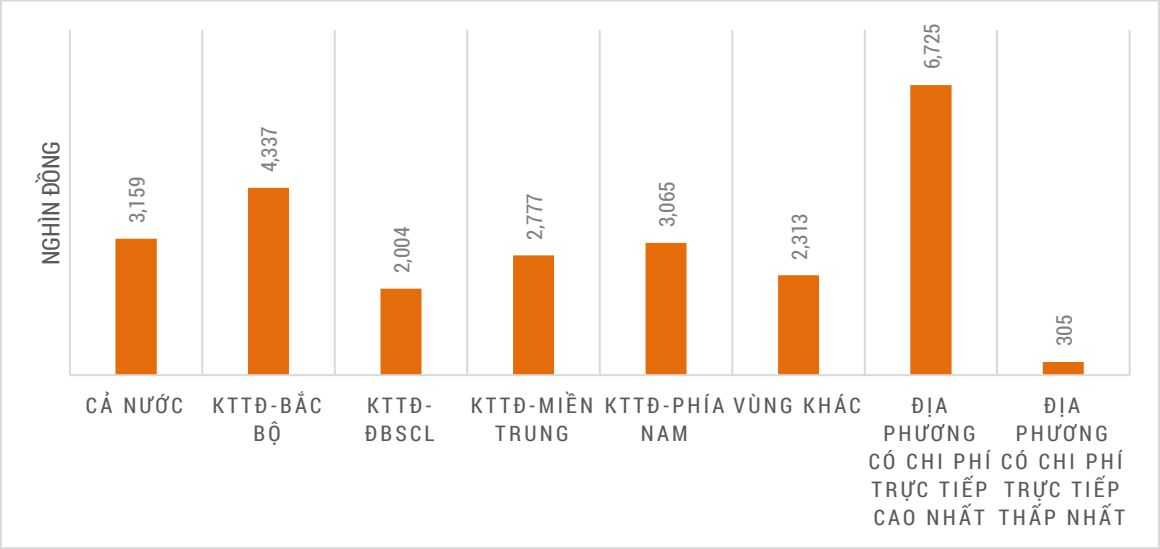

2.5.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Như đã phân tích, cắt giảm yêu cầu về điều kiện hồ sơ là một trong những điều kiện tiên quyết để giảm thiểu CPTT trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Trong nhiều năm trở lại đây, Chính phủ luôn đặc biệt quan tâm việc rà soát, đánh giá, đơn giản và bãi bỏ các điều kiện kinh doanh, hướng tới tạo thuận lợi tối đa về môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. Mục tiêu quản lý Nhà nước là chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Nhiều văn bản của Chính phủ đã thể hiện quyết tâm cắt giảm các điều kiện kinh doanh, đặc biệt như Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Chỉ thị số 16/CT-Ttg năm 2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Nghị quyết số 35/NQ-CP năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử. Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ nêu rõ cần thiết phải đảm bảo các quy định về điều kiện kinh doanh phải rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện; rà soát, đánh giá và bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo hướng đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm gắn với điều kiện, quy định cụ thể và thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an là các cơ quan quản lý cấp trung ương đối với 6 TTHC thuộc nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Hầu hết các Bộ này đều đã có những nỗ lực đáng kể trong việc cắt giảm điều kiện kinh doanh. Tiêu biểu như Bộ Công Thương đã ban hành phương án cắt giảm 675/1.216 điều kiện kinh doanh của 27 ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, đạt tỷ lệ 55,5%. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề xuất bãi bỏ, sửa đổi 118/345 điều kiện đầu tư kinh doanh

thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, chiếm tỷ lệ 34,2%[42]. Trong thời gian tới, Bộ Y tế dự kiến cắt giảm 1.151/1.680 điều kiện đầu tư kinh doanh, đạt 68,51% và cắt 168/338 thủ tục hành chính, đạt 49,7%[43]. Cụ thể, Bộ Y tế đã rà soát và đề xuất việc cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ chuyên môn hoặc đã được pháp luật chuyên ngành khác quy định, hoặc có sự chồng chéo giữa các văn bản gây khó khăn khi thực hiện, chuyển tối đa hình thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Đây cũng chính là xu hướng chung cho việc cải cách TTHC trong lĩnh vực nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

Dựa trên kết quả khảo sát về CPTT, để cải cách các TTHC trong nhóm thủ tục Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cần tiếp tục tập trung những vấn đề sau:

- Nghiên cứu cắt giảm các hoạt động tốn nhiều thời gian nhưng chưa thực sự đem lại giá trị sử dụng cho doanh nghiệp trong các bước Tìm hiểu thông tin hoặc Chuẩn bị hồ sơ, như yêu cầu doanh nghiệp tham gia lớp học dài ngày để được cấp các giấy chứng nhận chuyên ngành…

- Nghiên cứu cắt giảm chi phí trực tiếp, như chi phí mua hồ sơ, chi phí thực hiện các yêu cầu trong hồ sơ (ví dụ như chi phí tham gia các lớp đào tạo, chi phí thuê dịch vụ để đáp ứng các yêu cầu đặc thù như đánh giá tác động môi trường, chi phí khám sức khỏe) và lệ phí nhà nước đối với từng hoạt động kinh doanh cụ thể.

- Đẩy mạnh áp dụng thực hiện TTHC trực tuyến và công khai và cập nhật các thông tin, yêu cầu về thành phần hồ sơ, thông tin trong hồ sơ và quy trình thực hiện TTHC của từng loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

---

[42] Theo Báo cáo số 04/BC-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

[43] Thời báo Tài chính Việt Nam online, Bộ Y tế sẽ cắt giảm 1.151 điều kiện kinh doanh, xem tại đường link http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2018-04-26/bo-y-te-se-cat-giam-1151-dieu-kien-kinh-doanh-56686.aspx

2.6. Nhóm TTHC liên quan đến Đầu tư

Thứ hạng về CPTT	7,9 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
6	125,4 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	82% tổng thời gian	Dành cho **Chuẩn bị hồ sơ**
10/100	58% tổng chi phí	Là **chi phí về thời gian**

2.6.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

Nhóm TTHC Đầu tư thuộc nhóm thủ tục có thứ hạng trung bình với mức CPTT (7,9 triệu đồng) thấp hơn CPTT trung bình của 8 nhóm TTHC được khảo sát (12,7 triệu đồng). CPTT của nhóm thủ tục này được cấu thành từ 58% chi phí thời gian và 42% chi phí trực tiếp. Thứ hạng của nhóm TTHC này cho thấy sự cần thiết phải cải cách để giảm CPTT (xem Hình 1).

Những thủ tục được khảo sát[44] trong nhóm TTHC Đầu tư là những thủ tục quan trọng để đánh giá về CPTT và chi phí trực tiếp mà các nhà đầu tư và doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư của mình. Với những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh trong thời gian qua, dường như nhóm TTHC Đầu tư này chưa có những tiến bộ cụ thể. Trong trường hợp dự án đầu tư phải kết hợp thực hiện các TTHC Đất đai và TTHC Xây dựng, thì doanh nghiệp phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm để bắt tay thực hiện dự án đầu tư.

Nhiều bất cập trong văn bản hiện hành của các TTHC Đầu tư, Đất đai và Xây dựng đã được Chính phủ quan tâm nghiên cứu từ khi triển khai Đề án 30 về cải cách TTHC. Cho đến khi ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 2 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hoá 258 TTHC, Chính phủ đã yêu cầu sửa đổi nhiều nội dung nhằm đơn giản hóa và hài hòa hóa các thủ tục, trong đó có các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng. Và gần đây là chuỗi Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực

---

[44] Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư), Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Đồng thời cả hai Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nộp một bộ hồ sơ nhận được hai kết quả)

cạnh tranh bắt đầu từ năm 2014 với những yêu cầu hoàn thiện Luật Đầu tư (sửa đổi), trong đó có các quy định cải tiến, đơn giản hóa quy trình thủ tục liên quan đến thẩm định cấp giấy phép và rà soát các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư có gắn với sử dụng đất và xây dựng, tổng hợp những bất cập, vướng mắc để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Nghiên cứu Kinh tế TW) đã từng nêu lên nhiều bất cập của chuỗi thủ tục này song do bản chất phức tạp của vấn đề, các TTHC Đầu tư cũng như TTHC Đất đai và TTHC Xây dựng liên quan chưa được hài hòa hóa. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã từng chủ trì soạn thảo một thông tư liên tịch nhằm liên thông và hài hòa hóa các TTHC Đất đai, đầu tư và xây dựng và lấy ý kiến các sở ngành trên cả nước, song mô hình liên thông kỳ vọng đã không được ban hành.

2.6.2. Sự khác biệt ở các địa phương

Trước thực trạng về bất cập trong TTHC nói trên, nhiều địa phương đã có những sáng kiến cải tiến nhằm thống nhất và tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục liên quan trong khuôn khổ pháp luật. Hình 31 dưới đây so sánh CPTT của nhóm TTHC Đầu tư giữa các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ miền Trung là nơi mà các doanh nghiệp có thể thực hiện TTHC Đầu tư với chi phí thấp nhất (khoảng 2,8 triệu đồng), chỉ bằng 35,8% CPTT của nhóm thủ tục này trên cả nước. Tiếp đó là các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ có CPTT rơi vào khoảng 6,7 triệu - tương đương, 84,3% CPTT trung bình trên cả nước. Vùng KTTĐ phía Nam có CPTT cao hơn chi phí trung bình cả nước (tương ứng là 104%). CPTT của địa phương có thực tiễn tốt nhất (khoảng 1,6 triệu đồng) chỉ chiếm 20.5% CPTT trung bình của cả nước. Trong khi đó, CPTT của địa phương có mức chi phí cao nhất vượt xa mức chi phí của tất cả các vùng KTTĐ, gấp hơn bốn lần CPTT trung bình trên cả nước và gấp hơn 21 lần mức CPTT của địa phương tốt nhất. Điều này cho thấy dư địa cho việc cải cách các thủ tục hành chính thuộc nhóm thủ tục Đầu tư ở hầu hết cả địa phương trên cả nước còn tương đối nhiều.

Hình 31: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương

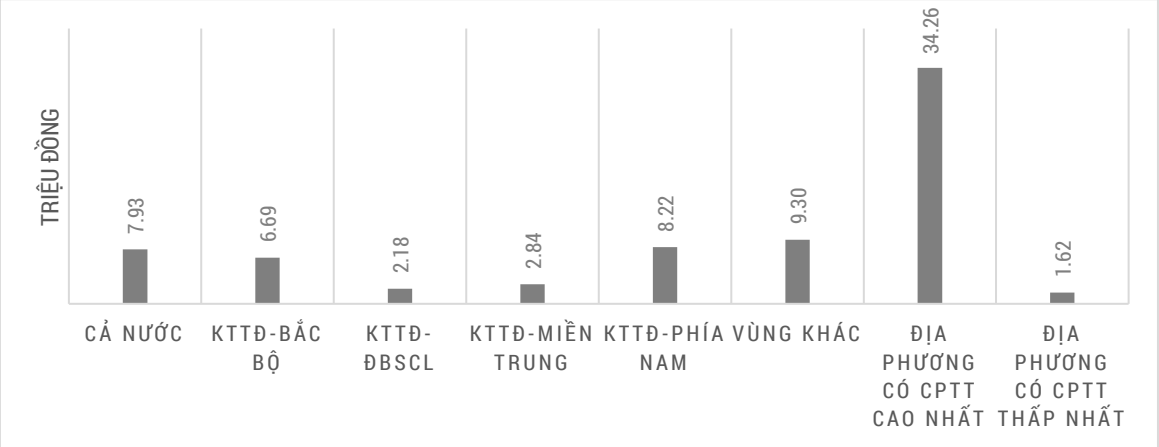

2.6.3. Các chỉ số thành phần

Hai chỉ số thành phần của chỉ số APCI của nhóm TTHC Đầu tư có tỷ trọng tương đối đồng đều, chi phí thời gian và chi phí trực tiếp chiếm tỷ trọng tương ứng là 58,5% và 41,5%. Chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện TTHC Đầu tư tại địa phương có thực tiễn tốt nhất là 36,9 nghìn đồng - chiếm tỷ trọng 1,1% chi phí trực tiếp trung bình của cả nước. Ngược lại, tại

địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC Đầu tư kém nhất, mức chi phí trực tiếp trung bình thuộc khoảng 27,4 triệu đồng – gấp hơn 8,3 lần chi phí trực tiếp trung bình của cả nước. Đáng lưu ý là chi phí ở các tỉnh thuộc vùng KTTĐ miền Trung có chi phí trực tiếp chỉ chiếm 2,3% tổng CPTT của vùng này, thấp hơn nhiều so với mức trung bình trên cả nước và ở các vùng KTTĐ khác (xem Hình 32).

Hình 32: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương

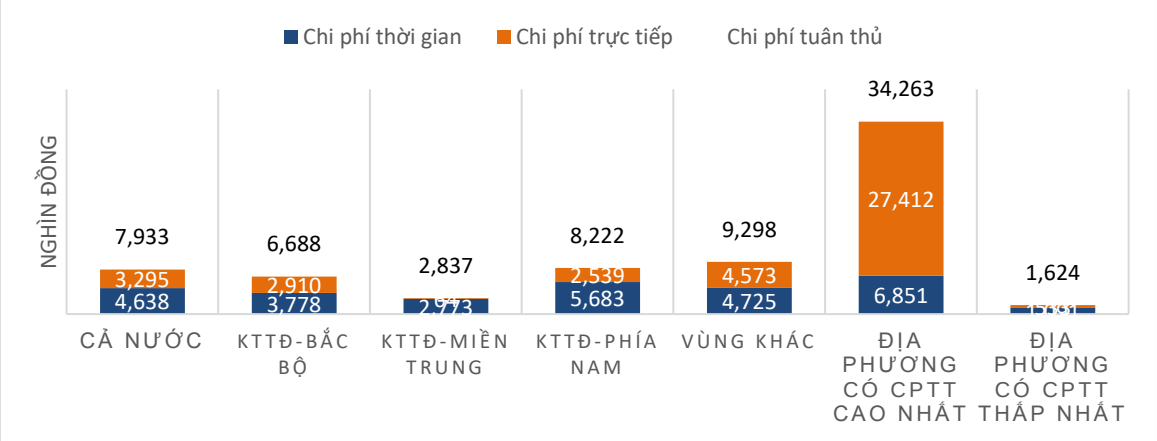

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Đầu tư có thời gian thực hiện dài thứ hai trong 8 nhóm thủ tục được khảo sát, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 125,4 giờ, so với 63,3 giờ làm việc bình quân của tất cả 8 nhóm thủ tục trên cả nước, và đặc biệt gấp hơn 43 lần thời gian của nhóm thủ tục có CPTT thấp nhất. Trong gần 125 giờ làm việc của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Đầu tư này, hơn 80% thời gian được doanh nghiệp sử dụng để chuẩn bị hồ sơ, và 14% thời gian được dành cho việc chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của CQNN (Hình 33). Các bước khác như Tìm hiểu thông tin, Nộp hồ sơ và Nhận kết quả hồ sơ đang được thực hiện rất hiệu quả, dao động trong khoảng từ 1,6 – 2,0 giờ làm việc. Thống kê này cho thấy phần lớn thời gian thực hiện TTHC của doanh nghiệp là thời gian hoàn thiện các yêu cầu về hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành. Như vậy, có thể nhận thấy rằng việc tương tác giữa doanh nghiệp/nhà đầu tư với cán bộ CQNN thụ lý giải quyết hồ sơ diễn ra một cáchhiệu quả với khoảng thời gian ngắn. Nhận định này tương đồng với ghi nhận của PCI 2017 - có đến 72,1% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng cán bộ công chức giải quyết công việc hiệu quả (cao hơn tỷ lệ của ba năm liền trước). Điều này cũng phản ánh đúng thực trạng các địa phương đang tự chuyển mình để cạnh tranh thu hút đầu tư trong bối cảnh các quy định của pháp luật hiện hành còn tồn tại nhiều bất cập và chồng chéo.

Hình 33: Tỷ trọng thời gian theo các bước thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư

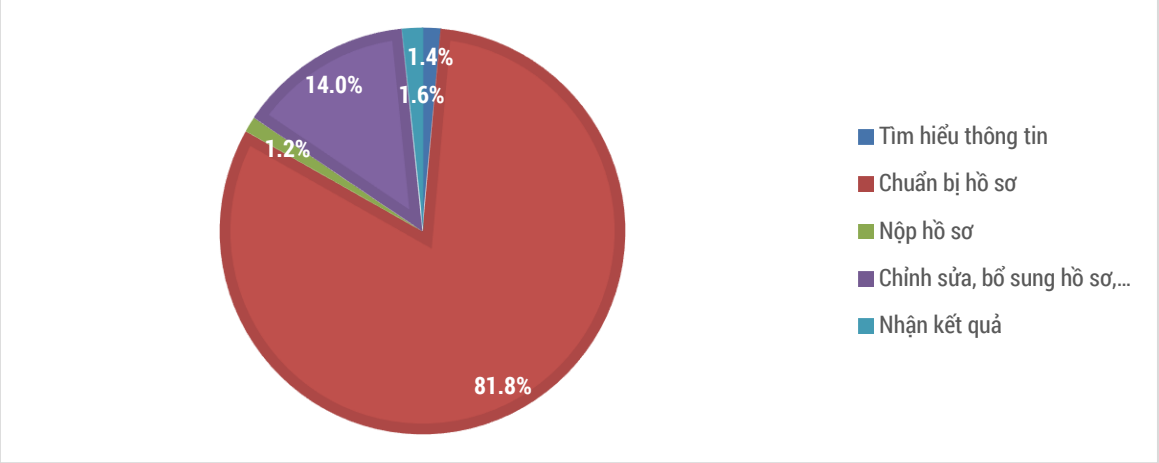

Xem xét yêu cầu về hồ sơ của một thủ tục thuộc nhóm TTHC Đầu tư, nhận thấy rằng, theo quy định của pháp luật về đầu tư cho thấy ngoài hai nhóm hồ sơ gồm những loại tài liệu đã có sẵn và yêu cầu nộp bản công chứng, doanh nghiệp sẽ hoặc phải thuê tư vấn để giúp soạn thảo hồ sơ hoặc phải làm việc với một cơ quan nhà nước khác để có được giấy tờ cần thiết. Với những yêu cầu về hồ sơ như vậy, doanh nghiệp sẽ cần tốn thêm thời gian hoặc/ và chi phí để hoàn thiện các yêu cầu của bộ hồ sơ, ví dụ: hoàn thiện và bổ sung những loại giấy tờ không có sẵn như Bản đề xuất dự án đầu tư và Giấy tờ thể hiện địa điểm đầu tư (xem Hộp 10)

Hộp 10: Thành phần hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư 2014 bao gồm:

Loại văn bản	*Chi tiết*	*Cách thức thực hiện*
Đơn đăng ký	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư	Có mẫu, nhà đầu tư có thể tải về từ internet, hoặc lấy bản cứng từ cơ quan quản lý đầu tư tại địa phương (Bộ phận một cửa Sở KHĐT, hoặc Trung tâm xúc tiến đầu tư
Bản đề xuất dự án đầu tư	Đề xuất dự án đầu tư Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư	Soạn thảo văn bản mới – không có mẫu, có thể phải thuê đơn vị tư vấn để soạn thảo và hoàn thiện những văn bản này
Giấy tờ chứng minh tư cách và năng lực của nhà đầu tư	Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư hoặc cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; hoặc cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; hoặc bảo lãnh về năng lực tài	Có sẵn, cần thu thập/ tổng hợp, photo, công chứng

	chính của nhà đầu tư; hoặc tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	
Giấy tờ thể hiện địa điểm đầu tư	Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); hoặc Thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (Dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất)	Soạn thảo văn bản mới – không có mẫu, ngoài ra nhà đầu tư thường phải làm việc với cơ quan quản lý đất đai địa phương, hoặc cơ quan quản lý xây dựng để có thông tin về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc được thoả thuận thuê địa điểm
Khác	Hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC	Có sẵn, cần thu thập/ tổng hợp, photo, công chứng

So sánh về thời gian thực hiện TTHC giữa các vùng miền, mặc dù các tỉnh thuộc vùng KTTĐ miền Trung có CPTT thấp nhất trên cả nước nhưng các tỉnh thuộc vùng KTTĐBắc bộ lại là nơi có thời gian thực hiện TTHC ngắn nhất, chỉ bằng 45,4% thời gian trung bình của cả nước. Đồng thời, cả ba vùng KTTĐ ĐBSCL, phía Nam và miền Trung đều có thời gian thực hiện TTHC thấp hơn thời gian trung bình trên cả nước (tương ứng 47,5%, 63,3% và 65,4%). Thời gian thực hiện thủ tục của địa phương có CPTT thấp nhất là 37,5 giờ - chỉ tương đương 29,9% thời gian trung bình trên cả nước. Khoảng cách giữa thời gian thực hiện TTHC của địa phương tốt nhất và địa phương kém nhất là 8,7 lần (xem Hình 34)

Xét một cách tổng quan đối với các TTHC Đầu tư, bước Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất. Thời gian cần thiết cho các bước Tìm hiểu thông tin, Nộp hồ sơ và Nhận kết quả đều tương đối ngắn ở tất cả các vùng và các địa phương. Điều này thể hiện tính hiệu quả và năng suất của công chức khi thực hiện và giải quyết các công việc thụ lý hồ sơ cũng như khi tiếp xúc với doanh nghiệp. Đáng lưu ý là tại địa phương có thời gian thực hiện TTHC lớn nhất, doanh nghiệp không phải mất nhiều thời gian cho các bước Tìm hiểu thông tin, Nộp hồ sơ và Nhận kết quả - thậm chí thời gian mà doanh nghiệp bỏ ra cho các bước trên còn ngắn hơn cả mức thời gian tương ứng của địa phương có thời gian thực hiện TTHC ngắn nhất. Thay vào đó, doanh nghiệp ở địa phương này mất rất nhiều thời gian cho bước Chuẩn bị hồ sơ. Nhiều doanh nghiệp tham gia khảo sát còn phản ánh rằng họ mất nhiều thời gian cho việc đi lại nhiều lần để hoàn thiện bộ hồ sơ đầy đủ để nộp cho CQNN bởi lẽ họ không nhận được sự hướng dẫn rõ ràng của CQNN.

Hình 34: Thời gian thực hiện trung bình của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng KTTĐ và địa phương

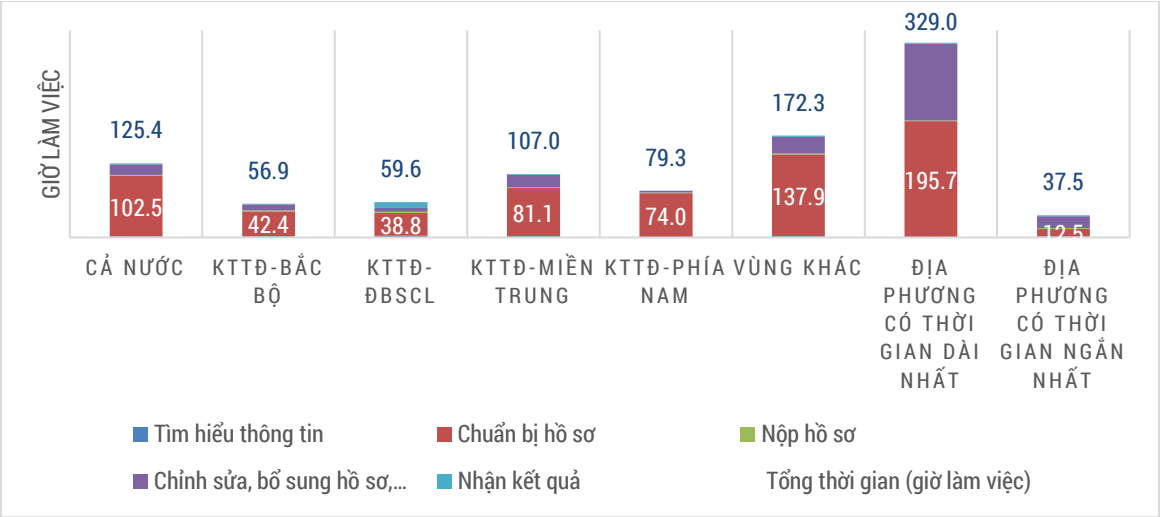

Như vậy, nếu tính địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tối đa về thời gian thực hiện thủ tục hành chính (100 điểm), hình dưới đây cho thấy khoảng cách để các vùng KTTĐ và cả nước đạt được kết quả tốt nhất. Dư địa để cả nước cải cách những thủ tục trong nhóm thủ tục này là rất nhiều khi kết quả trên cả nước mới chỉ đạt gần 30% điểm số của địa phương tốt nhất. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-Bắc bộ, và ĐBSCL có khoảng cách tới điểm tốt nhất là gần nhất, trong khi các vùng khác đều đang ở giữa của quãng đường cải cách.

Hình 35: Nhóm TTHC đầu tư – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

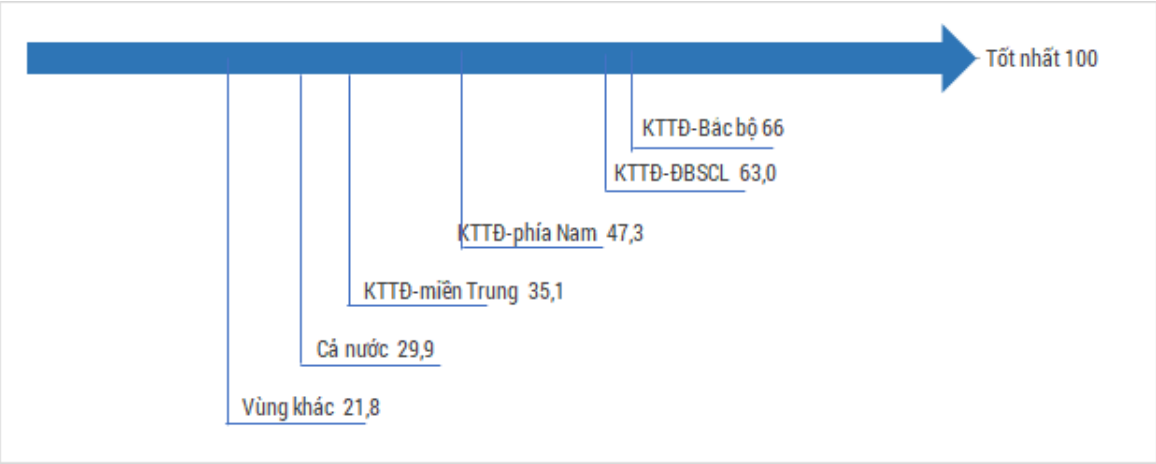

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Đầu tư có chi phí trực tiếp thuộc nhóm hiệu quả thấp khi đứng thứ sáu trong 8 nhóm thủ tục được điều tra, với chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 3.294,9 nghìn đồng, bằng 32,9% chi phí trực tiếp bình quân của tất cả 8 nhóm thủ tục trên cả nước (khoảng 10 triệu đồng).

Mặc dù quy định hiện hành không yêu cầu doanh nghiệp nộp bất cứ loại phí và lệ phí nào khi thực hiện các TTHC thuộc nhóm này, chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp phải chi trả cho các thủ tục thuộc nhóm TTHC Đầu tư lại thuộc nhóm cao. Khi nhìn vào yêu cầu về thành phần hồ sơ mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định của pháp luật về đầu tư, các loại chi phí mà doanh nghiệp thường phải bỏ ra là chi phí công chứng và chi phí thuê tư vấn chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư và/hoặc chi phí thực hiện thêm một thủ tục hành chính khác (xem Hộp 11). Nếu địa phương có chi phí trực tiếp nhiều nhất là khoảng 27,4 triệu đồng thì địa phương có chi phí trực tiếp ít nhất chỉ ở mức rất thấp là xấp xỉ 37 nghìn đồng. Những trường hợp doanh nghiệp được khảo sát chi trả chi phí thấp là khi họ chỉ trả chi phí cho việc công chứng giấy tờ theo yêu cầu của thủ tục.

Hộp 11: Chi phí trực tiếp của một doanh nghiệp khảo sát

- Chi phí thuê tư vấn lập dự án theo yêu cầu của cơ quan nhà nước: 0,1% tổng
- Chi phí công chứng, dịch thuật: 100 nghìn đồng – 10 triệu đồng
- Phí đo đạc địa chính: Chi phí đo đạc đất đai của sở TNMT:81 triệu đồng; Chi phí thuê trình bày, viết hồ sơ lập kế hoạch dự án: 20 triệu đồng
- Tham gia họp thẩm định, chi thù lao các thành viên tham gia họp

Vùng KTTĐ Bắc bộ - nơi có thời gian thực hiện thủ tục hành chính hiệu quả nhất (thấp hơn trung bình cả nước) lại có chi phí trực tiếp không hiệu quả như các vùng khác mặc dù thấp hơn trung bình cả nước.

Hình 36: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Đầu tư theo vùng, địa phương

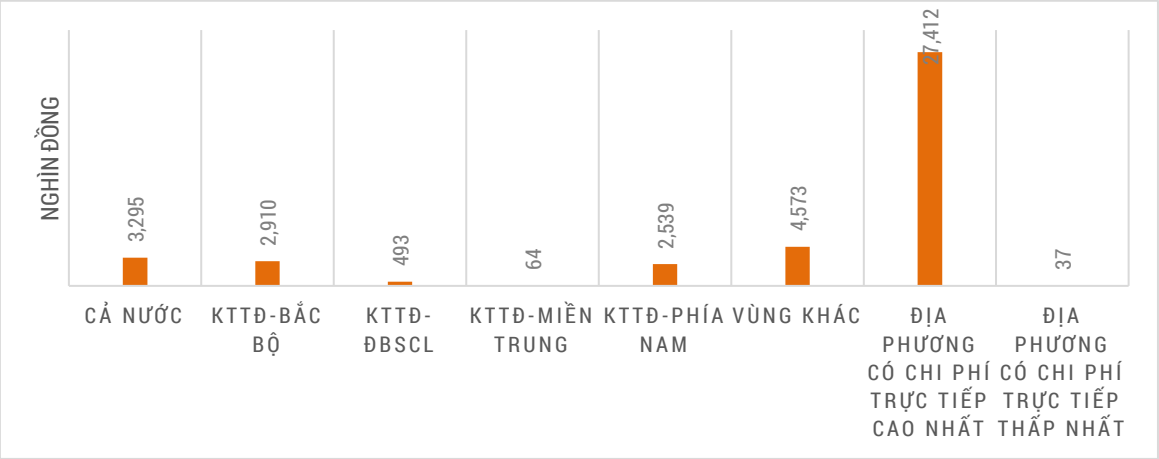

2.6.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Trên thế giới, trong lĩnh vực đầu tư đang có 2 chỉ số phổ biến được áp dụng để đánh giá mức độ thu hút đầu tư của các quốc gia là **Chỉ số về mức độ thu hút nhà đầu tư nước ngoài** và **Chỉ số dự đoán mức độ thu hút đầu tư nước ngoài** (FDI Confidence Index). Đối với Chỉ số về mức độ thu hút nhà đầu tư nước ngoài, việc tổng kết và xây dựng chỉ số mới chỉ dừng lại ở hoạt động thu thập dữ liệu về nguồn vốn FDI mà mỗi nước nhận được (đơn vị triệu Đô – la Mỹ, cập nhật đến 2016)[45]. Đối với Chỉ số dự đoán mức độ thu hút đầu tư nước ngoài – FDI

[45] UNCTAD (2016), FDI Inflow by Region and Economy, 1990 – 2016.

Confidence Index, phương pháp luận để xây dựng chỉ số có phần tương đồng với Chỉ số APCI đang được phân tích trong bản báo cáo này. Theo đó, việc đánh giá chỉ số sẽ là sự kết hợp giữa khảo sát quy định pháp lý cùng với khảo sát ý kiến của các nhà đầu tư nước ngoài[46].

Có thể thấy rằng, hoạt động phân tích CPTT của nhóm TTHC Đầu tư đang tiệm cận với xu hướng phân tích thực trạng của các chỉ số liên quan đến đầu tư của thế giới. Thực trạng rà soát việc thực hiện TTHC của các doanh nghiệp đã mô phỏng rõ nét bức tranh toàn cảnh về thực trạng quản lý đầu tư hiện nay. Mặc dù Chính phủ đã nỗ lực cải cách, thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc phát triển môi trường kinh doanh, tuy nhiên, việc thực hiện trên thực tế vẫn còn nhiều vướng mắc. Tương tự như vấn đề của các TTHC khác, khó khăn trong việc thực hiện TTHC Đầu tư đến từ việc thiếu thông tin về TTHC cũng như các yêu cầu, điều kiện của thủ tục đầu tư. Do đó, để thúc đẩy hoạt động đầu tư và giảm thiểu CPTT trong thực hiện TTHC Đầu tư thì cần thiết thực hiện những cải cách sau:

- Các văn bản pháp luật liên quan đầu tư cần được thiết kế và điều chỉnh theo hướng yêu cầu các điều kiện về đầu tư, cấp ưu đãi đầu tư; thủ tục đầu tư ở quy mô quốc gia và địa phương cần phải được công khai để cho doanh nghiệp dễ dàng thu thập thông tin. Có như vậy, chi phí về thời gian và chi phí trực tiếp cho bước Chuẩn bị hồ sơ và bước Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ sẽ được giảm xuống;

- Tiếp tục đơn giản hoá các TTHC Đầu tư theo hướng thực hiện liên thông và kết nối điện tử giữa TTHC Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Môi trường theo đúng tinh thần của các nghị quyết của Chính phủ. Hạn chế sự đùn đẩy, những nhiễu của các cơ quan hành chính thực hiện TTHC Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Môi trường;

- Công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC Đầu tư của cơ quan nhà nước để người dân, doanh nghiệp có thể nắm bắt được thông tin về việc chấp thuận dự án;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dự án đầu tư trực tiếp để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần thực hiện hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.

---

[46] Chỉ số này đánh giá mức độ rào cản về mặt pháp luật trong việc thu hút FDI tại 22 lĩnh vực trong nền kinh tế dựa trên 04 yếu tố: (i) Hạn chế về việc thành lập tổ chức của nhà đầu tư nước ngoài, (ii) hạn chế trong cơ chế xét duyệt đặc thù và cơ chế chấp thuận của CQNN đối với nhà đầu tư nước ngoài, (iii) hạn chế về nhân sự chủ chốt và về vận hành, và (iv) các hạn chế khác.

2.7. Nhóm TTHC liên quan đến Môi trường

Thứ hạng về CPTT	46,8 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
7	218,4 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	98% tổng thời gian	Dành cho Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa bổ sung hồ sơ
11 /100	59% tổng chi phí	Là những chi phí trực tiếp

2.7.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

Nhóm TTHC Môi trường[47] là nhóm có mức CPTT cao thứ hai trong 8 nhóm thủ tục được khảo sát, với mức CPTT của nhóm cao gấp 3,7 lần so với mức CPTT trung bình của 8 nhóm thủ tục hành chính được khảo sát (12,69 triệu đồng). Ở nhóm TTHC Môi trường, với mỗi 1 triệu đồng doanh nghiệp chi trả cho bất kỳ một thủ tục nào trong nhóm này, 0,59 triệu đồng là chi phí thời gian doanh nghiệp cần để hoàn thành hồ sơ và 0,41 triệu đồng là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp phải bỏ ra. Với những biến cố gần đây về ô nhiễm môi trường từ các dự án đầu tư của doanh nghiệp, Chính phủ đã khẳng định sự cần thiết phải quản lý chặt chẽ các TTHC Môi trường. Thông qua Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2017, Chính phủ đã chỉ đạo việc kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, kiên quyết không chấp thuận đầu tư, cấp phép, triển khai các dự án không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Nhóm TTHC Môi trường gồm những thủ tục hành chính doanh nghiệp cần phải thực hiện để được phép thực hiện dự án đầu tư và đưa dự án đầu tư vào hoạt động. Tùy theo quy mô của dự án đầu tư, chủ đầu tư sẽ phải thực hiện những thủ tục hành chính phù hợp theo pháp luật về môi trường. Đây là những thủ tục hành chính được coi là nền tảng để cơ quan nhà nước theo dõi và giám sát việc thực thi pháp luật về môi trường của doanh nghiệp, và cũng là những thủ tục hành chính phổ biến nhất đối với những doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư.

---

[47] Các thủ tục được khảo sát: Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; và Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

2.7.2. Sự khác biệt ở các địa phương

Hình 37 so sánh CPTT của nhóm TTHC Môi trường giữa các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ là nơi mà các doanh nghiệp có thể thực hiện các TTHC Môi trường với CPTT thấp nhất trên cả nước, chỉ bằng 30,4% CPTT của nhóm thủ tục này trên cả nước. CPTT của địa phương tốt nhất trên cả nước thấp hơn (bằng 49%) CPTT của các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ. Trong khi đó, CPTT của địa phương cao nhất vượt xa mức chi phí của tất cả các vùng KTTĐ, gấp hơn ba lần CPTT trên cả nước và gấp 20,6 lần mức CPTT của địa phương tốt nhất.

Hình 37: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương

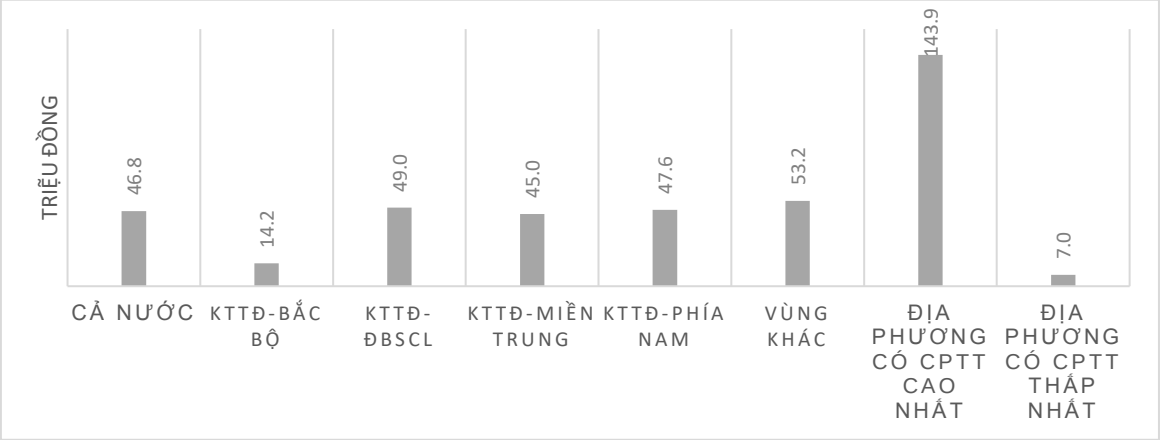

2.7.3. Các chỉ số thành phần

Hai chỉ số thành phần của chỉ số APCI của nhóm TTHC Môi trường có tỷ trọng chi phí trực tiếp cao hơn chi phí thời gian thực hiện. Điều này tương đồng với việc doanh nghiệp cần phải thuê tư vấn đủ năng lực để thực hiện các yêu cầu về hồ sơ với chi phí cao hơn chi phí thời gian mà doanh nghiệp phải bỏ ra. Với tỷ trọng như vậy, chi phí trực tiếp chi phối thứ hạng của chỉ số APCI nhiều hơn chi phí thời gian. Do đó, khi một địa phương có chi phí trực tiếp thấp thì CPTT của địa phương đó sẽ thấp và khi một địa phương, như địa phương đang có CPTT cao nhất, có chi phí trực tiếp cao thì CPTT của địa phương đó sẽ cao. Đáng lưu ý là chi phí ở các tỉnh thuộc vùng KTTĐ-Bắc bộ có chi phí trực tiếp chỉ chiếm 13% tổng CPTT của vùng này và cũng là vùng có chi phí trực tiếp thấp nhất so với các vùng khác trên cả nước.

Hình 38: Chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm TTHC Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương

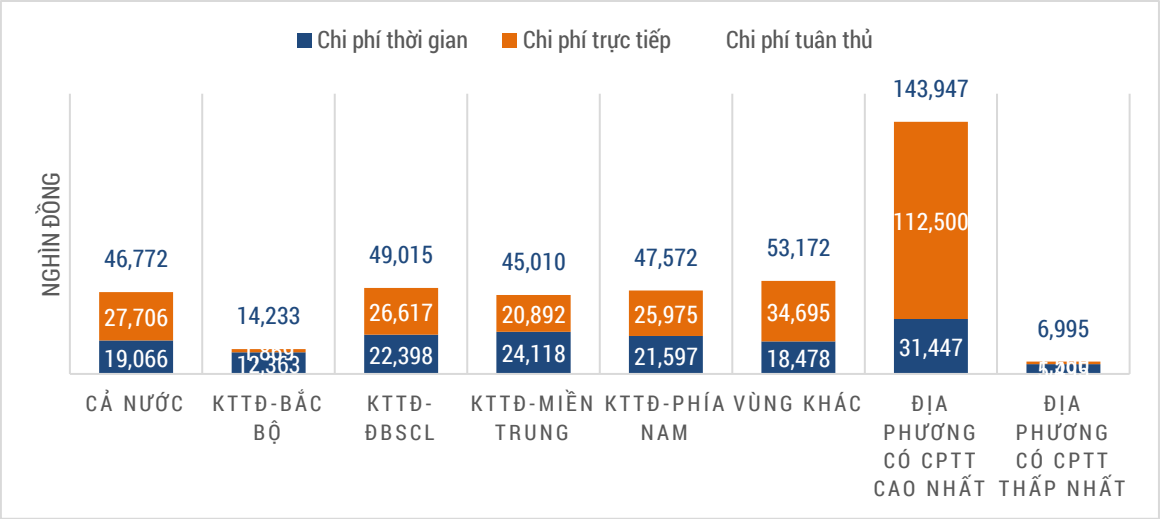

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Môi trường có thời gian thực hiện dài nhất trong 8 nhóm TTHC được điều tra, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 218,4 giờ, so với 63,3 giờ làm việc bình quân của tất cả 8 nhóm TTHC trên cả nước, và đặc biệt gấp hơn 75 lần thời gian của nhóm thủ tục hiệu quả nhất. Đáng lưu ý là thời gian doanh nghiệp sử dụng để thực hiện hai bước i) Chuẩn bị hồ sơ và ii) Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ chiếm đến gần 95% trong gần tổng số 218,4 giờ làm việc của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Môi trường. Đối với một số TTHC Môi trường, ví dụ như thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, một hội đồng thẩm định sẽ được thành lập để thẩm định hồ sơ của doanh nghiệp. Theo các doanh nghiệp, họ đã phải dành nhiều thời gian để thực hiện chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ sau khi có ý kiến thẩm định của hội đồng yêu cầu. Tương tự như hầu hết các nhóm TTHC khác, các bước khác như tìm hiểu thông tin, nộp hồ sơ và nhận hồ sơ đang được thực hiện hiệu quả, trong khoảng từ 0,5 – 2,0 giờ làm việc cho mỗi bước.

Hình 39: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm Môi trường

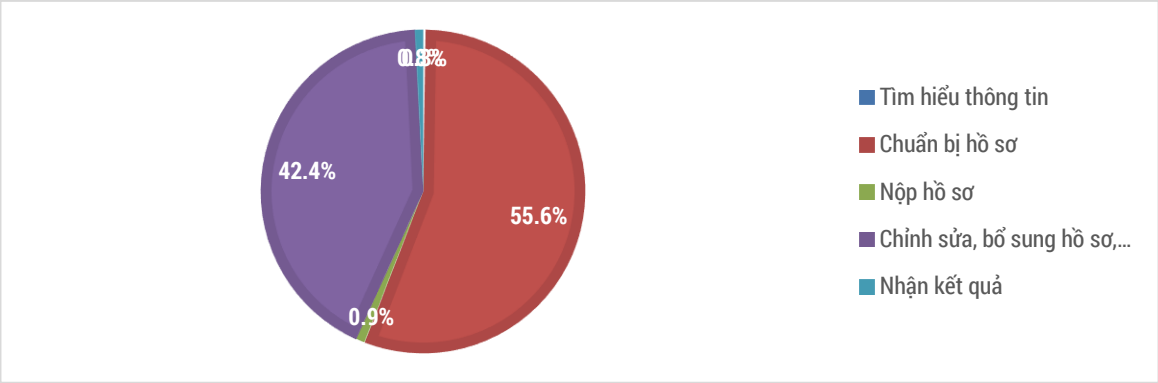

Thời gian cho bước Chuẩn bị hồ sơ sẽ tùy theo yêu cầu của từng loại TTHC. Theo khảo sát, thời gian doanh nghiệp cần để chuẩn bị hoàn chỉnh một bộ hồ sơ Xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường (thường gồm hai loại giấy tờ: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường với trang bìa và yêu cầu về nội dung thực hiện theo mẫu và Báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) trung bình là 70 giờ làm việc.

Thời gian chuẩn bị hồ sơ cho thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường còn dài hơn gấp ba lần, do độ phức tạp và yêu cầu của pháp luật hiện hành đối với thủ tục này. Trong quá trình chuẩn bị hồ sơ đối với thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, doanh nghiệp còn phải thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư nơi chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Việc tham vấn được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng dân cư do chủ dự án và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của đại diện Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản được UBND cấp xã triệu tập. Những cuộc tham vấn như vậy thường được tổ chức trong khoảng một buổi, gồm 2 đại diện của doanh nghiệp và 7 đại diện cộng đồng dân cư. Bên cạnh thù lao cho các đại biểu tham gia, doanh nghiệp cũng phải chịu chi phí logistics làm tăng chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp phải chi trả.

Sau khi nộp bộ hồ sơ, cơ quan thẩm định sẽ có thể tiến hành các hoạt động sau đây: a) Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; b) Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; c) Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; d) Tổ chức các cuộc họp đánh giá theo chuyên đề. Tất cả những hoạt động này nếu được tiến hành đều cần có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp và tư vấn môi trường của doanh nghiệp, do đó sẽ phát sinh cả chi phí thời gian lẫn chi phí trực tiếp của doanh nghiệp.

Nếu tính địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tốt đa về thời gian thực hiện thủ tục hành chính, Hình 40 dưới đây cho thấy khoảng cách để các vùng KTTĐ và cả nước đạt được kết quả tốt nhất. Dư địa để cả nước cải cách những thủ tục trong nhóm thủ tục này là rất nhiều khi nhiều vùng KTTĐ mới chỉ đạt 50% điểm số của địa phương tốt nhất. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ gần nhất với thực tiễn tốt, trong khi các vùng khác đều đang ở giữa của quãng đường cải cách.

Hình 40: Nhóm TTHC Môi trường – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

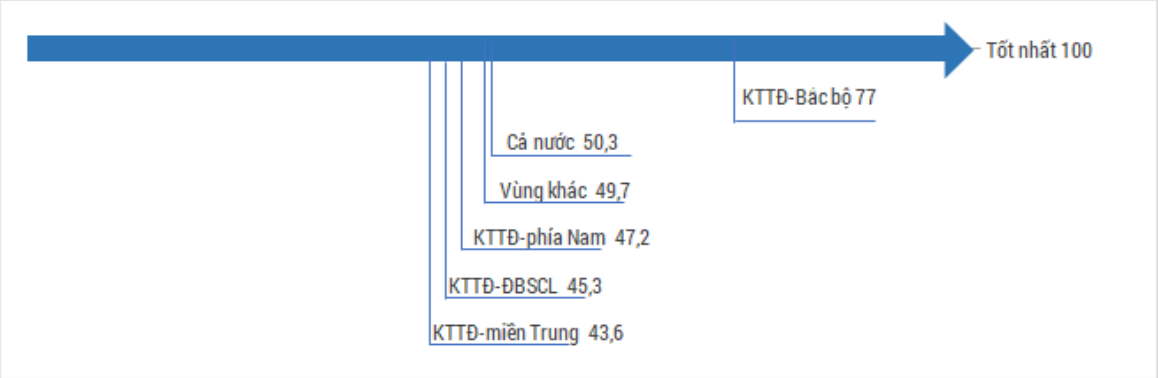

2.7.4. Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Môi trường có chi phí trực tiếp thuộc nhóm cao, đứng thứ 2 trong 8 nhóm thủ tục được điều tra, với chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 27.705 triệu

đồng, bằng 80% chi phí trực tiếp bình quân của tất cả 8 nhóm thủ tục trên cả nước (10 triệu đồng), và so với 0 đồng của nhóm thủ tục hiệu quả nhất. Chi phí trực tiếp của doanh nghiệp khi thực hiện nhóm TTHC Môi trường bao gồm chi phí thuê tư vấn lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, các chi phí liên quan đến tham vấn cộng đồng, chi phí tổ chức họp thẩm định. Những chi phí này tỷ lệ thuận với độ khó và quy mô của dự án. Nếu địa phương có chi phí trực tiếp nhiều nhất là 112,5 triệu đồng thì địa phương có chi phí trực tiếp ít nhất chỉ ở mức rất thấp 1,5 triệu đồng.

Hình 41: Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC nhóm TTHC Môi trường theo vùng KTTĐ và địa phương

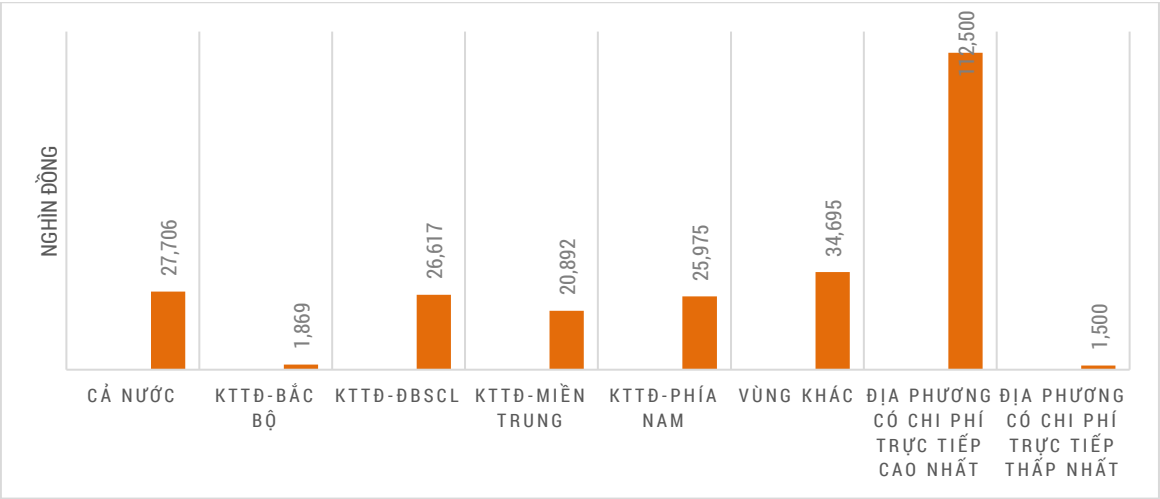

2.7.5. Bài học cải cách và khuyến nghị

Thủ tướng nhấn mạnh "*Kiên quyết không vì lợi ích kinh tế trước mắt mà đánh đổi môi trường, cuộc sống bình yên của người dân*"[48]. Mặc dù được tạo điều kiện về môi trường đầu tư, nhà đầu tư vẫn phải thực hiện các điều kiện khi đầu tư, trong đó có điều kiện về bảo vệ môi trường. TTHC Môi trường cần tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư dễ dàng thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Chính phủ đã và đang có những chiến lược cải cách TTHC môi trường mạnh mẽ như xúc tiến điện tử hóa trong thủ tục cấp chứng nhận đánh giá tác động môi trường theo Nghị quyết số 36a/2015 ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử.

Do đó, để thúc đẩy hoạt động đầu tư và giảm thiểu CPTT trong thực hiện TTHC Môi trường thì cần thiết thực hiện những cải cách sau:

- Các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường cần được đồng bộ với các quy định về điều kiện về đầu tư, cấp ưu đãi đầu tư và thủ tục đầu tư ở quy mô quốc gia và địa phương. Các quy định về bảo vệ môi trường cần phải được công khai để cho doanh nghiệp có thể dễ dàng thu thập thông tin và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Tương tự như nhóm TTHC Đầu tư, nếu cải cách các quy định về bảo vệ môi trường theo hướng này thì chi phí về thời gian và chi phí trực tiếp cho bước Chuẩn bị hồ sơ và bước Sửa đổi, bổ sung hồ sơ của TTHC Môi trường sẽ được giảm xuống;

---

[48] Vietnamnet, Thủ tướng: Không đánh đổi môi trường vì lợi ích trước mắt, 24/08/2016, http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/thu-tuong-khong-danh-doi-moi-truong-vi-loi-ich-truoc-mat-322872.html

- Tiếp tục đơn giản hoá các TTHC Môi trường cùng với các TTHC Đầu tư, Đất đai và Xây dựng theo đúng tinh thần của các nghị quyết của Chính phủ. Hạn chế sự đùn đẩy, nhũng nhiễu của các cơ quan hành chính thực hiện TTHC Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Môi trường;
- Công khai tiến độ thực hiện TTHC Môi trường từ cơ quan nhà nước để người dân, doanh nghiệp có thể nắm bắt được thông tin về việc chấp thuận dự án.

2.8. Nhóm TTHC liên quan đến Xây dựng

Thứ hạng về CPTT	64,1 triệu đồng	Chi phí tuân thủ trung bình của một lần thực hiện
8	108,9 giờ làm việc	Để thực hiện thủ tục *(từ Tìm hiểu thông tin đến Nhận kết quả)*
Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất	67% tổng thời gian	Dành cho **Chuẩn bị hồ sơ**
5/100	93% tổng chi phí	Là những **chi phí trực tiếp**

2.8.1. Thứ hạng trong 8 nhóm thủ tục hành chính

Nhóm TTHC Xây dựng [49] là nhóm TTHC có CPTT cao nhất trong nhóm các TTHC. Kết quả khảo sát 309 doanh nghiệp cho thấy CPTT trung bình của TTHC Xây dựng cao nhất (khoảng 64,1 triệu đồng), gấp 869 lần so với CPTT trung bình của TTHC trong lĩnh vực thuế (khoảng 73,7 nghìn đồng) và gấp hơn 5 lần so với CPTT trung bình của 8 nhóm TTHC được khảo sát (xem Hình 1).

Để cải cách cho các TTHC trong lĩnh vực xây dựng được thực hiện tốt hơn, Chính phủ đã ban hành nhiều Đề án, Nghị quyết về cải cách thủ tục hành chính, trong đó lĩnh vực xây dựng là một trong các lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong việc cải cách: Xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc cấp giấy phép xây dựng[50]; giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng); kết hợp thực hiện lồng ghép thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy với thủ tục thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng[51].

---

[49] Nhóm TTHC xây dựng bao gồm 4 thủ tục: (i) Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (trừ thiết kế công nghệ và và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng; (ii) Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn khác; (iii) Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước (đối với dự án sử dụng vốn khác); (iv) Cấp giấy phép xây dựng.

[50] Nghị quyết 36a/2015/NQ-CP về Chính phủ điện tử

[51] Nghị quyết 19/2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 do Chính phủ ban hành.

2.8.2. Sự khác biệt ở các địa phương

Nhìn vào Hình 42 về CPTT trung bình của một TTHC Xây dựng, có thể thấy sự chênh lệch đáng kể về CPTT giữa các địa phương. Các tỉnh tại vùng KTTĐ Bắc bộ có mức CPTT cao nhất, gấp gần 2,3 lần so với mức trung bình trên cả nước. Trong khi đó, mức CPTT tại các tỉnh vùng KTTĐ phía Nam chỉ tương đương 20% mặt bằng chung toàn quốc về CPTT. Mặt khác, mức CPTT tại các tỉnh thuộc vùng KTTĐ miền Trung lại xấp xỉ mức trung bình trên cả nước. Khi xét đến từng địa phương cụ thể, tỉnh có mức CPTT lớn nhất khi vượt mức CPTT trung bình cả nước 4 lần và gấp địa phương có mức CPTT nhỏ nhất 20,5 lần.

Hình 42: CPTT trung bình của một TTHC nhóm Xây dựng

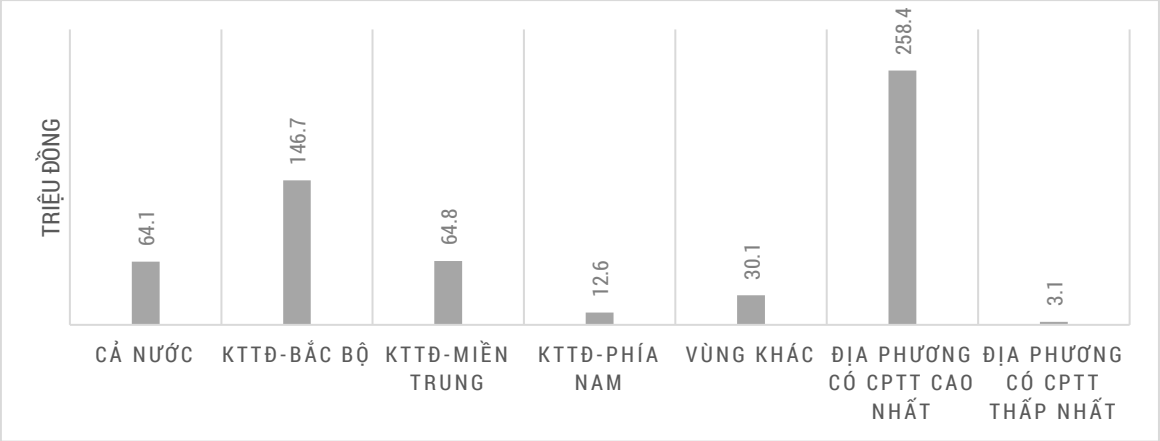

2.8.3. Các chỉ số thành phần

Đối với nhóm TTHC Xây dựng, chi phí trực tiếp chiếm phần lớn trong mức CPTT mà doanh nghiệp phải bỏ ra (93%) (xem Hình 43), ngược lại với cơ cấu CPTT của nhóm TTHC Thuế. Theo doanh nghiệp, chi phí trực tiếp cao do các doanh nghiệp mất nhiều chi phí trong việc thuê các đơn vị tư vấn trong công tác chuẩn bị hồ sơ cũng như chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện chỉ chiếm 6% trong CPTT của TTHC Xây dựng nhưng số thời gian thực hiện này vẫn thuộc top 5 các TTHC tốn nhiều thời gian thực hiện nhất (108,9 giờ), gấp 1,72 lần khoảng thời gian để thực hiện TTHC trong các lĩnh vực và gấp xấp xỉ 37 lần nhóm TTHC Thuế có thời gian thực hiện nhanh nhất (xem Hình 4).

Hình 43: Tỷ trọng giữa chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Xây dựng

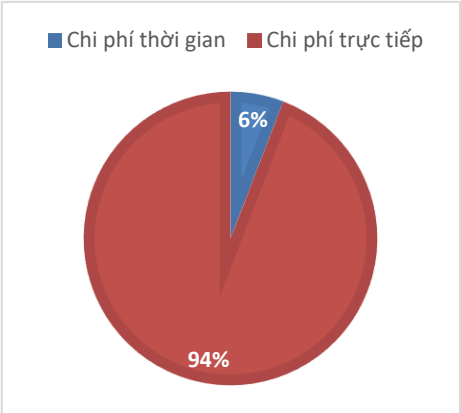

Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ cần nhiều thời gian để thực hiện TTHC là do mất nhiều thời gian để tham gia chuẩn bị hồ sơ cùng với quá trình làm việc với đơn vị tư vấn để chuẩn bị bản vẽ, thiết kế, đi khảo sát thực địa… Bên cạnh đó, công tác chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cũng đòi hỏi nhiều thời gian thực hiện để phù hợp với quy hoạch địa phương, các yêu cầu về kỹ thuật đối với công trình. Đây

chính là hai bước chiếm nhiều thời gian thực hiện nhất trong tổng thời gian thực hiện TTHC Xây dựng (Hình 44). Trên thực tế, quá trình chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ có bao gồm công đoạn trao đổi trực tiếp với cán bộ thẩm định, điển hình có những doanh nghiệp chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của CQNN mất 200 giờ làm việc hoặc phải mất 4 lần chỉnh sửa để hoàn thiện lại hồ sơ, từ đó gia tăng số thời gian thực hiện TTHC.

Tại địa phương có thực tiễn tốt nhất trong việc thực hiện TTHC Xây dựng, thời gian để hoàn thành TTHC Xây dựng chỉ xấp xỉ 1/3 so với mức trung bình của cả nước, đặc biệt thời gian để chuẩn bị hồ sơ chỉ tương đương 12,8% thời gian chuẩn bị hồ sơ trung bình trên cả nước. Trái lại, tỉnh mất nhiều thời gian thực hiện TTHC nhất có thời gian chuẩn bị hồ sơ là 313,4 giờ (trường hợp mất nhiều thời gian nhất tại tỉnh này là 320 giờ), nhiều hơn mức trung bình của cả nước 4,26 lần. Khi xem xét giữa các khu vực, các tỉnh thành thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ có thời gian bình quân thực hiện TTHC cao hơn thời gian thực hiện trung bình trên toàn quốc 1,7 lần và cao hơn khu vực có thời gian thực hiện thấp nhất 6,2 lần.

Hình 44: Thời gian thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng theo các bước tại vùng KTTĐ và địa phương

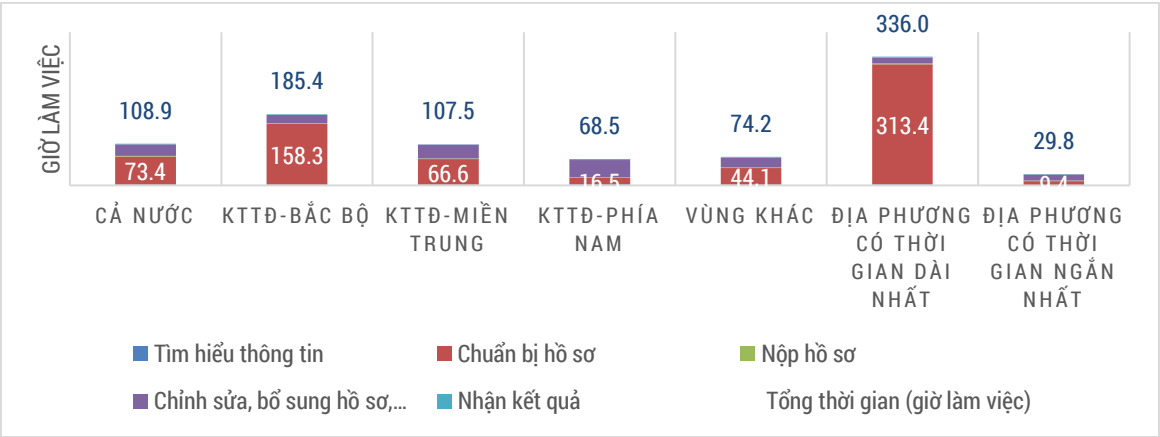

Như vậy, nếu tính địa phương tốt nhất trong cả nước đạt điểm tối đa về thời gian thực hiện thủ tục hành chính (100 điểm), hình dưới đây cho thấy khoảng cách để các vùng KTTĐ và cả nước đạt được kết quả tốt nhất. Dư địa cải cách những thủ tục trong nhóm thủ tục này là rất nhiều khi kết quả trên cả nước cho thấy mới chỉ đạt gần 43% điểm số của địa phương tốt nhất. Các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Phía Nam có khoảng cách tới điểm tốt nhất là gần nhất, trong khi các tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc bộ đang ở giữa của quãng đường cải cách (Hình 45).

Hình 45: Nhóm TTHC Xây dựng – Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất

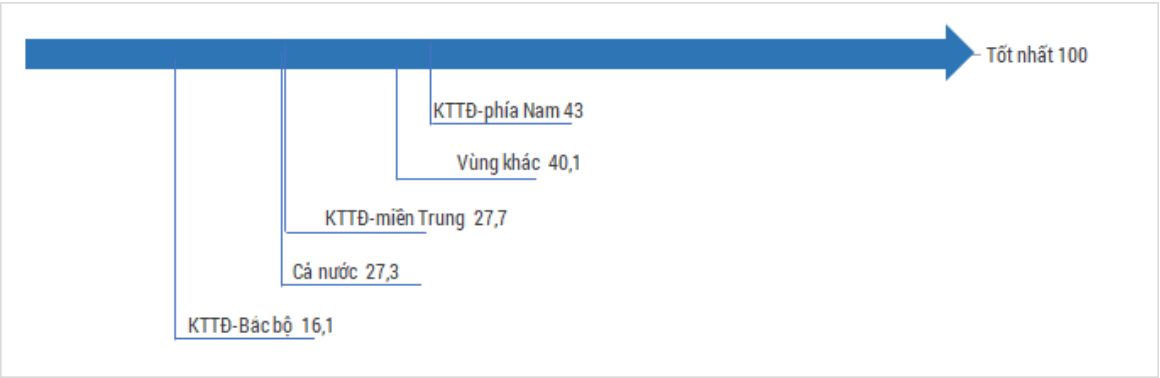

Nhóm TTHC Xây dựng có chi phí trực tiếp cao nhất trong 8 nhóm thủ tục được khảo sát, với chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là hơn 59,8 triệu đồng. Chi phí trực tiếp của doanh nghiệp khi thực hiện nhóm TTHC Xây dựng thường tập trung vào giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, chi phí thuê thiết kế, chi phí thuê tư vấn để thực hiện thủ tục xin ý kiến của cơ quan phòng cháy chữa cháy, chi phí thuê tư vấn thực hiện thủ tục báo cáo đánh giá tác động môi trường, lệ phí thẩm định hồ sơ. Những chi phí này tỷ lệ thuận với độ khó và quy mô, tổng mức đầu tư của dự án xây dựng. Đặc biệt, trong quá trình khảo sát có nhiều trường hợp chi phí trực tiếp lên đến hàng tỷ đồng.

Nếu địa phương có chi phí trực tiếp nhiều nhất là 255 triệu đồng thì địa phương có chi phí trực tiếp ít nhất chỉ ở mức rất thấp 440 nghìn đồng. Lý do cho mức chênh lệch giữa địa phương có chi phí trực tiếp nhiều nhất và địa phương chi phí ít nhất là do người trả lời khảo sát e ngại công khai đầy đủ chi phí trực tiếp khi thực hiện TTHC.

Hình 46: Chi phí trực tiếp của một TTHC nhóm Xây dựng theo các vùng KTTĐ và địa phương

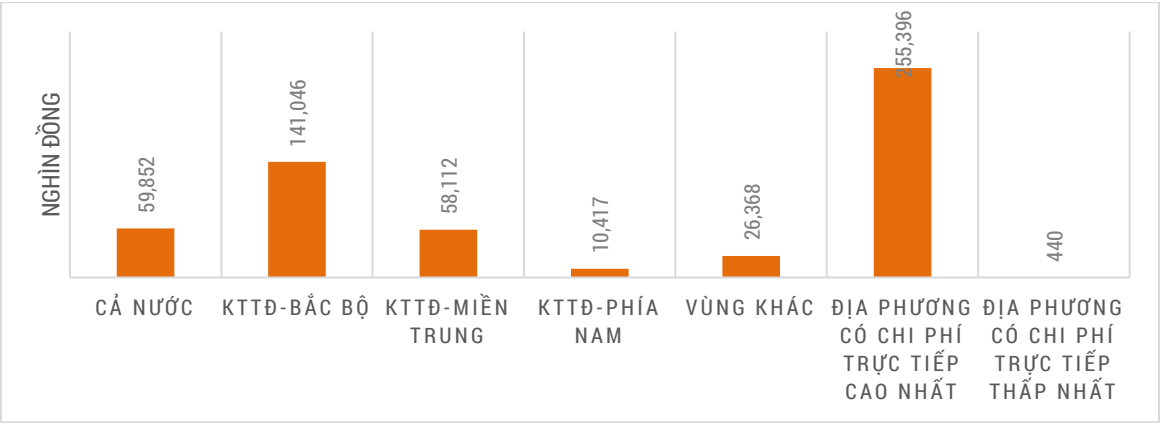

Một số doanh nghiệp cho biết chi phí trực tiếp của TTHC Xây dựng cao không chỉ bắt nguồn từ chi phí thuê tư vấn mà còn xuất phát các yêu cầu pháp luật về quy hoạch tại các địa phương, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng không được rõ ràng, thống nhất và phụ thuộc nhiều vào công tác thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước. Dẫn đến chi phí cho việc chuẩn bị hồ sơ lẫn chỉnh sửa hồ sơ thực hiện các TTHC Xây dựng cao, bao gồm cả chi phí chính thức trả cho tư vấn lẫn chi phí không chính thức. Nếu công khai các thông tin về quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được rõ ràng, chi phí trực tiếp chắc chắn sẽ giảm xuống.

2.8.4. Bài học cải cách và khuyến nghị

Việt Nam hiện đang có tốc độ phát triển ngành xây dựng khá cao. Hoạt động xây dựng diễn ra nhiều trên khắp cả nước và thúc đẩy các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh khác[52]. Các TTHC Xây dựng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy các hoạt động xây dựng. Theo kết quả khảo sát, các TTHC Xây dựng còn nhiều vấn đề cần phải cải cách hơn

[52] Báo Đấu thầu, Thủ tướng dự hội nghị triển khai kế hoạch năm 2018 ngành Xây dựng, 16/01/2018, http://baodauthau.vn/thoi-su/thu-tuong-du-hoi-nghi-trien-khai-ke-hoach-nam-2018-nganh-xay-dung-61551.html

nữa cho dù chỉ số về cấp phép xây dựng của Việt Nam được đánh giá có nhiều tiến bộ trong những năm gần đây theo Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới[53].

Chính phủ đã có những nghị quyết, chỉ đạo cụ thể sát sao đối với các TTHC Xây dựng, như Nghị quyết số 36a/2015, Nghị quyết số 35/2016, các Nghị quyết số 19 của các năm 2015, 2016, 2017 và 2018. Các nghị quyết này yêu cầu phải tiếp tục rà soát, cải cách quy trình, TTHC về cấp phép xây dựng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng), lồng ghép các TTHC chuyên ngành có liên quan trong quy trình cấp phép xây dựng. Gần đây, Bộ Xây dựng cũng có chủ trương giảm 49/90 thủ tục, đơn giản hoá 22 thủ tục hành chính, bãi bỏ trên 41,3% và đơn giản hoá 43,7% điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng[54]. Những chính sách, hành động này cũng đã góp phần cải thiện phần nào tình hình thực tế về thực hiện các TTHC Xây dựng nhưng thực tiễn vẫn đòi hỏi sự quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện của Chính phủ, Bộ Xây dựng và bộ, ngành liên quan. Có như vậy, doanh nghiệp mới có thể thực hiện thuận lợi trong hoạt động đầu tư, xây dựng và giảm được CPTT trong lĩnh vực xây dựng, bao gồm cả chi phí thời gian và chi phí trực tiếp, hạn chế được những tiêu cực trong việc thực hiện các TTHC Xây dựng.

Dựa trên phương pháp phân tích CPTT, các TTHC Xây dựng cần thiết thực hiện những cải cách sau:

- TTHC Xây dựng cần phải đồng bộ với các TTHC Đầu tư, Môi trường và Đất đai cũng như các quy định về điều kiện về đầu tư, cấp ưu đãi đầu tư và thủ tục đầu tư ở quy mô quốc gia và địa phương. Các quy định về điều kiện xây dựng, quy hoạch xây dựng, phải được công khai để cho doanh nghiệp dễ dàng thu thập thông tin và thực hiện đúng các quy định về xây dựng và giảm được chi phí cho việc Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Tương tự như các nhóm TTHC Đầu tư và Môi trường, nếu cải cách các quy định xây dựng theo hướng này thì chi phí về thời gian và chi phí trực tiếp cho bước Chuẩn bị hồ sơ và bước Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của TTHC Xây dựng sẽ giảm nhiều;

- Việc công khai các thông tin về quy hoạch xây dựng, điều kiện xây dựng…không chỉ làm giảm thời gian thực hiện TTHC Xây dựng mà còn giảm được chi phí trực tiếp do phí thuê thiết kế, giải trình giảm xuống. Tiếp tục đơn giản hoá các TTHC Xây dựng cùng với các TTHC Đầu tư, Đất đai và Môi trường theo đúng tinh thần của các nghị quyết của Chính phủ. Hạn chế sự đùn đẩy, những nhiễu của các cơ quan hành chính thực hiện TTHC Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Môi trường;

- Công khai tiến độ thực hiện TTHC Xây dựng về cấp phép xây dựng từ cơ quan nhà nước để người dân, doanh nghiệp có thể nắm bắt được thông tin về việc chấp thuận dự án.

---

[53] So với năm 2016, Việt Nam tăng 4 bậc trong năm 2017 đối với chỉ số Giấy phép xây dựng của Báo cáo Môi trường kinh doanh. Hiện tại Việt Nam đứng thứ 20/190 nền kinh tế về chỉ số Giấy phép xây dựng Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh 2017, trang 26-37; Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018, trang 12-20.

[54] Báo Đấu thầu, Thủ tướng dự hội nghị triển khai kế hoạch năm 2018 ngành Xây dựng, 16/01/2018, http://baodauthau.vn/thoi-su/thu-tuong-du-hoi-nghi-trien-khai-ke-hoach-nam-2018-nganh-xay-dung-61551.html

PHỤ LỤC 1: CÁCH THỨC THỰC HIỆN VÀ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ APCI

GIỚI THIỆU

Chi phí tuân thủ TTHC là chi phí mà cá nhân, tổ chức phải gánh chịu để tuân thủ các quy định của một TTHC nhất định. Tính toán CPTT TTHC là việc lượng hóa các chi phí về thời gian, chi phí vật chất mà cá nhân, tổ chức bỏ ra để thực hiện TTHC. Phương pháp xây dựng chỉ số APCI và tổ chức thực hiện nghiên cứu được bám sát theo đúng Đề án 383 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC[55].

Theo Đề án 383, mục đích, ý nghĩa của việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC nhằm lượng hóa cụ thể các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra để tuân thủ quy định về TTHC; trên cơ sở đó, tìm, xác định và lựa chọn giải pháp hiệu quả nhất, thiết thực nhất theo hướng giảm gánh nặng hành chính tối đa cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

Mô hình chi phí chuẩn (Standard Cost Model - SCM) hiện là một phương pháp phổ biến về đo lường các chi phí hành chính được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Điểm nổi bật của mô hình SCM là định danh và định lượng những chi phí của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, từ đó giúp loại bỏ những chi phí không cần thiết, giảm nhẹ gánh nặng thực thi cho cá nhân, tổ chức[56].

Chỉ số APCI sử dụng phương pháp đo lường CPTT dựa trên hoạt động thực tế để tính toán một cách tổng thể các gánh nặng hành chính. Những kết quả đo lường này sẽ lượng hóa các nỗ lực đơn giản hóa TTHC của các cơ quan nhà nước, trong đó kết quả cho thấy các quy định cụ thể có ảnh hưởng như thế nào với doanh nghiệp[57] .

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHỈ SỐ APCI

Chỉ số APCI được xây dựng bằng cách kết hợp phương pháp tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-BTP và việc khảo sát đối tượng thực hiện TTHC (phương pháp thu thập dữ liệu đầu vào thông qua thực tế việc thực hiện TTHC từ góc độ của cộng đồng doanh nghiệp).

Cách tính chi phí tuân thủ TTHC: định danh và định lượng những chi phí của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC để loại bỏ chi phí không cần thiết, giảm nhẹ gánh nặng thực thi cho doanh nghiệp

---

[55] Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

[56] Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

[57] Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Hình 1: Công thức tính CPTT theo Thông tư 07/2014/TT-BTP

Công thức tính chi phí tuân thủ một thủ tục hành chính

Chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính	=	Chi phí thực hiện các công việc cần thiết theo quy định để có kết quả của thủ tục hành chính đó	+	Phí, lệ phí và các chi phí khác theo quy định (nếu có)

Công thức tính tổng chi phí tuân thủ một thủ tục hành chính trong một năm

Tổng chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính trong 01 năm	=	Chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính	x	Số lần thực hiện theo quy định trong 01 năm	x	Số lượng đối tượng tuân thủ thủ tục hành chính đó trong 01 năm

Chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá bằng cách xem xét và ghi lại tất cả các yêu cầu điều kiện và các TTHC chính thức (theo quy định của pháp luật hiện hành), và/ hoặc thông thường được thực hiện trong thực tế đối với một doanh nghiệp để có được kết của TTHC (có thể là giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định/ văn bản hành chính của cơ quan nhà nước...). Quá trình này bao gồm các hoạt động mà doanh nghiệp phải trải qua từ khi bắt đầu tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bộ hồ sơ, cho đến khi nhận được kết quả cuối cùng và cả việc hoàn thành bất kỳ yêu cầu kiểm tra, xác minh thông tin, hoặc bổ sung giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan thụ lý TTHC (Hình 2). Chi phí này là chi phí bằng tiền hoặc thời gian làm việc được quy đổi ra tiền.

Hình 2: Đo lường APCI

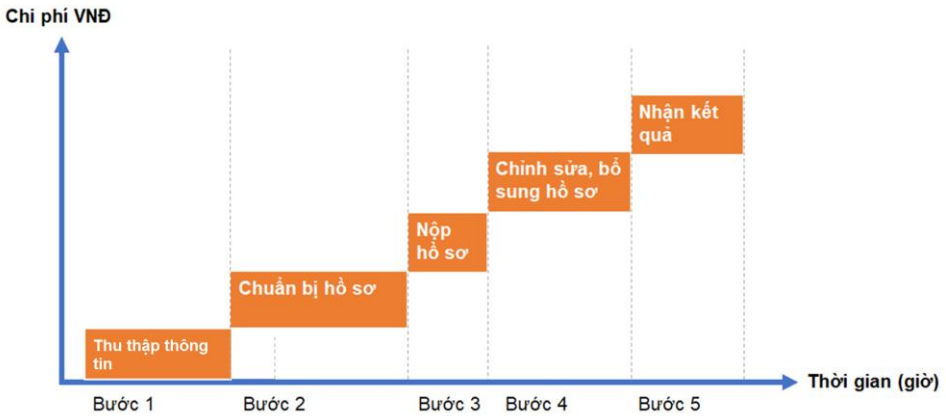

Thời gian thực hiện cho từng bước theo 5 bước sau. Thời gian sẽ được quy đổi thành chi phí theo giả định về chi phí ngày công:

- **Bước 1**: Thu thập thông tin (bao gồm các công việc cần thiết để Doanh nghiệp hiểu rõ về thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục. Các phương thức thu thập thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động thu thập thông tin trực tiếp, gián tiếp và qua các kênh thông tin khác nhau…)

- **Bước 2**: Chuẩn bị hồ sơ (bao gồm các hoạt động thu thập và tổng hợp thông tin để thỏa mãn các yêu cầu hồ sơ để nộp thủ tục hành chính. Việc thu thập và tổng hợp thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động điền mẫu biểu, phô tô, công chứng, dịch thuật tài liệu, thực hiện một số thủ tục/ giấy phép con để hoàn thành bộ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.)

- **Bước 3**: Nộp hồ sơ (bao gồm các hoạt động nộp hồ sơ đã chuẩn bị theo hướng dẫn cơ quan nhà nước thụ lý hồ sơ. Việc nộp hồ sơ có thể được thực hiện theo ba cách: i) đến nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước, ii) nộp trực tuyến qua internet (đối với các thủ tục cấp độ 3, và cơ quan nhà nước có cổng thông tin trực tuyến để thực hiện việc này), và iii) nộp qua đường bưu điện.)

- **Bước 4**: Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (bao gồm các hoạt động sửa đổi hồ sơ, bổ sung giấy tờ và nộp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước thụ lý hồ sơ. Các hoạt động thẩm tra thực địa, họp hội đồng thẩm định,.. theo yêu cầu của quá trình thẩm định hồ sơ cũng sẽ bao gồm trong bước này.)

- **Bước 5**: Nhận kết quả (bao gồm các hoạt động tiếp nhận kết quả theo ngày hẹn của cơ quan nhà nước tại địa điểm được hướng dẫn. Một số các hoạt động cần thiết như thông báo/ công bố thông tin trên các phương tiện thông tin được chỉ định theo luật để hoàn tất quá trình thực hiện thủ tục hành chính nhưng không dẫn đến một thủ tục hành chính khác cũng sẽ được bao gồm trong bước này).

Chi phí trực tiếp: các loại chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả cho một bên khác để thực hiện yêu cầu về hồ sơ ở từng bước thực hiện. Chi phí trực tiếp có thể bao gồm các khoản phí, lệ phí chính thức theo quy định, nhưng không bao gồm các khoản thuế (môn bài, thuế nhà đất, thuế XNK, thuế GTGT...)

Như vậy, Chỉ số APCI gồm hai chỉ số thành phần Chi phí thời gian, và Chi phí trực tiếp, phản ánh hai loại chi phí chủ yếu mà doanh nghiệp sẽ phải chi trả khi thực hiện thủ tục hành chínhMối quan hệ giữa các chỉ số này được thể hiện trong công thức ở Hình 3 dưới đây

Hình 3: Cấu trúc chỉ số APCI

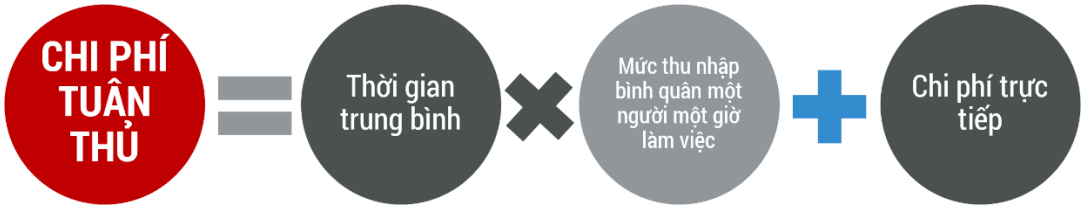

Trong đó:

- Chi phí tuân thủ (CPTT) bao gồm các trường hợp Doanh nghiệp tự thực hiện hoặc sử dụng một phần dịch vụ trung gian; và Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói. Theo giả định của APCI, một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có chi phí tuân thủ thấp được coi là thủ tục hành chính có chất lượng tốt.

- Chi phí thời gian là thời gian trung bình của một doanh nghiệp để thực hiện một TTHC theo 5 bước thực hiện (như trên). Thời gian trung bình (giờ) được quy đổi ra chi phí bằng tiền bằng cách nhân với Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc. Số liệu về thời gian được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước.

- Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc = Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)/ (Số dân (tương ứng năm thống kê) x 12 tháng x 22 ngày làm việc x 08 giờ làm việc). (theo Thông tư 07/2014/TT-BTP). Số liệu về tổng sản phẩm trong nước được lấy từ nguồn số liệu của Tổng cục thống kê 2017.

- Chi phí trực tiếp trung bình của một doanh nghiệp để thực hiện một TTHC bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản phí, lệ phí, chi phí không chính thức, chi phí thuê/ mua ngoài dịch vụ. Số liệu về chi phí được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước.

KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

Đối tượng khảo sát: Các doanh nghiệp trên cả nước đã thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2017.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát: Các doanh nghiệp tham gia khảo sát APCI được chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách các doanh nghiệp đã hoàn thành TTHC (nhận được kết quả của TTHC) trong 6 tháng cuối năm 2017 được 769 cơ quan quản lý nhà nước địa phương cung cấp. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu.

Quy mô mẫu khảo sát: Số lượng mẫu tối thiểu cho mỗi nhóm TTHC được phân tích đảm bảo độ tin cậy 95% và khoảng sai số ±5. Ở mỗi địa phương/ vùng được phân tích đảm bảo số lượng mẫu ≥5 đối với mỗi nhóm TTHC được phân tích, và đảm bảo tổng lượng mẫu ≥20 cho mỗi địa phương trong phân tích tổng thể các nhóm TTHC.

Các bước thực hiện thu thập thông tin và phân tích số liệu:

- Bước 1: Xây dựng công cụ đánh giá gồm Bảng thông tin về TTHC theo VBQPPL và Bảng hỏi thu thập thông tin doanh nghiệp cho 82 TTHC. Điều tra thử nghiệm các bảng hỏi thu thập thông tin doanh nghiệp. Thời gian thực hiện tháng 12/2017

- Bước 2: Gửi bảng thông tin về TTHC theo VBQPPL đến 63 địa phương để đối chiếu với việc quy định của địa phương về TTHC đó. Trường hợp địa phương nào có quy định khác so với quy định của văn bản trung ương, địa phương đó sẽ thực hiện việc điền bảng thông tin đối với TTHC đó. Các cơ quan địa phương cung cấp danh sách doanh nghiệp đã hoàn thành TTHC (nhận được kết quả của TTHC) trong 6 tháng cuối năm 2017. Thời gian thực hiện từ tháng 12/2017 - tháng 3/2018.

- Bước 3: Lựa chọn doanh nghiệp và gửi phiếu khảo sát (đường dẫn đến phiếu khảo sát trực tuyến) tới từng doanh nghiệp đã được lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách do các cơ quan quản lý địa phương cung cấp. Đã có 20.397 doanh nghiệp được lựa chọn để gửi thư mời tham gia khảo sát trực tuyến. Điều tra viên liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp đề nghị tham gia trả lời phiếu khảo sát trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày mở khảo sát trực tuyến và hướng dẫn cách điền mẫu phiếu (nếu cần thiết). Thời gian thực hiện từ tháng 1 – 3/ 2018.

- Bước 4: Xử lý bảng khảo sát đã tiếp nhận và tiến hành xác minh thông tin trên toàn bộ các bảng khảo sát đảm bảo thông tin cung cấp chính xác. Loại bỏ các bảng hỏi cung cấp thông tin không hoàn chỉnh, không thống nhất và có xung đột, giảm thiểu độ nhiễu thông tin. Kết quả có được 3.083 phiếu khảo sát đạt yêu cầu phân tích. Thời gian thực hiện tháng 2-3/ 2018.

- Bước 5: Tổng hợp số liệu, phân tích so sánh giữa các TTHC theo lĩnh vực, theo địa phương; xác định những lĩnh vực có mức độ tập trung lớn về chi phí tuân thủ TTHC.

Phân tích xác định trọng tâm của các lĩnh vực cải cách TTHC. Thời gian thực hiện tháng 2-3 năm 2018.

CÁC CÔNG THỨC SO SÁNH, TÍNH ĐIỂM ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO

$$\text{CPTT (VNĐ)} = \text{Chi phí thời gian (VNĐ)} + \text{Chi phí trực tiếp (VNĐ)}$$

$$\text{Chi phí thời gian (VNĐ)} = \text{Thời gian (giờ)} \times \text{Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc (VNĐ)}$$

$$\text{CPTT trung bình của nhóm TTHC (VND)} = \frac{\text{CPTT của doanh nghiệp 1 + CPTT của doanh nghiệp 2 + …+ CPTT của doanh nghiệp n}}{\text{N doanh nghiệp}}$$

$$\text{Khoảng cách đến thực tiễn tốt nhất của nhóm TTHC}_n = 100 - \frac{\text{CPTT trung bình cả nước của nhóm TTHC}_n - \text{CPTT trung bình của địa phương thấp nhất của nhóm TTHC}_n}{\text{CPTT trung bình của nhóm TTHC}_n} \times 100$$

HỒ SƠ DOANH NGHIỆP TRONG APCI 2017

Tổng số trả lời theo từng nhóm TTHC

Nhóm TTHC	Số doanh nghiệp trả lời	Tỷ lệ
Khởi sự doanh nghiệp/Đăng ký kinh doanh	526	17%
Thuế	473	15%
Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	472	15%
Hải quan	452	15%
Xây dựng	329	11%
Đất đai	329	11%
Đầu tư	297	10%
Môi trường	203	10%
Tổng cộng	**3081**	**100 %**

Loại hình doanh nghiệp

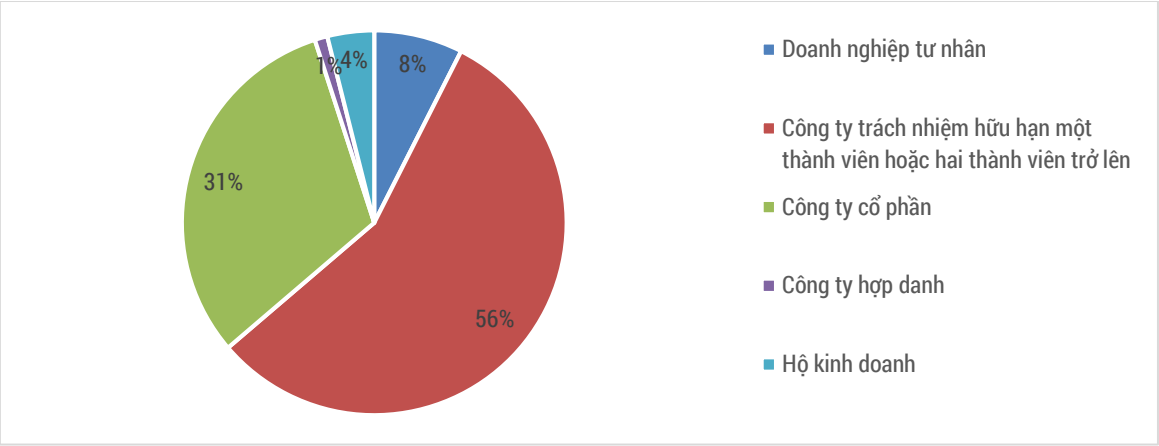

Ngành nghề kinh doanh

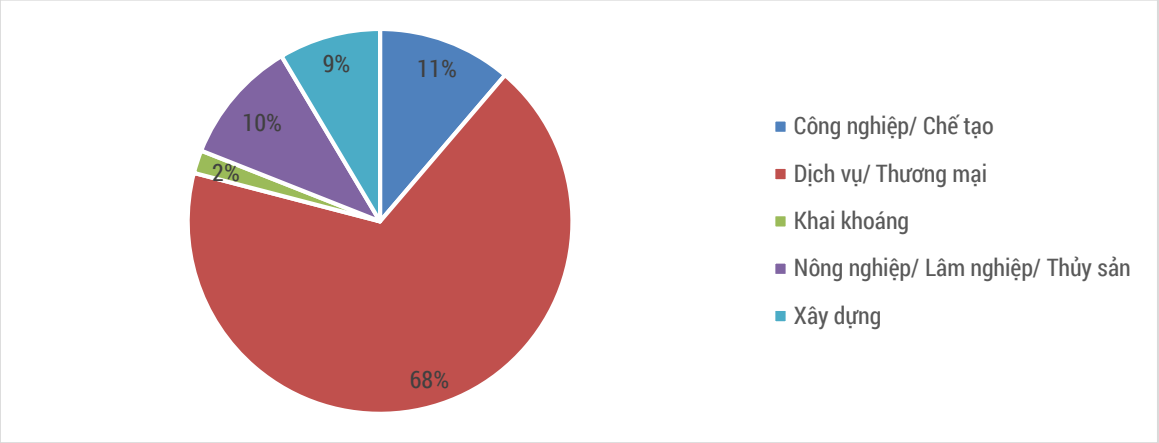

Quy mô doanh nghiệp

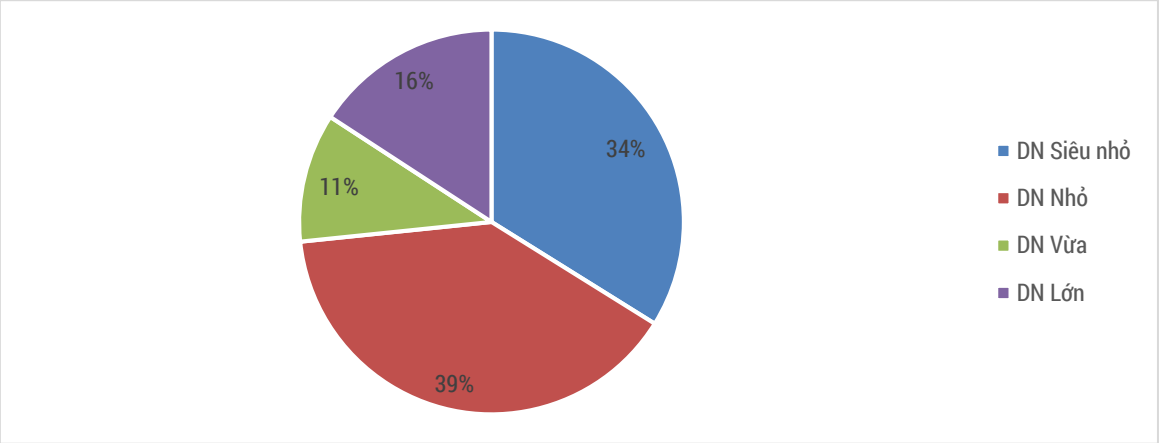

Hồ sơ người trả lời bảng hỏi

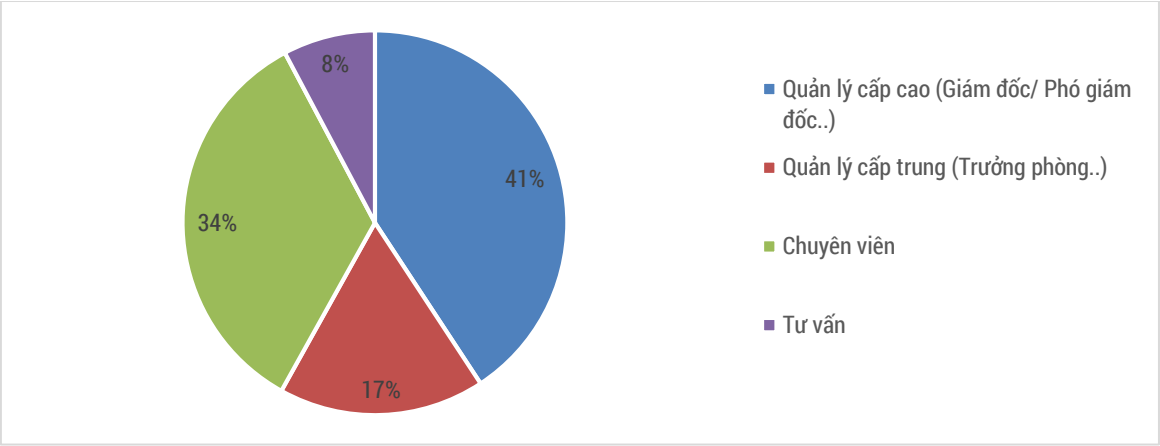
8%
41%
34%
17%
Quản lý cấp cao (Giám đốc/ Phó giám đốc..)
Quản lý cấp trung (Trưởng phòng..)
Chuyên viên
Tư vấn

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC NHÓM TTHC ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG CHO CHỈ SỐ APCI 2017

TT	Tên nhóm TTHC	Số lượng TTHC trong nhóm
1.	Đất đai	3
2.	Đầu tư	10
3.	Giao thông vận tải	3
4.	Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	7
5.	Hải Quan	4
6.	Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh	9
7.	Lao động, bảo hiểm xã hội	7
8.	Môi trường	3
9.	Nông nghiệp	10
10.	Tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp	6
11.	Thị trường vốn	3
12.	Thực thi hợp đồng	9
13.	Thuế	3
14.	Xây dựng	5
	Tổng cộng	**82**

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC TTHC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CHO CHỈ SỐ APCI 2017

Nhóm TTHC về Khởi sự doanh nghiệp/ Đăng ký kinh doanh

- Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
- Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
- Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh
- Thông báo mẫu con dấu
- Đăng nội dung đăng ký trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
- Đề nghị sử dụng hóa đơn tự in, đặt in
- Chuyển đổi công ty
- Thủ tục đăng ký bảo hiểm xã hội
- Khai thuế nộp thuế môn bài lần đầu

Nhóm TTHC về Đầu tư

- Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
- Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
- Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
- Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)

- Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Chuyển nhượng dự án đầu tư
- Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

Nhóm TTHC về Đất đai

- Thủ tục đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu
- Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
- Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức

Nhóm TTHC về Xây dựng

- Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn khác
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước (đối với dự án sử dụng vốn khác)
- Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (trừ thiết kế công nghệ và và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng
- Cấp giấy phép xây dựng
- Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

Nhóm TTHC về Môi trường

- Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
- Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

Nhóm TTHC về Thuế

- Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp
- Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

Nhóm TTHC về Hải Quan

- Thủ tục hủy tờ khai
- Đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia
- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu
- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Nhóm TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
- Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh
- Thủ tục cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm
- Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh
- Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
- Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa
- Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy
- Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

PHỤ LỤC 4: TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 04/BC-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
2. Báo Đấu thầu, Thủ tướng dự hội nghị triển khai kế hoạch năm 2018 ngành Xây dựng, 16/01/2018, Xem tại: http://baodauthau.vn/thoi-su/thu-tuong-du-hoi-nghi-trien-khai-ke-hoach-nam-2018-nganh-xay-dung-61551.html , xem ngày 15/5/2018
3. Báo Lao động, Năm 2018 tiếp tục cắt bỏ 50% các điều kiện kinh doanh: Khó mấy cũng phải làm, 3/2018, Xem tại: https://laodong.vn/kinh-te/nam-2018-tiep-tuc-cat-bo-50-cac-dieu-kien-kinh-doanh-kho-may-cung-phai-lam-584411.ldo , xem ngày 15/5/2018
4. Báo Vietnamnet, Thủ tướng: Không đánh đổi môi trường vì lợi ích trước mắt, 24/08/2016, Xem tại http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/thu-tuong-khong-danh-doi-moi-truong-vi-loi-ich-truoc-mat-322872.html , xem ngày 15/5/2018
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp, Xem tại: http://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx , xem ngày 15/5/2018
6. Bộ Nội vụ, Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) 2017
7. CIEM và IFC, Cải cách quy trình và thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai và xây dựng: Sổ tay tham khảo về cải cách hành chính dành cho địa phương, 2012
8. CIEM và UNDP, Lịch sử hay Chính sách: Tại sao các tỉnh phía Bắc không tăng trưởng nhanh hơn, 2004
9. David Packer and Colin Kirkpatrick, Measuring Regulatory Performance: the economic impact of regulatory policy: A literature review of quantitative evidence, OECD, trang 21 -22, 2012; Kevin Poel và các tác giả khác, Administrative Simplification and Economic Growth: A Cross Country Empirical Study, Journal of Business Administration Research, Vol. 3, No. 1; 2014
10. Diễn đàn Kinh tế Tư nhân Việt Nam, Báo cáo kết quả chỉ số Niềm tin doanh nhân CEO.CI 2017
11. Đỗ Hạnh, Những dấu ấn qua công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Xem tại http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/mthanhtra/r/m/pthtitoho/pthtitoho_chitiet?dDocName=MOFUCM119697&dID=61051&_afrLoop=9064128364527607#!%40%40%3F_afrLoop%3D9064128364527607%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DMOFUCM119697%26dID%3D61051%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dadv4peoyy_4xem ngày 30/7/2018
12. Gørgens, Tue and Paldam, Martin and Wurtz, Allan, How Does Public Regulation Affect Growth? (Các quy định pháp luật có ảnh hưởng thế nào đến tăng trưởng?). Đại học Kinh tế Aarhus, Working Paper Số. 2003-14. Xem tại SSRN: https://ssrn.com/abstract=442861
13. Kim Hoa - Cục Tin học và Thống kê tài chính, Năm 2017: Hơn 790.000 bộ hồ sơ xử lý qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Xem tại http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/lvtc/hdhcntt/hdhcntt31/hdhcntt313356/hdhcntt_chitiet464330?dDocName=MOFUCM119563&_afrLoop=9064621680387217#!%40%40%3F_afrLoop%3D9064621680387217%26dDocName%3DMOFUCM119563%26_adf.ctrl-state%3Dd225zm7fy_9, xem ngày 30/7/2018
14. Ngân hàng thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 về Việt Nam (tiếng Anh), Xem tại http://www.doingbusiness.org/reports/global-

reports/~/media/WBG/DoingBusiness/documents/profiles/country/VNM.pdf xem ngày 15/3/2018, xem ngày 15/5/2018
15. Tổng cục Hải quan, Từ 01/2/2018, Tổng cục Hải quan triển khai thêm 42 TTHC trên Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến, 5/02/2018, Xem tại https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=26898&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt, xem ngày 15/5/2018
16. Thời báo Ngân hàng, Hơn 35.200 DN thành lập mới và quay lại hoạt động trong quý đầu năm, 3/2018, Xem tại: http://thoibaonganhang.vn/hon-35200-dn-thanh-lap-moi-va-quay-lai-hoat-dong-trong-quy-dau-nam-74143.html, xem ngày 15/5/2018
17. Thời báo Tài chính Việt Nam online, Bộ Y tế sẽ cắt giảm 1.151 điều kiện kinh doanh, xem tại http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2018-04-26/bo-y-te-se-cat-giam-1151-dieu-kien-kinh-doanh-56686.aspx, xem ngày 15/5/2018
18. UNCTAD (2016), FDI Inflow by Region and Economy, 1990 – 2016
19. VCCI/Tổng cục Hải quan, Đánh giá cải cách thủ tục hành chính HẢI QUAN: Mức độ hài lòng của Doanh nghiệp năm 2016
20. VCCI, Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2018, Xem tại http://pcivietnam.org/an-pham/bao-cao-pci-2017/, xem ngày 15/5/2018
21. VCCI, Doanh nghiệp ghi nhận lợi ích của hệ thống thuế điện tử, Xem tại http://vcci.com.vn/doanh-nghiep-ghi-nhan-loi-ich-cua-he-thong-thue-dien-tu, xem ngày 15/5/2018

Văn bản quy phạm pháp luật

22. Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
23. Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước
24. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018
25. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017
26. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016
27. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 – 2016
28. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia
29. Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành
30. Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử

31. Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh
32. Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 – 2010
33. Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
34. Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020
35. Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020
36. Quyết định 448/QĐ-TTg ngày 25 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020
37. Quyết định số 509/QĐ-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính
38. Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17 tháng 05 năm 2011 phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 – 2020
39. Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ việc thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 – 2020
40. Quyết định 1614/QĐ-BTC ngày 19 tháng 07 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành "Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016-2020
41. Thông tư liên tịch 02/2007/TTLT-BKH-BTC-BCA ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Công an về việc hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp giấy phép khắc dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp